

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O



KÍNH MỪNG

Phật đản

lần thứ 2633, PL. 2553-2009

Số đặc biệt



TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP

TÔN LẠNH

NEW

TÔN LẠNH MÀU

Được Sản Xuất Trên DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN NHẤT THẾ GIỚI



Tel: (+84 8) 910 6 910 * www.hoasengroup.vn



Cholontourist

CTy TNHH Lữ Hành Chợ Lớn

Mừng Lễ Phật Đản

Chiêm Bái Phật Tích



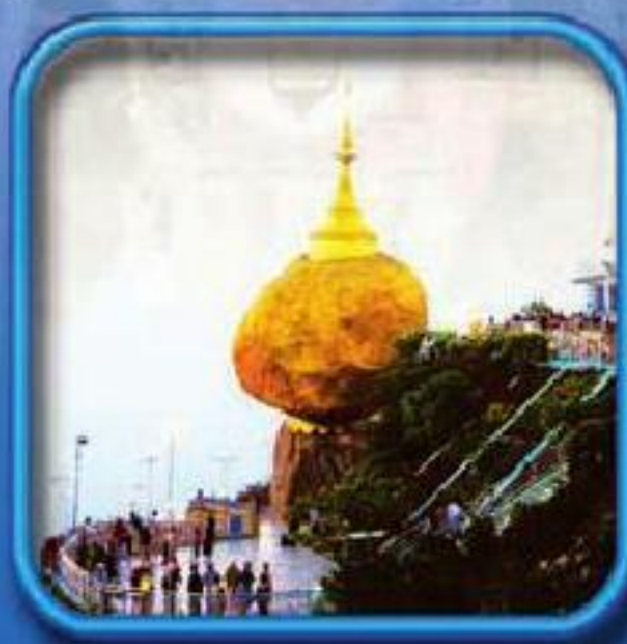
Tinh Hoa Của Phật Giáo

Kỳ Quan Của Thế Giới



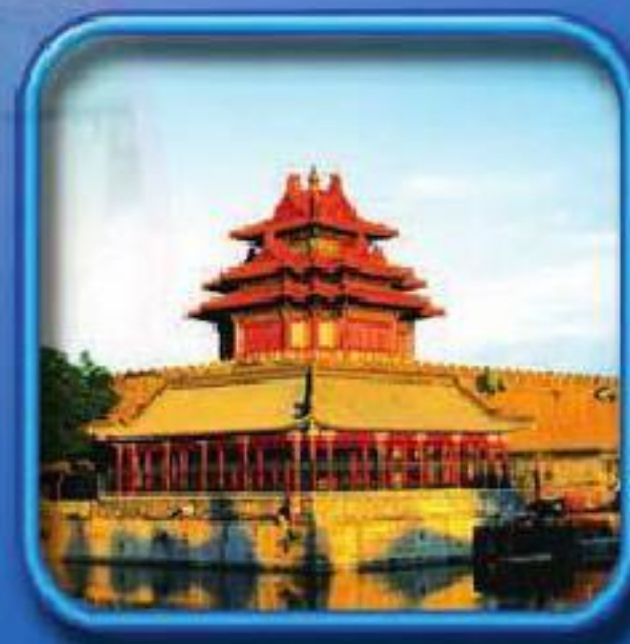
[Ấn Độ]

Khởi hành 10/10 ; 18/11 và 10/12



[Miền Điện]

Khởi hành 04/06 ; 25/07 và 30/08



[Trung Quốc]

Khởi hành 08/06 và 12/08

Địa chỉ: 97J Nguyễn Duy Dương, Phường 9, Quận 5, TPHCM

Tel: (84 8) 383 54678 - Fax: (84 8) 383 57089 - Email: hanhhuong@cholontourist.com.vn

www.cholontourist.com.vn

NHÀ TỔ CHỨC TOUR HÀNH HƯƠNG CHUYÊN NGHIỆP

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 81

Phát hành ngày 15 - 5 - 2009



CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Bà Nguyễn Thị Xuân
Cửa hàng sách Chân Tĩnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0904 990 666

HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, Chi nhánh Cty Cổ phần
Lao Động tại Quảng Nam
86 Lê Duẩn, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

NHA TRANG

Sư cô Chơn Ánh,
Cơm chay Thiên Duyệt
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 3819 198 – 0935 536 061

BUỒN MA THUỘT

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột, Daklak
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

ĐÀ LẠT

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông, chùa Phật Học
11 Đại lộ Hòa Bình, TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho – Tiền Giang
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656
Đại lý Mây Hồng
57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho – Tiền Giang
ĐT: 0733.877.054

Nhà sách Hòa Phong
69A2 đường Nguyễn Trãi,
TP Mỹ Tho – Tiền Giang
ĐT: 0733.877.271

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 – 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

Tại Phòng phát hành
113 Bạch Đằng, P.15, Bình Thạnh
ĐT: 38.991.529

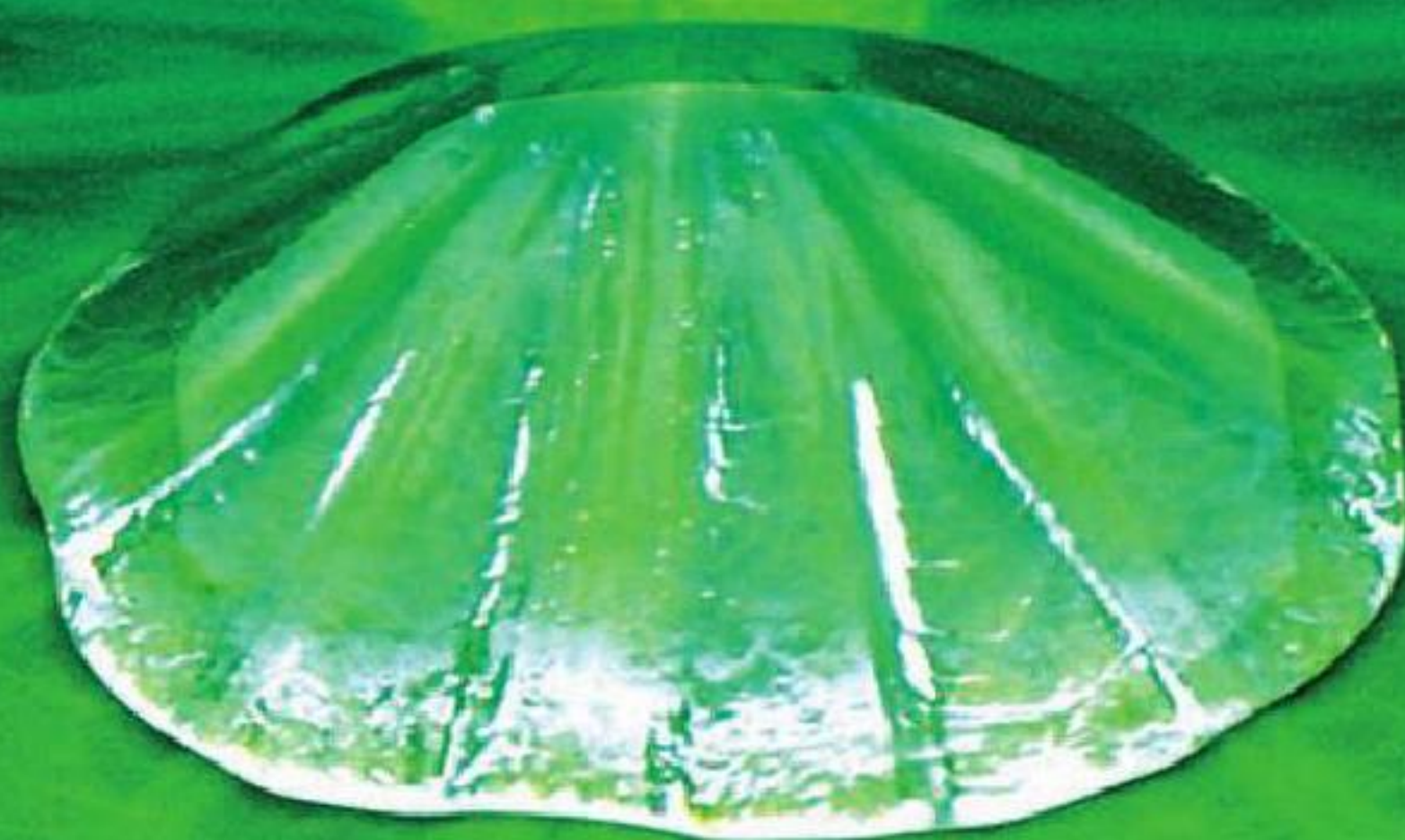
Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHÁT ĐẢN
LẦN THỨ 2633 – PL. 2553,
KÍNH CHÚC CHU TÔN ĐỨC GIÁO PHẨM TĂNG NI,
QUỶ CỘNG TÁC VIÊN, THÂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

VÔ LƯỢNG AN LẠC
HẠNH PHÚC, AN NHIÊN

VĂN HÓA
P HẬT G I Á O



Thư tòa soạn

Quý độc giả thân mến,

Quý vị đang cầm trên tay ấn phẩm đặc biệt kính mừng Đại lễ Phật đản PL. 2553, một món quà tinh thần không thể thiếu đối với đông đảo độc giả Văn Hóa Phật Giáo, tờ báo Phật giáo đã hiện diện và đồng hành đều đặn cùng độc giả trong hơn bốn năm qua.

Đạo Phật là lý tưởng sống và tín ngưỡng của đa số người Việt chúng ta. Ở các tỉnh thành có truyền thống Phật giáo lâu đời, ở các đô thị phát triển, các trung tâm văn hóa của đất nước..., Đại lễ Phật đản là một lễ hội tâm linh lớn, được tổ chức quy mô với nhiều hoạt động phong phú. Gần đây, ở Tây Nguyên việc hàng ngàn người dân tộc thiểu số phát nguyện quy y Tam bảo, trở thành người Phật tử, đã khiến niềm vui trong mùa Phật đản được cộng hưởng, thêm lớn mạnh. Tuy nhiên, ở một số tỉnh, những nơi mà Phật giáo đã có mặt trong đời sống của người dân xa xưa thì nay lại trở thành vùng đất hoang vu thiếu vắng hình ảnh Tăng Ni, thiếu vắng tiếng chuông chùa sớm hôm, không một hoạt động Phật giáo được tổ chức, ngay cả đối với Đại lễ Phật đản, một sự kiện văn hóa từng được lịch sử dân tộc ghi nhận là Quốc lễ.

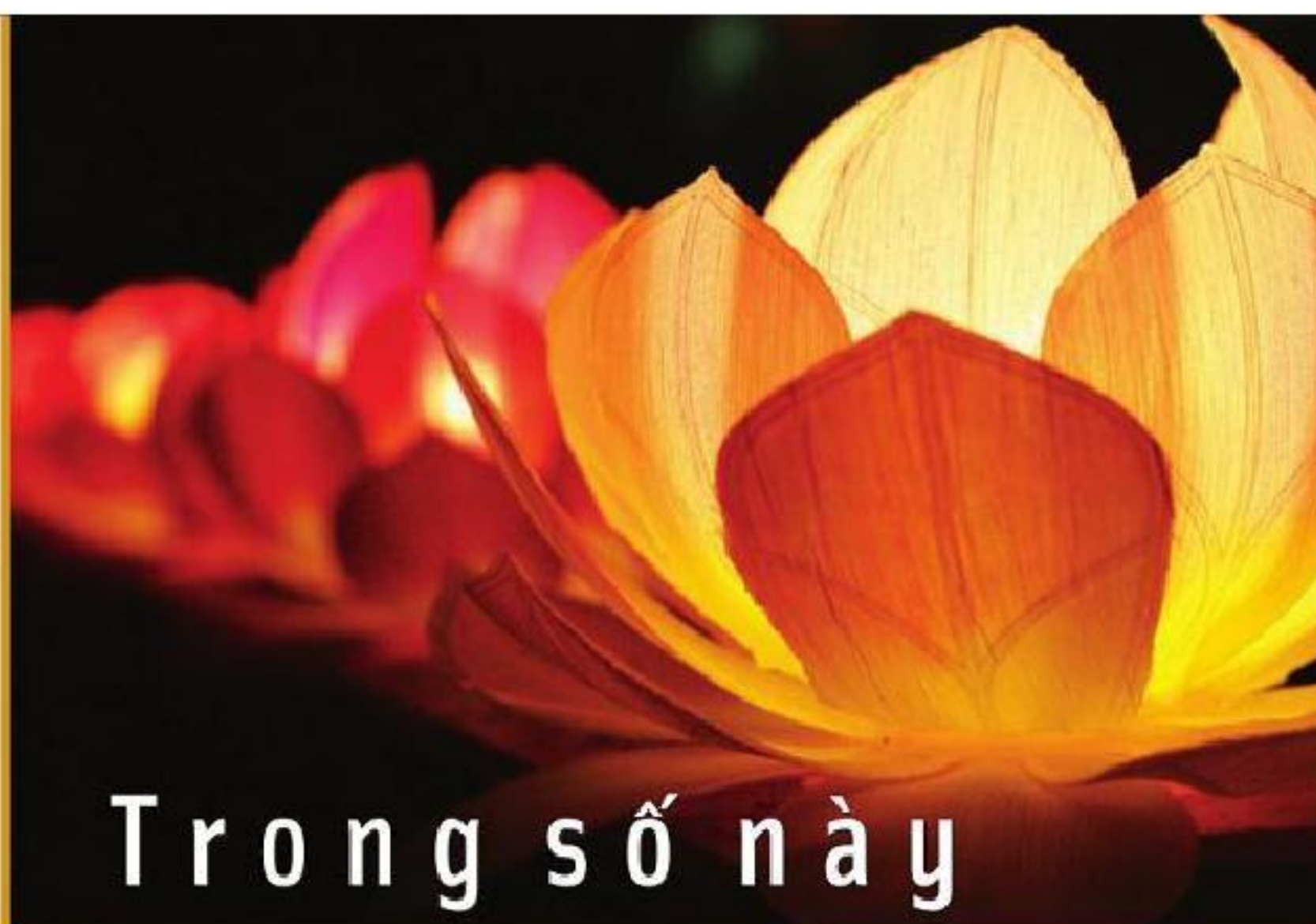
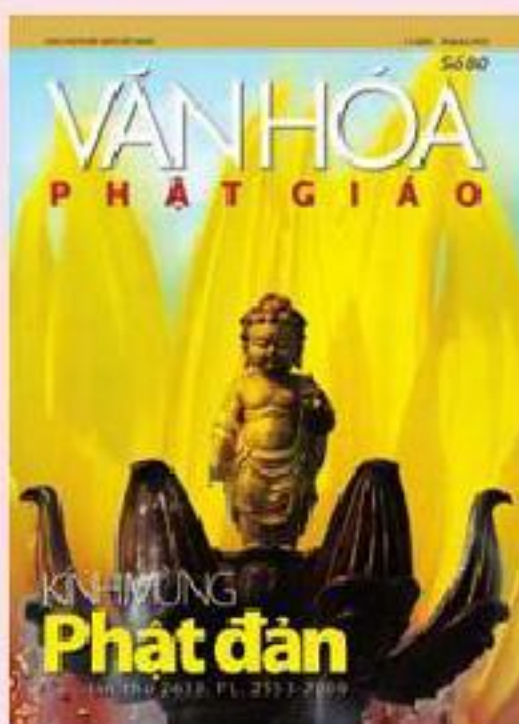
Trong số này, Văn Hóa Phật Giáo trân trọng giới thiệu Thông điệp của Đức Pháp chủ GHPGVN, phát biểu của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, những thông tin, hình ảnh, cảm xúc về sự kiện Đức Phật đản sinh, những thánh địa liên quan đến cuộc đời Đức Phật, cùng những điều vừa đề cập trên sẽ được nói đến qua một số bài viết trên các chuyên mục thường kỳ.

Thái tử Tất-đạt-đa đản sinh đã đem đến niềm vui lớn, vì chính Con Người ấy sau đó, với quá trình tự nhận thức, tự rèn luyện, tu tập, tự thân chứng nghiệm, trở thành một vị Phật, Bậc đã thấu hiểu khổ đau, nguyên nhân của khổ đau và đã chỉ rõ cách giải thoát khổ đau không phải ở đâu xa, ở quyền thường phạt của một đấng sáng tạo hay thần linh siêu nhiên mà nằm ngay nơi mỗi con người chúng ta.

Trong niềm hân hoan đón mừng Đại lễ Phật đản PL. 2553 – 2009, chúc quý độc giả sống trong niềm vui lớn ấy, và cùng nắm tay nhau, chia sẻ niềm vui để niềm vui, hạnh phúc được lớn, rộng trong tinh thần mà Đức Phật đã dạy.

Trân trọng,
Văn Hóa Phật Giáo





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập
TRẦN TUẤN MÂN (Thường trực)
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỂN

Thư ký Tòa soạn
ĐỨC SƠN

Trị sự
LÂM HOÀNG LỘC

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phát hành và Quảng cáo
113 Bạch Đằng, Phường 15
Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3258 1669 - 3899 1529
Fax: (08) 3258 1663

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Thông điệp của Đức Pháp chủ GHPGVN	5
Giữ trọn cốt cách của người tu Phật trong mọi hoàn cảnh là điều sống còn (<i>Hòa thượng Thích Trí Tịnh</i>)	6
Ngày này năm xưa (<i>Hạnh Doan</i>)	8
Tượng Phật đàn sinh trong di sản văn hóa của dân tộc (<i>Nguyễn Thanh Chương</i>)	10
Về một ngày Đại lễ năm xưa (<i>Trùng Dương</i>)	13
Dưới cội Bồ-đề (<i>Đỗ Khê</i>)	16
Giữa đời người trí kẻ ngu (<i>Nguyễn Phước</i>)	20
Khi thân thể biến mất (<i>Ajahn Brahmavamso</i>)	22
Sự tu tập toàn diện (<i>Joan Sutherland</i>)	25
Chùa Văn Quỳ - chốn nương tựa bình yên (<i>Nguyễn Mỹ</i>)	30
Phật giáo Quảng Bình: Chờ vụ gieo giống (<i>Cao Huy Hóa</i>)	32
"Và nụ cười nổi trên môi..." (<i>BS. Đỗ Hồng Ngọc</i>)	35
Thơ (<i>Trần Bì Ngạn</i>)	39
Cho đi lại từ đầu... (<i>Nguyễn Cẩn</i>)	40
Nhật diện Phật, nguyệt diện Phật (<i>giới thiệu sách, Bùi Văn Nam Sơn</i>)	44
Khái quát mỹ thuật Phật giáo Ấn Độ thời phôi thai (<i>Radha Banerjee</i>)	49
Gần 4.000 người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên quy y Tam bảo	53
Trắng trước đỏ sau (<i>truyện ngắn của Hồ Anh Thái</i>)	54
Hội thảo Phật giáo với doanh nghiệp và đời sống (<i>Hoàng Hằng</i>)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	58
Món chay: Chè Lục tào xá (<i>Hoàng Anh - Phú Xuân</i>)	59

Bìa 1: Đức Phật đàn sinh, tượng Trung Quốc. Ảnh: Cao Hưng - Nguyễn Vũ.

THÔNGIỆP

**CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GỬI TĂNG NI, PHẬT TỬ
NHÂN DỊP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2553 – DƯƠNG LỊCH 2009**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni,
Quý cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài

Hòa chung không khí đại hoan hỷ và hòa hợp của Tăng Ni, Phật tử trên khắp hành tinh, hôm nay các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng như mỗi cơ sở tự viện trong toàn quốc, Tăng Ni, Phật tử cả nước long trọng tổ chức Đại lễ kỷ niệm ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ Giáo chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật – Phật lịch 2553, dương lịch 2009. Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh và nhân danh cá nhân, tôi có lời cầu chúc đến chư tôn đức giáo phẩm, cùng toàn thể quý vị Đại đức Tăng Ni, cư sĩ Phật tử ở trong nước và ở nước ngoài thân tâm thường an lạc, Phật sự thành tựu.

Kỷ niệm ngày Đản sinh của Đức Bản Sư là sự kiện quan trọng của mỗi người Phật tử, đó cũng là cơ duyên để mỗi chúng ta khẳng định sự trong sáng của giáo lý Đức Phật và sự đóng góp của Phật giáo trong suốt chiều dài hơn 2.500 năm qua đối với nhân loại. Tư tưởng giáo lý về hòa bình, từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha và tự giác ngộ đối với chính bản thân mỗi người vẫn luôn là kim chỉ nam đối với người con Phật trên con đường tu tập và phụng sự Đạo pháp, Dân tộc, đó cũng là tư tưởng phù hợp với sự tiến bộ xã hội. Đây chính là cốt lõi mà chúng ta cần phải nhận thức đúng đắn và trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp thích hợp trong việc giải quyết những vấn đề của thời đại như nghèo đói, chiến tranh, xung đột tôn giáo, sắc tộc và công bằng xã hội.

Hai nghìn năm hiện diện, đồng hành với dân tộc và trở thành tôn giáo của dân tộc, Phật giáo Việt Nam luôn phát huy những giá trị tích cực của giáo lý Đức Phật, góp phần tích cực đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Nhiều hoạt động Phật sự ích đạo lợi đời được các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và cá nhân mỗi Tăng Ni, Phật tử quan tâm chú trọng, triển khai toàn diện không chỉ ở trong nước mà còn đối với cộng đồng quốc tế và cộng đồng Phật tử Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, tôi có lời tán thán công đức đến các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cá nhân mỗi chư tôn giáo phẩm và Tăng Ni, Phật tử đã không ngừng tinh tấn, phụng sự đạo pháp và dân tộc để Phật pháp được xương minh, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Nhân dịp ngày Đản sinh của Đức Bản Sư, tôi kêu gọi các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và mỗi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài với vai trò trách nhiệm của mình hoàn thành tốt mọi Phật sự để thiết thực chào mừng Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội và Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ VI được tổ chức tại Việt Nam vào trung tuần tháng 11 năm 2010.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

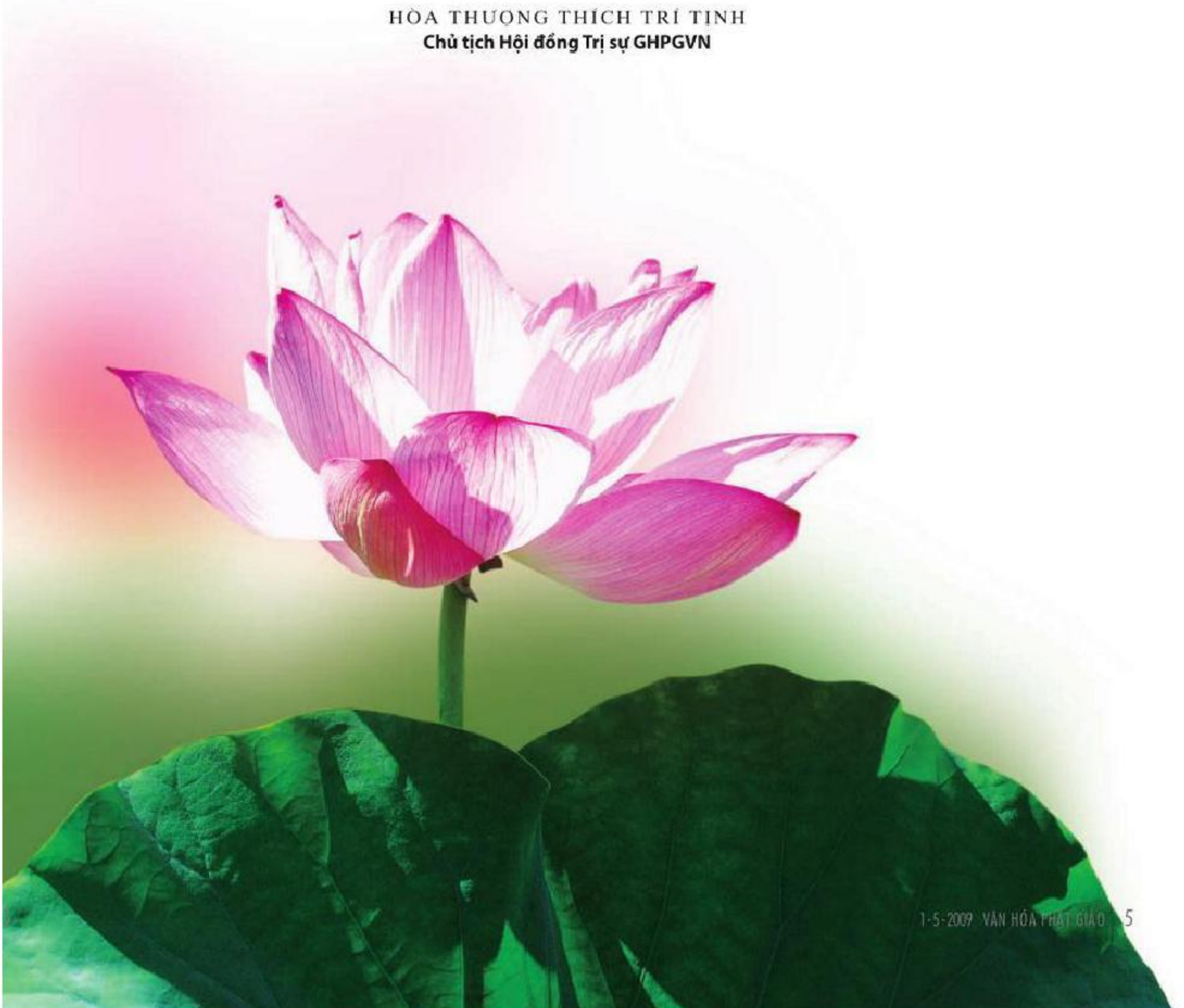
**TM. BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHÁP CHỦ**



HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ

Giữ trọn cốt cách của người tu Phật trong mọi hoàn cảnh **là điều sống còn**

HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH
Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN



2.633

năm trước đây, vào tháng Tư, mùa Hạ, ngày trăng tròn, Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni đản sanh tại vườn Lâm-tỳ-ni, cách kinh thành Ca-tỳ-la-vệ 25 cây số về phía Đông của nước Ấn Độ cổ. Theo truyền thống, bấy giờ ánh sáng chan hòa khắp vũ trụ, mặt đất rung chuyển, nhạc trời lừng vang, hoa trời tuôn rải... báo hiệu sự xuất hiện của đấng Toàn giác, Toàn năng, cứu độ hết thảy chúng sanh trên đời. Như Khế kinh đã đề cập: *"Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, của đại quang, đại minh; là sự xuất hiện của thù thắng và sự chứng ngộ vô ngại giải, là sự chứng đạt các giới và các giới sai biệt, là sự chứng ngộ minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-ha. Người ấy là ai? Chính là Như Lai A-la-hán".*

Kỷ niệm ngày Khánh đản của Đức Bồ Sư, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam để lòng hướng về quá khứ, về vùng đất thiêng và tường như trong hiện tại, chúng ta đang tắm mình trong ánh vàng rực rỡ của kim thân Đức Phật. Lâm tỳ ni nay thuộc phía Nam Nepal, giáp giới Ấn Độ với những di tích linh thiêng, trụ đá của vua A-dục, đền thờ Thánh mẫu Ma da, cây Bồ đề xanh tốt, ao thiêng mà Thánh Thái tử Tất-đạt-đa tắm mát lúc chào đời... Vùng đất thiêng liêng này, nơi Đức Phật đã sinh ra và đã một thời dùng chân thuyết pháp trên đường du hóa của Ngài, ngày nay đã trở thành Thánh địa Phật giáo, được UNESCO công nhận là di sản của thế giới, được bao quanh bởi rất nhiều chùa chiền, tự viện của Phật giáo nhiều nước, đầu tiên là của Phật giáo Việt Nam. Ký ức, tưởng niệm của người con Phật không chỉ hạn hẹp trong không gian và thời gian mà là ký ức, tưởng niệm về một đại sự nhân duyên hy hữu luôn luôn tỏa sáng, hướng dẫn cho sự phát triển tâm linh, làm tăng trưởng quyết tâm tu tập, thực hành theo giáo pháp của Đức Từ Phụ. Ý nghĩa lớn lao nhất cho sự xuất hiện của Đấng Đại giải thoát là lòng Đại từ bi muốn cứu khổ hết thảy chúng sanh. Ngài dạy: *"Ta thương các vị hơn cha mẹ thương con. Ta làm Phật ở thế gian này để đối trị với cái xấu ác, loại trừ cái khổ sanh tử, khiến mọi người được đầy phước đức, đạt đến sự an ổn vô vi".*

Chính sách bảo vệ và phát huy tư tưởng, văn hóa truyền thống dân tộc của Nhà nước ta đã tạo những thuận duyên lớn cho việc phát triển tôn giáo trên đất nước Việt Nam thân yêu này, đặc biệt là cho Phật giáo chúng ta. Trong hơn hai thập niên qua, sự vững mạnh và những thành tựu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được thể hiện rõ rệt về tổ chức, nhân sự, về khả năng hoạt động Phật sự vì Đạo pháp và Dân tộc... Sự phát triển của Phật giáo Việt Nam, như từ suốt hơn 2.000 năm trước đây, luôn luôn song hành với sự phát triển của đất nước. Mặt khác, trong thời đại mới, những hiện tượng suy giảm đạo đức ở khắp nơi trên thế giới cũng như tại Việt Nam cũng là mối quan ngại lớn cho phương hướng phát triển chung. Tăng Ni và Phật tử chúng ta trước hết cần củng cố niềm tin Tam Bảo, biết sợ hãi và biết đối trị với những điều xấu ác, biết hổ thẹn về những hành vi xấu ác của mình; từ đó kiên trì, nhẫn nại, tinh tấn trong việc phát triển trí tuệ,

tâm linh. Trong kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy: *"Này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này thì ngay trong hiện tại sống an lạc, không tổn não, không ưu não, không nhiệt não; và sau khi mạng chung, được chờ đợi là cõi lành. Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, đó là có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi, có tinh cần, tinh tấn và có trí tuệ".* Lời dạy trên nhấn mạnh đến nỗ lực tự tu, nhưng mặt khác sự khuyến khích mọi người tự tu, tạo nên một xã hội hiền hòa, lành mạnh với những cái tâm trong sáng, hướng đến giải thoát mới là mục tiêu của Phật giáo: Tu tập Tam vô lậu học, vượt khỏi phiền trước, chấp trước, đạt đến trí tuệ toàn hảo. Đức Phật dạy tiếp: *"Này các Tỷ-kheo, tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiền định và khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến. Và các Tỷ-kheo nếu thành tựu năm pháp này thì đem lại hạnh phúc cho mình và cho người".*

Hiện nay như đã nói, 28 năm qua từ khi được thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã vượt qua những khó khăn, để đạt được những thành tựu khả quan, chứng tỏ uy tín, năng lực của mình đối với quần chúng nhân dân trong và ngoài nước. Nhưng uy tín, năng lực lớn lao nhất thì thuộc về đạo hạnh tu hành của Tăng Ni, Phật tử chúng ta; điều này thì khó thể hiện, khó được đo lường, lại là cái cốt lõi của mạng mạch Phật giáo. Chúng ta chỉ biết nhắc nhở nhau giữ trọn cốt cách của người tu Phật, giữ trọn tâm mình cho thanh tịnh, làm việc Đạo, việc đời mà không quên tu tâm, dưỡng tánh; nói pháp cho người làm, nhưng chính mình không quên hành trì theo pháp cho chính mình. Tôi cũng xin kêu gọi các vị bồ sư, các vị thân giáo, các giảng sư, ngành hoằng pháp, ngành giáo dục Phật giáo nỗ lực lưu tâm trong việc đào luyện đội ngũ Tăng Ni trẻ mà tương lai sẽ là "những vị Như Lai sứ hành Như Lai sự", làm gương mẫu cho quần chúng Phật tử. Phật giáo phát triển như thế nào là tùy thuộc chủ yếu vào những người tu tập và thực hiện Phật sự. Khó khăn không phải chỉ đến từ ngoại cảnh mà thường phát sinh tự chính trong tâm chúng ta. Hãy cố giữ lấy tâm mình và lòng tin Tam bảo để nỗ lực vượt khó, đem công sức thành tựu các Phật sự lợi Đạo ích đời và tinh tiến trong tu tập. Thực hiện như thế, tôi tin rằng chúng ta sẽ cảm nhận được một sức mạnh mới trong tự thân mỗi người, và tôi nghĩ rằng đây chính là năng lực gia trì thiêng liêng mà Đức Phật đã hộ trì cho chúng ta.

Nhân kỷ niệm ngày Đản sanh của Đức Phật PL.2553, tôi chân thành cầu chúc chư tôn giáo phẩm, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và toàn thể quý Phật tử trong và ngoài nước được an Khang, Phật sự viên thành. Mong sao hết thảy chúng sanh được tắm gội trong năng lượng từ bi, ánh sáng trí tuệ của Đức Bồ sư Thích Ca Mâu Ni và tất cả đều được bình an, hạnh phúc.

(Theo Diễn văn Kính mừng Đại lễ Phật đản
PL. 2553, tựa của VHPG)



Tượng Phật đản sinh trong di sản văn hóa của dân tộc

NGUYỄN THANH CHUÔNG

Tượng Phật đản sinh, với hình ảnh một hài nhi đứng trên tòa sen nở, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất có lẽ đến với dân tộc Việt Nam từ hơn ngàn năm nay. Trong sử sách của tổ tiên ta truyền lại câu chuyện các vị vua nhà Lý thường chủ trì quốc lễ Phật đản, đã tiến hành lễ hội tắm Phật vào đầu mùa hạ, mừng tám tháng Tư mà di tích bệ sen bằng gốm để đặt tượng Phật đản sinh hiện vẫn còn. Tiếc thay, cho đến nay chưa thấy một bức tượng Phật đản sinh nào có niên đại từ thời Lý Trần được công bố. Tượng Phật đản sinh ở nước ta hiện nay thường có niên đại muộn, chủ yếu từ thời Nguyễn trở lại đây với chất liệu thường dùng là đồng hoặc gỗ.

Tượng Phật đản sinh trong truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam có nghệ thuật tạo hình đa dạng, sinh động, không bó buộc về tư thế, kiểu thức. Chúng ta có thể thấy tượng phần lớn là hình ảnh một hài nhi, tay phải chỉ lên trời, tay trái chỉ xuống đất nhưng có khi ngược lại. Tượng có nguồn gốc miền Bắc mặc váy hoặc khoác áo tràng nhưng có khi không mặc gì như phần lớn các tượng cổ có nguồn gốc miền Trung, miền Nam.

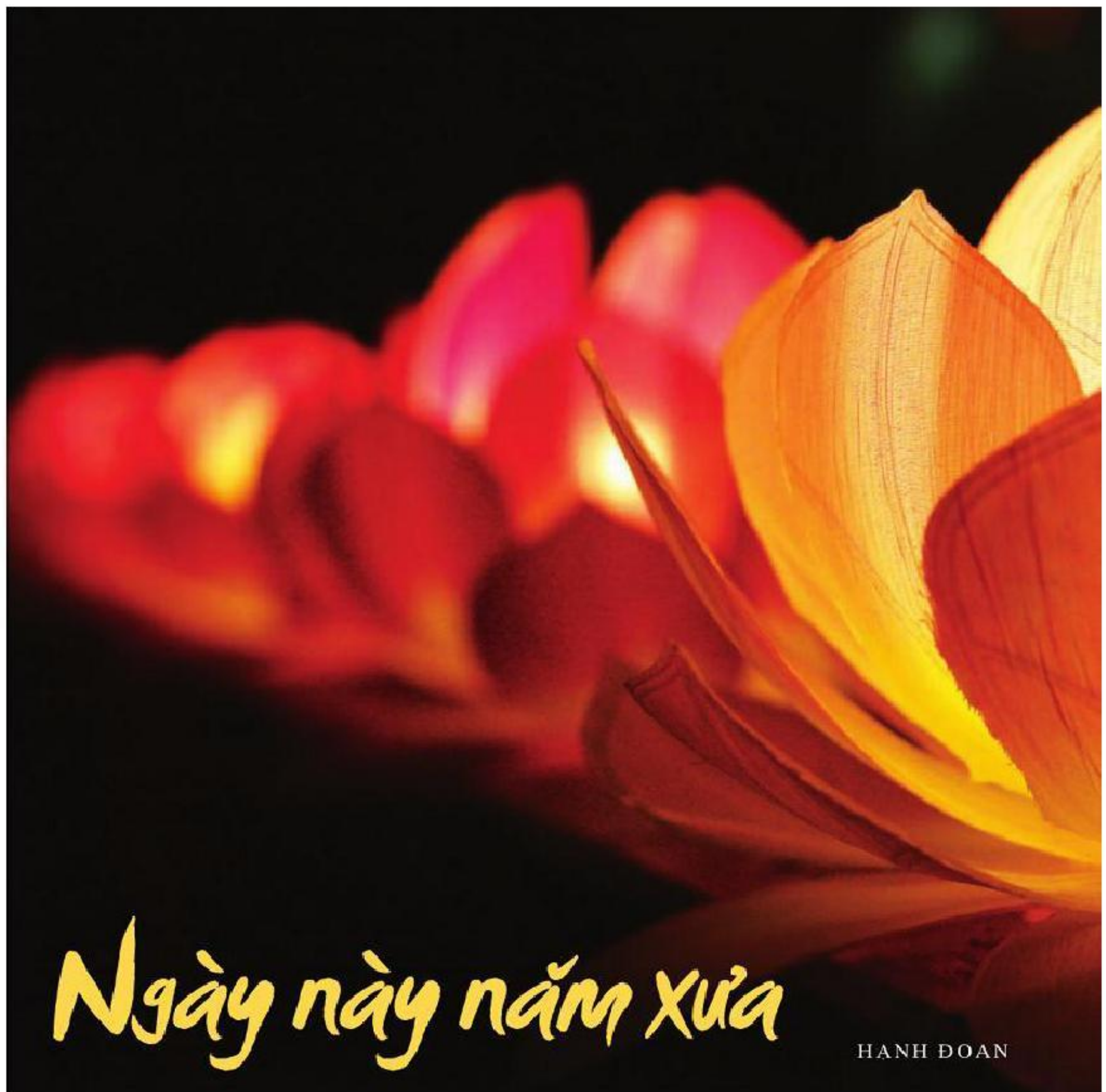
Mỗi một bức tượng là một tác phẩm điêu khắc, không pho nào giống pho nào, phản ánh tâm tư, tình cảm của ông cha ta hướng về chủ đề Phật đản. So với các pho tượng Phật đản sinh mới làm gần đây với mẫu mã được sản xuất hàng loạt theo khuôn hướng áp đặt về thẩm mỹ tạo hình, những bức tượng cổ được sưu tập này có khi lại làm chúng ta hoan hỷ theo với cái hồn nhiên, chân chất của lối tạo tượng mục đồng Nam Bộ, với kiểu thức nền nã, chuẩn mực, đầy mỹ thuật dân tộc của tượng Bắc Bộ với truyền thống điêu khắc hàng ngàn năm hay của lối tạo tượng miền Trung sinh động, gần gũi với thực tế đời sống và ít nhiều ảnh hưởng Phật giáo Trung Quốc.

Còn chưa thật nhiều hiện vật và chưa đủ đẹp nhưng cũng đã nhặt nhạnh lại chút gì trong kho báu di sản văn hóa của cha ông về đề tài Phật đản, chúng tôi xin giới thiệu với quý độc giả *VHPG* hình ảnh một số pho tượng Phật đản sinh chất liệu đồng và gỗ trong bộ sưu tập của cá nhân chúng tôi ■



Ảnh: Hoàng Trung





Ngày này năm xưa

HANH ĐOAN

Thật ngẫu nhiên và tình cờ, tôi lên thành phố ngàn hoa đúng vào ngày mừng Đại lễ Phật đản Vesak Liên Hiệp Quốc 2008. Mấy mươi năm rồi tôi chưa lên Đà Lạt, nên khi thấy đường sá sạch bóng, cảnh quan nơi nơi tươi tốt, tôi thích lắm, không hề biết là Đà Lạt đang rộn rịp đón chào đại lễ bằng gương mặt mới thanh khiết, tôn nghiêm.

Thấy tôi có vẻ ngẩn ngơ lóng ngóng, một vài người dân mách tôi:

Mấy ngày này thật là tuyệt, các quảng trường chính đài cơm chay miễn phí rất ngon, tụi con đều vào đó ăn.

Lòng tôi rộn rã niềm vui. Chắc lúc Phật đản sinh không khí trấn gian cũng tưng bừng hân hoan như thế này. Đêm đến, trời lất phất mưa, tôi bách bộ gần hồ Xuân Hương chờ chiêm ngưỡng xe hoa diễu hành. Mưa mỗi lúc một nặng hạt, tôi thuộc diện nắng không ưa, mưa

không chịu, nhưng không khí tưng bừng ngày Khánh đản đã cuốn hút, làm tôi mê mẩn. Tôi vừa che dù, vừa tháp tùng đoàn người đồng đạo chờ đón xe hoa. Mặt ai cũng rạng rỡ. Bầu không khí hân hoan tuyệt vời đến nỗi tôi có cảm giác như mình đang sinh vào thời Phật trụ thế, tôi lầm bầm: *"Không cần sống đến trăm năm, chỉ cần được chứng kiến Đại lễ Phật đản tổ chức hoành tráng như thế này ở Việt Nam cũng đủ hả lòng, đủ để hạnh phúc rồi".*

Giờ này đâu riêng gì Việt Nam mà cả thế giới đều đang đón mừng Phật đản. Việt Nam được chọn làm trọng điểm tổ chức, không hãnh diện sao được, không sung sướng sao được?

Tôi và mấy người bạn cứ hết đi lên đi xuống ngắm đoàn xe hoa đậu san sát nhau chờ diễu hành, chiếc nào cũng đẹp và trang nghiêm, thể hiện hàng vạn tấm lòng tôn vinh Khánh đản.

Đi mãi thấm mệt, tôi dừng lại bên lề nhìn ngắm đoàn



xe hoa và dòng người hộ tống theo sau cho đến khi mất hút, mấy tiếng đồng hồ nghênh đón xe hoa làm áo tôi ướt đầm, mưa vẫn rơi nhẹ. Tôi và hai người bạn ghé vào xe bán sữa đậu nành ven đường, giờ này kêu một ly sữa đậu nành nóng ấm uống vào thì thật tuyệt. Bộ ba chúng tôi ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ ven đường. Cô hàng mang sữa đến, tôi áp bàn tay vào ly sữa, vừa hơi nóng vừa hớp nhẹ một ngụm. Sữa bán thật chất lượng, vị béo và ngon. Cô hàng cũng vui lây với Lễ Khánh đản. Tôi cảm thấy lạnh, ai nấy đều kéo cao cổ áo, giương dù lên và cùng bật cười khi phát hiện ra một điều: bởi vì vui quá, hạnh phúc quá, chúng tôi ngớ ngẩn đến độ chọn ngồi ngay cái bàn ngoài trời, hứng trọn cơn mưa bụi lất phất, trong khi mấy cái bàn kế cạnh cái nào cũng có che dù lớn. Chỉ khi uống sữa nóng vào và tỉnh táo thần hồn rồi, chúng tôi mới nhận ra điều đó, mới nhớ là mình đã lội bộ quá nhiều, quá lâu trong đêm, đã bị đại lễ làm say sưa

Phật ở đâu, nơi đó được hưởng bầu không khí hỉ lạc, cảnh được trang nghiêm. Nhưng cảnh luôn bị giới hạn bởi thời gian không gian còn tâm thì không bị giới hạn nên Phật có thể hiện và ngự rất thường. Phật hiện nơi cảnh, cảnh thanh tịnh, Phật hiện nơi tâm, tâm sạch trong...

đến quên hết mọi chuyện chung quanh...

Hình ảnh về một Đà Lạt thơ mộng, hiếu khách, sạch sẽ trang nghiêm trước và trong đêm đại lễ đã gây ấn tượng sâu sắc, khiến tôi lưu luyến. Sau đại lễ, do có công tác đột xuất nên tôi đã quay lại thành phố ngàn hoa này một lần nữa.

Bây giờ tôi mới phát hiện, Đà Lạt hôm trước giống như cô dâu khoác bộ cánh lộng lẫy trong ngày vu quy, bây giờ áo mới đã được cởi ra, cảnh quan không còn nét mượt mà, tươi tắn, tinh khiết. Hàng sữa đậu nành cũng không còn vị béo ngậy đậm đà mà nhạt thếch vì pha quá nhiều nước lã. Ban đêm, dạo một vòng quanh phố chợ Đà Lạt, tôi tiu nghỉu vì các hàng thịt khô, thịt nướng bày đầy, chợ tự phát nhóm dầy đặc trên các bậc thang lối đi, người đông nghịt; mùi thịt, mùi khói nướng xông lên nhức óc, khiến mũi tôi chảy nước ràn rụa và tôi ách-xì liên tục. Tôi cố bước nhanh để thoát khỏi những hàng quán nằm chen chúc... thì vấp phải mấy đồng rác nhỏ gần đấy... Không còn nét thanh bai nào nữa, cõi Tịnh độ đã hoàn lại uế độ, ngày Phật đản sinh đã trôi qua, Ngài đã đi và mang theo phúc báu tịnh thanh hoàn mỹ. Tôi chợt hiểu: không ai có thể tắm hai lần trên một dòng nước cũ, muốn tìm lại cảm giác hi hữu hôm nào, chỉ là hoài niệm. Dù sao tôi cũng có được phút giây nghênh đón Khánh đản tuyệt vời, tôi đã có được phút giây hi hữu, đẹp nhất một đời người. Như vậy là đủ rồi.

Vậy đó, Phật giáng sinh nơi nào, nơi đó biến thành mỹ lệ trang nghiêm, chỗ nào trang trọng đón mừng, chỗ đó bỗng hóa thành Tịnh độ. Nếu cảnh Đản sinh được tái hiện một tuần, nửa tháng (?)... thì suốt thời gian đó cõi trần là ngày hội, từng bùng sắc hoa, rực rỡ ánh đèn... bao nhiêu nét tươi tắn của trần gian đều hiển hiện cả ở đây. Có lẽ vì vậy mà trong giây phút cung nghênh đại lễ, tôi cảm thấy mình như say, lâng lâng vì hạnh phúc.

Phật ở đâu, nơi đó được hưởng bầu không khí hỉ lạc, cảnh được trang nghiêm. Nhưng cảnh luôn bị giới hạn bởi thời gian không gian (?) còn tâm thì không bị giới hạn nên Phật có thể hiện và ngự rất thường - Nếu không có Ngài, cõi nhân gian đầy rác rưởi xú uế (?) thì tâm ta cũng vậy! - Không có Ngài, tâm ta cũng đầy rác rưởi, xú uế của tật xấu và tam độc. Có nghĩa là Phật hiện nơi cảnh, cảnh thanh tịnh, Phật hiện nơi tâm, tâm sạch trong.

Tôi tự an ủi mình: tôi chỉ có một ngày đại lễ để cung nghênh Phật đản sinh, nhưng tôi có cả một đời, cả một tâm tư để Phật hằng hiện hữu. ■



Lễ Rước Phật qua cầu Gia Hội

Về một ngày Đại lễ niềm xưa

TRUNG DƯƠNG

NHƯNG AI ĐÃ TỪNG LÀ CON DÂN CỦA XỨ HUẾ, CỦA CHÓN KINH ĐÔ CỔ KINH ẤT KHÔNG THỂ NÀO QUÊN NHỮNG NGÀY ĐẠI LỄ CỦA PHẬT GIÁO, MỘT TÔN GIÁO ĐÃ TỪNG AN SÀU, BỀN RẼ QUA NHIỀU THẾ HỆ. HƠN 90% LÀ CON PHẬT NÊN NGƯỜI DÂN XỨ HUẾ RẤT TỰ HÀO VÀ CÓ CẢM TÚỞNG LÀ ĐƯỢC SINH SỐNG TRÊN MIỀN ĐẤT THÁNH CỦA ĐẠO PHẬT. KHÁCH THAM QUAN KHÔNG THỂ HÌNH DUNG NÓI LÀ NHỮNG NGƯỜI CON PHẬT ĐÃ CHUẨN BỊ NHƯ THẾ NÀO VÀ TỪ BAO GIỜ MÀ MỌI ĐẠI LỄ ĐỀU DIỄN RA RẤT QUY CÚ, RẤT CHU ĐÁO VÀ RẤT THANH CỒNG.



Đại lễ chính thức tại chùa Từ Đàm

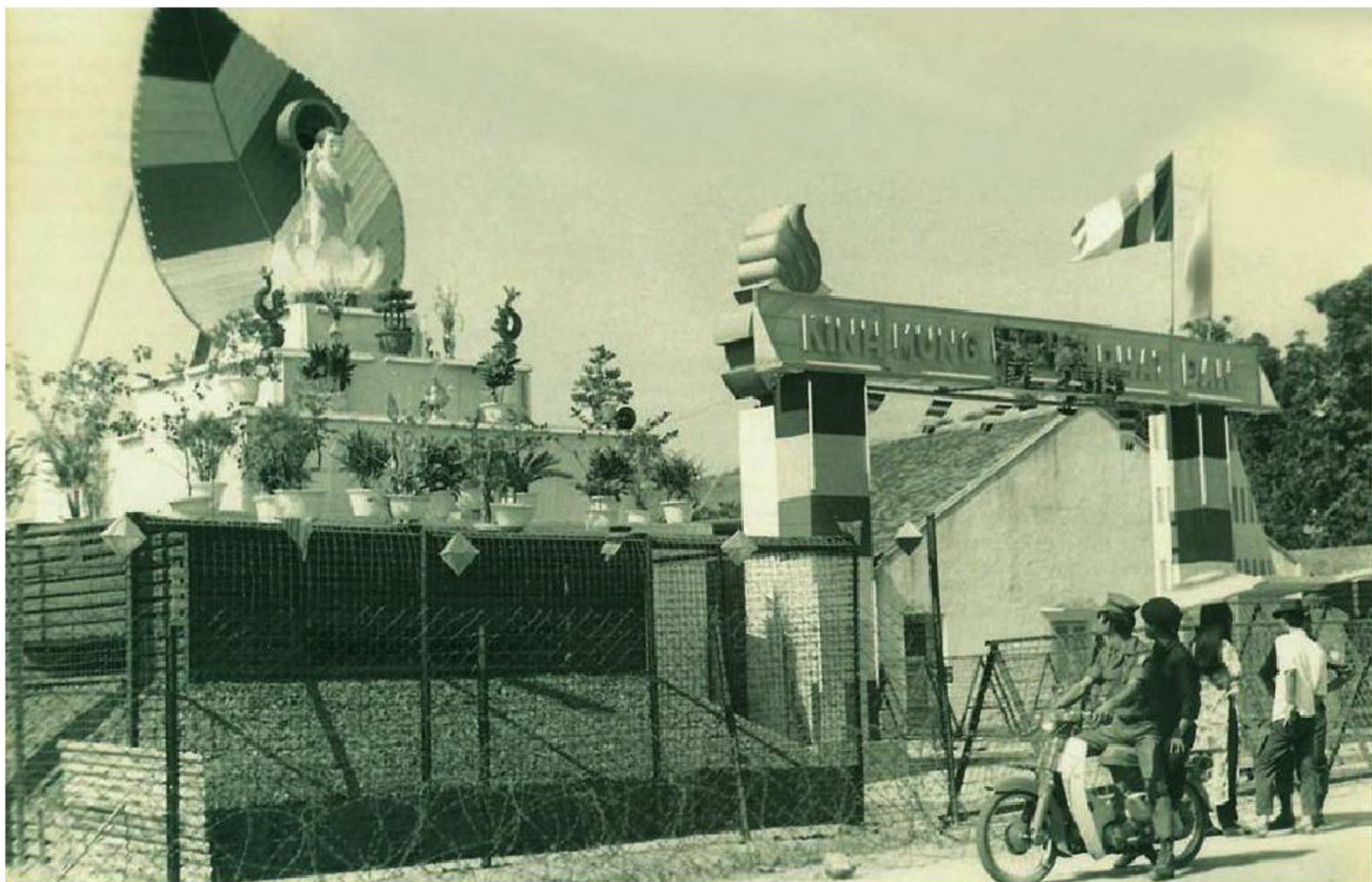
Năm 1961, Đại lễ Phật đản đã diễn ra vô cùng trọng thể và hoành tráng, có thể nói là độc nhất vô nhị, ai đã từng được tham dự, chứng kiến, chiêm ngưỡng một lần là không thể nào quên trong đời.

Tuy là một Phật tử nhưng Đại lễ Phật đản năm đó tôi không đứng vào hàng ngũ mà đóng vai một người khách tham quan để có thể di chuyển dễ dàng khắp mọi nơi nên đã chứng kiến nhiều sự kiện vô cùng đặc sắc về ngày Đại lễ.

Từ sáng tinh mơ, các Phật tử của tất cả các khuôn hội đều đã tề tựu đông đủ, rộn rịp sửa soạn để diễu hành đến lễ đài. Sáng hôm đó, bầu trời rất quang đãng, nắng reo vui trên lá cành, không khí mát mẻ dễ chịu, phong cảnh thật là hữu tình. Đây là một khuôn hội ở hữu ngạn sông Hương, một trong hàng trăm khuôn hội của thành phố Huế. Các em oanh vũ mặc đồng phục áo lam, quần xanh biển, đeo phù hiệu, mặt mày tươi tỉnh, nghiêm trang, không đùa nghịch như ngày thường. Các anh chị huynh trưởng tất bật tới lui điều khiển các em sắp hàng. Tất cả các đoàn thể khác cũng đã vào hàng ngũ và cuộc diễu hành bắt đầu lên đường nối tiếp các khuôn hội đi trước. Tôi xuống đò sang bến Thừa Phủ để có cái nhìn bao quát quang cảnh từng bừng của ngày Đại lễ. Hai bên bờ tả ngạn, hữu ngạn sông Hương và trên cầu Trường Tiền cơ man nào là người và người của nhiều khuôn hội khác, di chuyển đến nơi

làm lễ nom như một con trăn khổng lồ dài vô tận. Thế mới biết thế giới Phật tử của thành phố Huế đông biết bao nhiêu mà kể. Cờ Phật giáo phất phới tung bay rợp trời, các biểu ngữ với những dòng chữ mừng ngày Phật đản như tự hào, ngạo nghễ phô trương sức mạnh của một tôn giáo đã tồn tại hàng ngàn năm. Trong khung cảnh từng bừng đó, tôi có cảm giác như được sống lại bầu không khí của thành Ca-tỳ-la-vệ từng bừng đón tiếp vị cứu thế giáng trần để cứu độ chúng sinh.

Các đoàn thể của tất cả các khuôn hội đều tập trung tại quảng trường Thương Bạc ở tả ngạn sông Hương, trung tâm của ngày Đại lễ. Lễ đài được trưng bày rất huy hoàng và tráng lệ. Hầu hết các loài hoa nhất là hoa huệ, hoa sứ... đều được tận dụng để trang trí khắp nơi. Thương Bạc là một quảng trường khá rộng thênh mà người đông không sao kể xiết. Sau khi tất cả các đoàn thể đã hàng ngũ chỉnh tề thì cuộc rước xá lợi Phật từ từ tiến vào lễ đài. Trước đó, trên con đường chính dẫn vào lễ đài, đã được các đoàn oanh vũ sắp hàng sáu, tay mỗi em cầm một chiếc hộp giấy đựng đầy hoa đủ loại, đủ màu sắc, vừa đi vừa tung hoa ra hai bên. Hành động nhịp nhàng của các em đã tạo nên một con đường hoa dài hàng trăm mét, một thảm hoa muôn màu thật là đẹp mắt. Dẫn đầu chiếc xe cung nghinh xá lợi Phật là các đoàn thể Tăng Ni, sắp hàng tư, mặc áo cà sa vàng, bày vai bên phải, nét mặt an nhiên, tự tại, tay chấp búp sen, phong thái ung dung thoát tục,



Lễ đài công cộng. Ảnh tư liệu của gia đình ông Nguyễn Thái Sơn.

chân trần chậm rãi bước trên đường hoa. Ôi! Quang cảnh thật là mỹ lệ cho ta cảm giác như Đức Phật còn tại thế đang cùng các đệ tử đi hoằng hóa ở chốn trần gian. Xá lợi Phật đi tới đâu, các Phật tử đứng hai bên đường đều quỳ xuống đánh lễ với thái độ thành kính. Có thể nói đó là những giây phút thiêng liêng, hy hữu, vô cùng xúc động.

Khi xá lợi Phật đã yên vị trên lễ đài thì buổi lễ bắt đầu. Ba hồi chuông trống Bát nhã vang lên khoan nhặt, tất cả khu lễ đài hoàn toàn im lặng. Ban tổ chức với bài diễn văn rất ấn tượng nhắc lại sự tích Đức Phật Thích-ca và tôn vinh sự Đản sinh của Ngài. Rồi tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng khánh, tiếng tụng kinh đều đặn, nhịp nhàng, trầm bổng vang lên, muốn người như một, tụng kinh cầu nguyện với tất cả lòng thành kính vô biên. Trong khung cảnh uy nghiêm và trang trọng đó, ta có cảm giác như được tắm gội bởi dòng nước cam lồ ngọt ngào của Đức Như Lai, tâm hồn lâng lâng như thoát tục. Trên cao, nền trời xanh ngắt, mây trắng thênh thang, chim chóc hót ca như cùng chào đón Đức Diêu Ngự, vị cứu tinh của nhân loại đản sinh cách nay hơn 2.000 năm. Bất giác mắt tôi ứa lệ, những giọt lệ của cảm xúc và vui mừng.

Rồi buổi lễ chấm dứt, tất cả các khuôn hội lại lên đường rước xá lợi Phật về chùa Từ Đàm ở hữu ngạn sông Hương. Tôi lại xuống đò sang sông. Đoàn diễu hành lại qua cầu Trường Tiền theo chiều ngược lại, "con trần khổng lồ" lại từ từ tiến bước. Khi đầu đoàn diễu hành đã về tới đầu dốc Nam Giao thì cuối đoàn diễu hành vẫn còn đang đứng ở nơi lễ đài bên tả ngạn, chưa xuất phát. Quang cảnh vĩ đại

và hoành tráng đó đã làm cho tôi cảm thấy mình vô cùng nhỏ bé trước một lực lượng đông đảo, lớn mạnh của thế giới những người con Phật. Tôi cũng theo chân đoàn diễu hành. Từ dốc Nam Giao lên đến chùa Từ Đàm, đâu đâu cũng có những bàn thờ đặt hai bên vệ đường để chờ chiêm bái Phật khi xe rước xá lợi đi ngang qua. Những người con Phật cũng không quên đặt những ghè nước chè tươi bên đường để những người diễu hành ghé vào giải khát.

Đêm đến, những đoàn xe hoa của các khuôn hội đi diễu hành khắp thành phố Huế. Mỗi xe đều được trang trí, trình bày rất đẹp mắt với mô hình con voi trắng sáu ngà, với những bức tranh minh họa, với những con người thật, sống động, với những trang phục rực rỡ của thời Phật tại thế ở đất nước Ấn Độ xa xôi; mô tả ngày Đản sinh của Đức Phật, cuộc đời của Đức Phật từ thuở thanh niên xuân trẻ, lúc Ngài xuất gia tầm đạo, khi Ngài đạt chánh quả bên gốc cây bồ đề, giai đoạn Ngài cùng các đệ tử đi hoằng hóa khắp nơi, đem ánh sáng của Đạo Vàng giáo hóa chúng sinh, cho đến khi Ngài nhập Niết-bàn. Hai bên đường lên dốc Nam Giao và con đường dẫn đến các chùa Báo Quốc, Từ Đàm, chùa sư nữ Diệu Đức có cơ man nào là đèn lồng và đèn lồng, ánh nến bập bùng hòa lẫn ánh trăng mát dịu của đêm Phật đản tạo nên một khung cảnh huyền ảo, lung linh như trong cõi mộng. Quang cảnh phố xá cũng tưng bừng không kém. Hầu hết các cửa hàng buôn bán ở thành phố Huế đều hoa giăng, đèn kết, cùng những bức tranh lớn treo cao với những họa tiết trang trí màu sắc hài hòa, mỹ thuật, cũng mô tả ngày Phật đản



Đại Lễ Phật Đản năm 1961 đã diễn ra vô cùng hoành tráng và trọng thể, lễ đài và hương án được thiết trí khắp nơi.

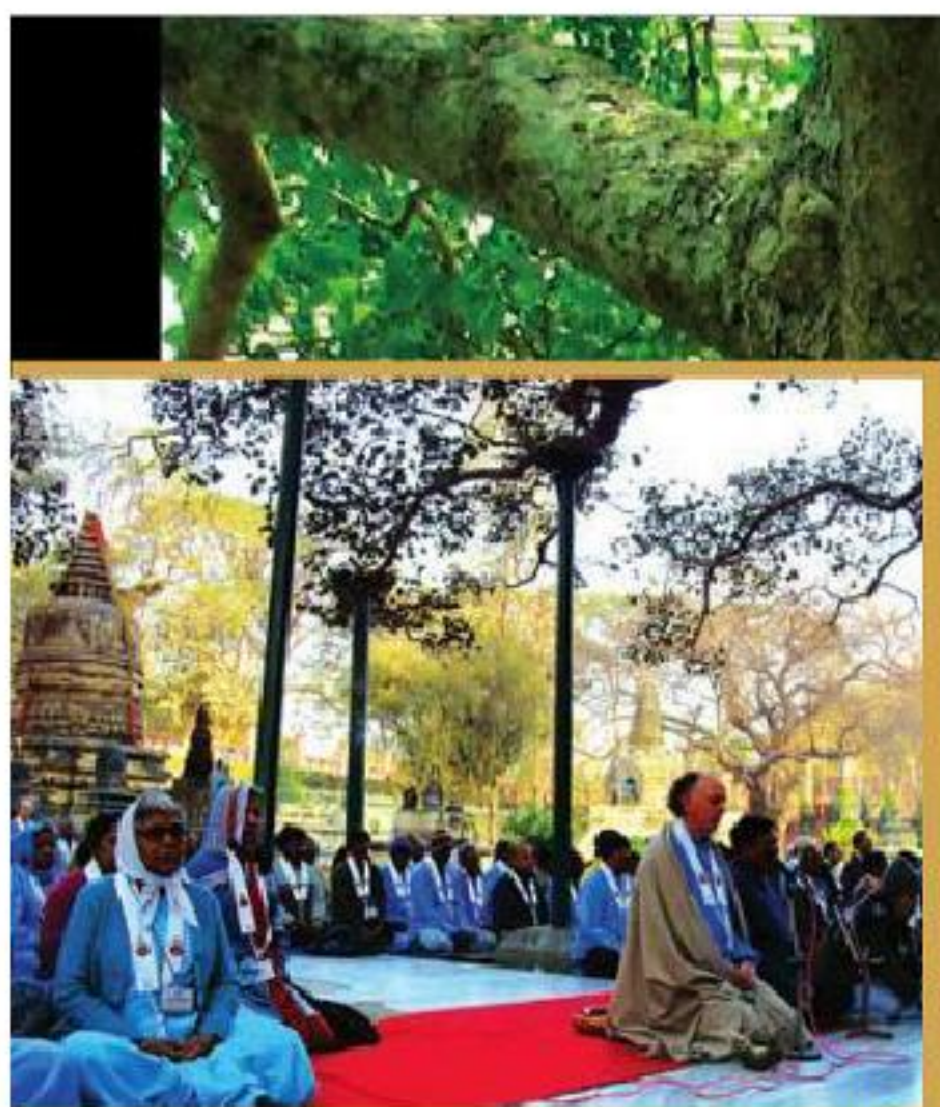
sinh và cuộc đời của Đức Thế Tôn. Người đi tham quan đông như trẩy hội. Đặc biệt là có một địa điểm hẻo lánh vùng hữu ngạn sông Hương, lọt thỏm giữa khu nhà Công giáo là một ngôi nhà trong một khu vườn rộng, trang trí rất quy mô, không khác gì một ngôi chùa. Có một hồ sen với mô hình Đức Phật đản sinh, có bảy đóa hoa sen nở rộ nổi bật giữa hồ; xung quanh hồ là cảnh minh họa gồm có mô hình hoàng hậu Ma-da đứng bên gốc cây Vô ưu với những cung nữ vây quanh, xiêm y lộng lẫy và các vị tiên đồng có cánh. Khắp khu vườn và ngôi nhà đâu đâu cũng có hệ thống đèn màu lập lòe chiếu sáng, nom rất ngoạn mục. Khách tham quan đến rất đông, họ vào nhà lễ Phật và không ngớt lời khen ngợi tài bày biện trang trí của chủ nhân. Có thể nói mọi người trong thành phố Huế đều đến tham quan, phần đông là Phật tử nhưng có người đến là do lòng hiếu kỳ. Và "ăn theo" sự kiện đó, bên ngoài cổng vườn mọc lên những hàng nước, hàng chè và các món ăn đặc sản của xứ Huế. Trên sông Hương thì có cuộc phóng đăng. Những đóa hoa sen bằng giấy, ánh nến cháy bập bùng, bập bềnh trôi theo làn sóng nhẹ cùng với ánh trắng lung linh trên mặt nước tạo thành một quang cảnh mơ hồ, huyền ảo. Đứng trên cầu Trường Tiền nhìn xuống, một dòng sông hoa đăng từ từ trôi về biển cả, phong cảnh thật là ngoạn mục.

Nhìn chung, Đại lễ Phật đản năm 1961 đã diễn ra vô cùng hoành tráng và vô cùng trọng thể. Thế nhưng, cũng vì sự phô trương thanh thế đó nên ngày Lễ Phật đản của những năm sau, chính quyền Ngô Đình Diệm, với mục đích

đàn áp Phật giáo, không cho tổ chức đại quy mô ở Thương Bạc nữa mà chỉ được phép tổ chức tại chùa Từ Đàm; đó là một địa điểm khá khiêm tốn không đủ sức chứa đựng một số lượng Phật tử quá đông của thành phố Huế; khuôn hội này đến làm lễ xong là rút lui nhường chỗ cho khuôn hội khác kế tiếp, rất phân tán, rất bất tiện. Như vậy, ngày Lễ Phật đản không còn là ngày Đại lễ nữa mà chỉ là một ngày lễ bình thường, một sự chiêm bái bình thường! Cùng với sự kiện đó, những người con Phật còn bức xúc trước nhiều vụ đàn áp khác của chính quyền Ngô Đình Diệm nên tư tưởng đấu tranh dần dần mạnh mẽ hơn từ đó...

Tóm lại, ngày Đại lễ Phật đản năm 1961 đã thành công mỹ mãn ngoài sức tưởng tượng, có thể nói là có một không hai, đã để lại một dấu ấn vô cùng tốt đẹp trong lòng những người con Phật, những khách tham quan. Thế cho nên gần nửa thế kỷ đã trôi qua, trong ký ức tôi vẫn còn in đậm nét những hình ảnh, những sự kiện vô cùng diễm lệ, hoành tráng, uy nghiêm và trọng thể của ngày Đại lễ Phật đản năm nào, một sự kiện hy hữu mà tôi đã có cơ duyên tham dự và chiêm ngưỡng. Những cảm xúc chân thành về ngày Đại lễ cũng vẫn còn mãi trong tôi. Giờ đây, tôi lại ứa nước mắt vì vui mừng khi nghĩ rằng: ngày nay đạo Phật đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu, tu học; và điều đáng vui hơn nữa là ngày nay Lễ Phật đản đã trở thành một ngày lễ lớn, một ngày Đại lễ đối với toàn thế giới. Đó là điều làm cho tôi vô cùng hạnh diện và tự hào: mình là một người con Phật, là một Phật tử.

Mùa Phật đản Phật lịch 2553 - 2009 ■



Tĩnh tọa dưới Đại tháp



Dấu chân Đức Phật



Nhập định dưới cội Bồ-đề

Dưới cội Bồ-đề

ĐỖ KHÊ

Đại tháp
tại Bồ-đề Đạo tràng

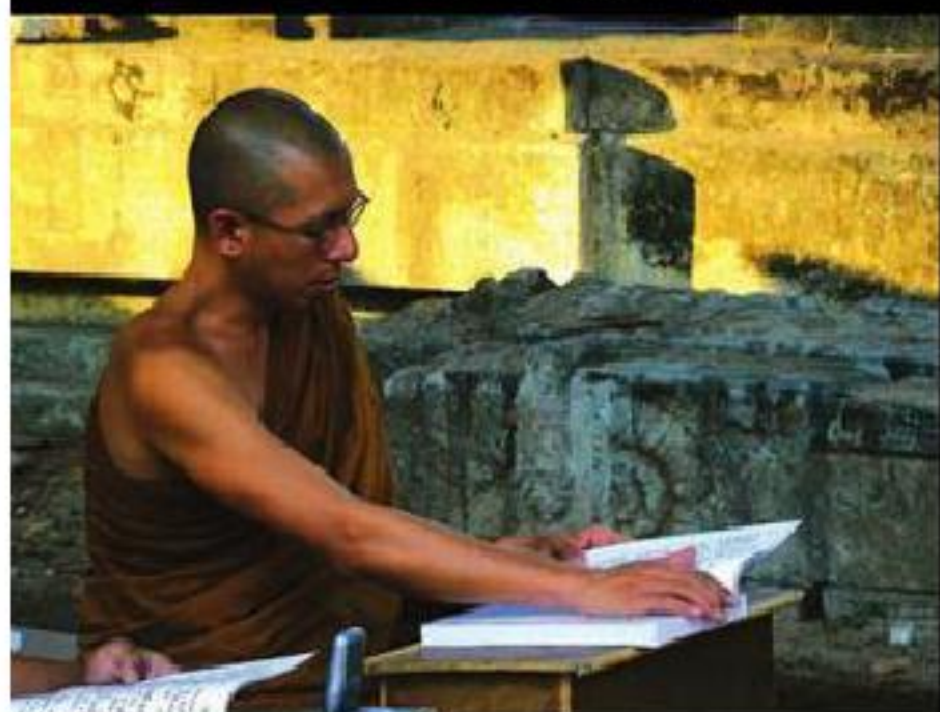


Bồ-đề Đạo tràng (Bodh Gaya) – nơi Bồ-tát Tất-đạt-đa thành đạo là một trong Tứ động tâm – bốn thánh địa quan trọng liên quan đến cuộc đời của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mà bất cứ người Phật tử nào cũng ước ao được một lần đến để chiêm bái. (Ba thánh địa khác đó là Lâm-tì-ni (lumbini) – nơi Đức Phật đản sinh, Lộc Uyển (Sarnath) – nơi Đức Phật thuyết giảng lần đầu sau khi giác ngộ, và Câu-thi-na (Kusinara) – nơi Đức Phật nhập diệt), Học giả người Đức H.W. Schumann, tác giả của cuốn sách “Đức Phật lịch sử” đã cảm xúc nói, với ông, cũng như đối với người Phật tử, tìm đến những nơi lưu dấu chân Đức Phật tại Ấn Độ và các vùng phụ cận hiện nay đem đến cho người chiêm bái những cảm hoài xao xuyến, những xúc động lạ thường...

Nhân kỷ niệm sự kiện trọng đại Đức Phật đản sinh PL. 2553, xin giới thiệu đến quý độc giả VHPG những hình ảnh thường ngày, những góc nhìn tình cờ dưới cội Bồ-đề, nơi thánh địa Bồ-đề Đạo tràng ngày và đêm.



Dâng hoa cúng dường



Ôn lại lời Phật dạy





Tượng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thiền định, nguyên mẫu của Tượng Phật ngọc



Hành trì



Các vị tu sĩ Tây Tạng đánh lễ quanh tháp



Hoa dưới tháp

Giữa đời người trí kẻ ngu

NGUYỄN PHUỘC

Kinh Phật nói cho chúng ta biết rằng người ngu do tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ, hành các ác nghiệp nên hiện tướng là kẻ ngu và phải lãnh thọ những hậu quả đắng cay do ác nghiệp của mình. Người trí suy nghĩ điều lành, nói lời hiền lành, làm các việc lành nên có biểu hiện chân thực sáng suốt và có đời sống an lạc nhờ theo đuổi các thiện nghiệp về thân, về lời, về ý. Dưới đây là lời Phật phân biệt về người ngu và người trí:

"Này các Tỷ-kheo, có ba đặc điểm, đặc tướng, và đặc ấn này của người ngu. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ và hành các ác hạnh. Này các Tỷ-kheo, nếu người ngu không tư duy ác tư duy, không nói lời ác ngữ, không hành ác hạnh, thời làm sao kẻ trí biết được người ấy: "Người này là người ngu, không phải là Chân nhân?". Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ngu tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ, hành ác hạnh, do vậy, người trí biết được người ấy: "Người này là người ngu, không phải là Chân nhân". Người ngu ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại khổ ưu.

Này các Tỷ-kheo, nếu người ngu ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại ngã ba, ngã tư đường, tại đấy (nếu) có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy. Nếu người ngu, này các Tỷ-kheo, sát sanh, lấy của không cho, theo tà hạnh trong đam dục, nói láo, say rượu men, rượu nẫu, thời ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu ấy suy nghĩ như sau: "Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy". Này các Tỷ-kheo, đây là loại khổ ưu thứ nhất, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ngu thấy các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi; họ dùng hình phạt vạc đầu, họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình, hỏa man

hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc thủ hình (đốt tay), khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt), bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối tráp hình, chuyển hình, cao đập đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu nghĩ như sau: "Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng những hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... họ lấy gươm chặt đầu. Những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy. Nếu các vua chúa biết về ta, các vua chúa ấy sau khi bắt ta liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... họ lấy gươm chặt đầu". Này các Tỷ-kheo, đây là loại khổ ưu thứ hai, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi người ngu leo ngổ trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ, những ác nghiệp người ấy làm từ trước, như thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè lên người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi người ngu ngồi trên ghế, hay ngồi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi ấy các nghiệp quá khứ của người ấy, tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi. Do không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, do làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi nên phải đi đến ác thú; ác thú ấy sau khi chết ta phải đi". Người ấy sầu muộn, than van, than khóc, đấm ngực, rên la và rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là sự khổ ưu thứ ba, ngay trong hiện tại, người ngu (phải) cảm thọ.

**Đạo Phật nhận diện
thế nào về người ngu
và người trí? Những
đặc điểm gì khiến
họ được biết như là
kẻ ngu và người trí?
Và đâu là hệ quả lỗi
sống của họ?**



Này các Tỷ-kheo, kẻ ngu kia sau khi làm thân ác hành, sau khi làm khẩu ác hành, sau khi làm ý ác hành, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Địa ngục, phải nói rằng Địa ngục hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý.

Này các Tỷ-kheo, có ba đặc điểm, đặc tướng, và đặc ấn này của người trí. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, và hành các thiện hành. Này các Tỷ-kheo, nếu người trí không tư duy thiện tư duy, không nói lời thiện ngữ, không hành các thiện hành, thời làm sao kẻ trí biết được người ấy: “Vị này là người trí, là bậc Chân nhân”? Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, hành thiện hành, do vậy người trí biết người ấy: “Vị này là người có trí, là bậc Chân nhân”. Người trí ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại lạc hỷ.

Này các Tỷ-kheo, nếu người trí ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại ngã ba, ngã tư đường, tại đấy (nếu) có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy; nếu người trí, này các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong dâm dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ say rượu men rượu nấu, thời ở đây này các Tỷ-kheo, người trí ấy suy nghĩ như sau: “Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy”. Này các Tỷ-kheo, đây là loại lạc hỷ thứ nhất, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người trí thấy các vua chúa, sau khi bắt tên trộm cướp phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí suy nghĩ như sau: “Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền

áp dụng những hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... họ lấy gươm chặt đầu, những pháp ấy thật không có nơi ta, và ta không có những pháp ấy”. Này các Tỷ-kheo, đây là loại lạc hỷ thứ hai, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi người trí leo ngồi trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ những thiện nghiệp người ấy làm từ trước, như thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi người trí ngồi trên ghế hay ngồi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi các nghiệp quá khứ của người ấy tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí suy nghĩ như sau: “Thật sự ta không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống lại sợ hãi. Do không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, do làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống lại sợ hãi, được đi đến (thiện) thú nào, (thiện) thú ấy sau khi chết, ta được đi”. Vị ấy không sầu muộn, không than van, không than khóc, không đấm ngực, không rên la và không rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là sự lạc hỷ thứ ba, ngay trong hiện tại người trí được cảm thọ.

Này các Tỷ-kheo, kẻ trí kia sau khi làm thân thiện hành, sau khi làm khẩu thiện hành, sau khi làm ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra trong thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về vị ấy phải nói rằng vị ấy hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Thiên giới phải nói rằng Thiên giới hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý”. ■

Chú thích: 1. Kinh Hiền Ngu, Trung Bộ



LỜI PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Kinh nghiệm Thiền tập và Giác ngộ:

Khi thân thể biến mất



Khi thân thể biến mất người ta cảm thấy rất tuyệt. Quý vị biết đấy, có những người trải nghiệm được trạng thái thoát ra ngoài thân thể. Khi thân chết đi ai cũng có kinh nghiệm ấy, họ thoát ra khỏi thân thể. Và một trong những điều người ta sẽ nói về trạng thái ấy là thật yên tĩnh làm sao, đẹp để làm sao, kỳ diệu làm sao. Điều tương tự cũng xảy ra trong thiền quán khi thân thể biến mất. Thật là tĩnh lặng, đẹp để, và sung sướng khi được tự do thoát khỏi thân. Cái gì còn lại? Ở đây không còn sắc, hương, vị, xúc. Đây là trạng thái thiền sâu sắc mà Đức Phật gọi là định. Khi thân biến mất, cái còn lại chính là tâm.

AJAHN BRAHMAVAMSO

Một con đường tuần tự

Cốt tủy của đạo Phật là con đường tuần tự, quý vị bước từng bước và đạt kết quả. Có người nói rằng bạn không nên tập thiền để đạt được kết quả. Đó chỉ là một cách nói mà thôi. Quý vị cứ tập thiền để đạt kết quả đi! Hành thiền để có được niềm vui, có được sự bình an, để được giác ngộ mỗi lúc một ít. Nhưng cũng đừng nôn nóng đạt kết quả. Một trong những vấn đề mà người phương Tây thường gặp đó là một khi đặt ra mục tiêu rồi họ thường hay nôn nóng. Thế rồi họ cảm thấy thất vọng, chán nản, giận dữ. Họ không bỏ ra đủ thời gian để thực tập, đủ thời gian để đi tới chỗ giác ngộ. Công việc này đòi hỏi nhiều thời gian, có khi mất vài kiếp, do đó hãy kiên nhẫn. Cứ mỗi bước chân đi quý vị đều có gặt hái một ít gì đó. Cứ buông bỏ đi một ít, quý vị được một ít tự do và an lạc. Buông bỏ nhiều quý vị sẽ cảm thấy hỷ lạc. Ở tu viện của chúng tôi, mọi người đều thực hành như thế. Tôi khuyến khích các thiền sinh nhắm đến các giai đoạn buông bỏ để đạt được trạng thái gọi là định - Jhana.

Các trạng thái định

Mọi người đều muốn có hỷ lạc, và định là cách để có được hỷ lạc, ở đây là chân hỷ lạc, hay hạnh phúc thật sự, hạnh phúc sâu xa. Tuy nhiên, các trạng thái này thường không kéo dài lâu, chỉ một vài tiếng đồng hồ, nhưng cũng đủ quý giá lắm rồi. Hỷ lạc xuất hiện thông qua buông xả, đặc biệt là buông xả ý muốn, lựa chọn, hay kiểm soát. Phải đạt đến đây người ta mới hiểu vì sao hỷ lạc xuất hiện. Qua kinh nghiệm như thế, quý vị mới hiểu rằng càng kiểm soát, quý vị càng tham ái, dính mắc, và càng dính mắc quý vị sẽ càng ít an lạc. Trái lại, quý vị càng buông bỏ, xả ly, quý vị càng được giải thoát và càng tăng thêm niềm hỷ lạc. Đây chính là một giáo lý rất sâu sắc, sâu hơn những gì quý vị đọc trong sách hay nghe qua các cuộc nói chuyện và chắc chắn là lợi ích hơn nhiều so với các cuộc đàm luận quanh bàn cà-phê. Quý vị thể nghiệm một điều gì đó. Và kinh nghiệm ấy đi gần với tinh túy của giáo lý đạo Phật mà người ta hay gọi là thần bí. Bản thân quý vị cần tự trải nghiệm lấy. Đặc biệt là quý vị thấy cần buông xả "con người điều khiển", "con người hành động". Đây chính là vấn đề chính yếu của con người. Chúng ta không thể nào ngừng can thiệp và làm rối rắm tình hình, trong khi điều cần thiết là cứ để mặc thì lại không làm. Chúng ta chỉ làm mọi chuyện rối rắm thêm thôi. Tại sao quý vị không thư giãn và thưởng thức niềm hỷ lạc mà cứ phải làm một cái gì đó?

Thật ra cũng khó mà dừng lại trong khi thiền tập, nhưng hễ dừng lại được thì mới có phần thưởng, có niềm

vui. Khi buông xả được ý chí, buông bỏ được sự điều khiển, ngừng nói chuyện với chính mình, quý vị đạt được sự tĩnh lặng ở bên trong. Có bao nhiêu người trong quý vị cảm thấy chán ngán với tiếng ồn ào luôn luôn vang lên trong đầu? Có bao nhiêu người trong quý vị ban đêm không thể nào ngủ được vào lúc không có tiếng ồn ào từ phía hàng xóm mà chính là tiếng ồn vang lên từ giữa hai tai mình? Trong đầu ta cứ nghe tiếng cãi nhai, rồi lại nảy sinh âu lo, rồi lại suy nghĩ. Đây chính là vấn đề của nhân loại. Khi cần suy nghĩ thì lại không suy nghĩ cho thật rõ ràng. Khi cần dừng lại thì lại cứ suy nghĩ miên man. Khi chúng ta học thiền, chúng ta hiểu được làm sao đạt được trạng thái cân bằng này, chúng ta học cách buông xả. Vậy thì giờ đây chúng ta biết cách buông bỏ mọi ý tưởng. Đó chỉ là những lời bình phẩm, những lời kể lể. Giờ thì ta biết sự khác biệt giữa tư tưởng và thực tế, ví dụ như, đọc một cuốn sách về thành phố New York và đi du lịch đến thành phố New York. Cái nào là cái thực? Khi quý vị đến đó, quý vị hít thở không khí, cảm nhận mùi vị, tri giác những gì mà mình không thể cảm nhận qua sách vở mà cũng không thể viết ra được. Sự thật luôn luôn im lặng. Lời nói không diễn tả được sự thật.

Khi thân thể biến mất

Hãy nhớ đến “những kẻ lừa đảo”. Những người này có thể bán cho quý vị bất cứ thứ gì!

Có một kẻ như thế hiện đang sống trong tâm của quý vị, và quý vị tin mọi lời hắn nói! Tên của hắn là Suy Nghĩ. Khi buông bỏ tiếng nói bên trong đó, quý vị có được sự yên tĩnh và có hỷ lạc. Khi buông bỏ mọi ý nghĩ để chỉ còn chú ý đến hơi thở thì quý vị có hạnh phúc nhiều hơn. Khi buông bỏ thân thể, năm giác quan biến mất thì quý vị trải nghiệm một sự hạnh phúc lớn lao. Đây chính là giáo lý nguyên thủy của đạo Phật. Sắc, thanh, hương, vị, xúc hoàn toàn biến mất. Nó giống như ở trong một gian phòng cách âm nhưng thú vị hơn. Nhưng đó không phải chỉ là sự yên lặng, mà quý vị không nghe gì hết. Đó không phải là bóng tối, mà là quý vị không thấy gì cả. Nó không phải là cảm giác an lạc trong thân mà là không có thân thể nào cả.

Khi thân thể biến mất người ta cảm thấy rất tuyệt. Quý vị biết đấy, có những người trải nghiệm được trạng thái thoát ra ngoài thân thể. Khi thân chết đi ai cũng có kinh nghiệm ấy, họ thoát ra khỏi thân thể. Và một trong những điều người ta sẽ nói về trạng thái ấy là thật yên tĩnh làm sao, đẹp để làm sao, kỳ diệu làm sao. Điều tương tự cũng xảy ra trong thiền quán khi thân thể biến mất. Thật là tĩnh lặng, đẹp để, và sung sướng khi được tự do thoát khỏi thân. Cái gì còn lại? Ở đây không còn sắc, hương, vị, xúc. Đây là trạng thái thiền sâu sắc mà Đức Phật gọi là định. Khi thân biến mất, cái còn lại chính là tâm.

Hôm kia tôi đưa ra một sự ví von cho một Tỷ-kheo. Hãy hình dung một ông vua mặc một bộ quần áo rộng, lại thêm áo khoác ngoài, quanh cổ quần khăn, rồi đầu lại

còn đội mũ và mang giày. Chúng ta không thể nhìn thấy ông vua thật sự mà chỉ thấy áo quần. Tâm ta cũng vậy. Nó bị ngăn che bởi sắc, thanh, hương, vị và xúc. Thế nên người ta không biết. Người ta chỉ biết các thứ ngăn che. Khi nhìn đức vua, người ta chỉ thấy áo quần và các thứ ngoài mặc, đội. Người ta chẳng biết ai sống bên trong các thứ quần áo đó. Không ngạc nhiên gì khi người ta bối rối không hiểu sự sống là cái gì, tâm trí là gì, cái gì nằm ở bên trong, chúng ta tới từ đâu? Tại sao? Mình có nhiệm vụ làm gì trong cuộc đời? Khi năm giác quan biến mất cũng giống như khi cởi hết áo quần các thứ cho vua và thấy được ông ấy thật sự ra sao, cái gì thật sự biểu hiện, ai nghe lời nói, ai nhìn thấy, ai cảm nhận, đây là ai. Khi năm giác quan biến mất, quý vị tiến rất gần đến câu trả lời của tất cả các câu hỏi này.

Khi hành thiền sâu sắc, cái mà quý vị thấy chúng ta gọi là “tâm” (tiếng Pàli gọi là Citta). Đức Phật sử dụng cách so sánh sau đây. Vào một đêm trăng tròn có một đám mây. Quý vị không nhìn thấy gì hết. Nhưng thỉnh thoảng đám mây trở nên mỏng hơn, quý vị thấy một vùng sáng. Quý vị biết có cái gì ở đó. Trong thiền ví như khi quý vị bắt đầu đi vào trạng thái định. Quý vị biết có cái gì đó nhưng không thấy rõ. Vẫn còn “quần áo” ngăn che. Quý vị vẫn còn suy nghĩ, vẫn còn hành động, cảm nhận về thân thể hoặc nghe âm thanh. Nhưng có lúc, đây cũng là sự so sánh của Đức Phật, mặt trăng thoát khỏi đám mây và trên bầu trời đêm trong sáng quý vị có thể thấy được mặt trăng rực rỡ như một cái đĩa giữa lưng trời và quý vị biết đó là mặt trăng. Mặt trăng có mặt ở đó, rất thực, chứ không còn là hình ảnh qua lớp mây. Đây cũng giống như khi hành thiền quý vị trông thấy tâm. Quý vị biết rằng đó thực là tâm, không phải là hình ảnh trong trí óc của mình. Quý vị thấy tâm, quý vị biết tâm. Đức Phật nói rằng tâm được giải thoát rất đẹp, rất sáng và tỏa rạng. Đây không chỉ là kinh nghiệm tràn đầy hỷ lạc mà còn là một kinh nghiệm rất có ý nghĩa.

Có bao nhiêu người đã từng nghe đến sự tái sinh mà vẫn không tin? Sự tái sinh diễn ra như thế nào? Chắc chắn rằng thân không thể nào tái sinh. Đây là lý do khi người ta hỏi tôi thấy đi đâu khi thấy chết, tôi trả lời, “Một trong hai nơi, “Fremantle hoặc Karrakatta⁽¹⁾”, đó là nơi xác thân đi đến! Nhưng tâm sẽ đi đâu? Đôi khi người ta thật ngu si, họ nghĩ rằng chỉ có thân, không có tâm. Thế nên khi thân này bị thiêu đi hoặc bị chôn đi người ta nghĩ thế là hết, mọi chuyện chấm dứt. Cách duy nhất để có thể tranh luận với quan điểm này là quý vị phải thực hành thiền quán như Đức Phật đã làm dưới cội bồ-đề. Rồi quý vị sẽ thấy tâm trong một ý thức trong sáng – không phải trong trạng thái hôn trầm hay thụy miên – mà trong một trạng thái tỉnh thức rõ ràng. Đây chính là biết tâm.

Trần Ngọc Bảo dịch

⁽¹⁾ Fremantle và Karrakatta là nghĩa trang và lò thiêu phục vụ cho thành phố Perth.



Sự tu tập **toàn diện**

JOAN SUTHERLAND

Lời người dịch: Sự tu tập toàn diện là sự tu tập mà trong đó cá thể và toàn thể không tách rời, sự tịnh tu và sinh hoạt trong đời sống hàng ngày không ngăn cách. Đó là con đường hòa quang đồng trần của Phật giáo đời Trần nói riêng hay Phật giáo Việt Nam nói chung. Đó là con đường mà sự giác ngộ có thể tìm thấy mọi nơi trong cuộc sống và sự giác ngộ có thể dần trải khắp mọi nơi.

Bản chất của đời sống là giác ngộ. Nhưng qua bản ngã, bản chất giác ngộ đó đã không được nhìn thấy. Trong cuộc sống phấn đấu và làm việc hàng ngày, trong thương trường, trong chính trường, trên chiến trường, trong sự giao tiếp và cả trong những công tác xã hội, từ thiện, một hôm chúng ta bỗng nhận ra rằng bước chân của chúng ta, hành động của chúng ta, những đón nhận của chúng ta không đặt trên



một nền tảng nào từ chính chúng, hay nói cách khác là chỉ đặt trên những mối tương quan. Đó là lúc chúng ta nhận ra sự thật của đời sống, chúng ta đặt bước chân đầu tiên vào ngưỡng cửa giác ngộ. Những mối tương quan đó hoặc trong hiện tại hoặc từ quá khứ là những mối tương quan gắn liền với thân, miệng và ý của chúng ta. Và chúng ta cũng biết rằng những mối tương quan đó không tĩnh tại, chúng ta có thể sửa đổi mối tương quan, và mối tương quan có thể sửa đổi chúng ta¹. Trong sự giác ngộ đó, chúng ta thấy rõ chúng ta nơi chúng ta, thấy rõ chúng ta trong mối tương quan. Chúng ta thấy rằng chúng ta vừa là cá thể, vừa là toàn thể.

Sự giác ngộ đó, sự nhận thức sâu xa rằng nền tảng của đời sống chỉ là những mối tương quan và mỗi cá thể không thể tách rời cái toàn thể trong mối tương quan đó, cũng lại sẽ làm cho những mối liên hệ trong xã hội, những hoạt động, những đón nhận trong đời sống hàng ngày, trong thương trường, trong chính trường... chân chính tốt đẹp và

nhẹ nhàng hơn, làm cho chiến trường bớt đau khổ và bớt hy sinh vô lý hơn.

Đó là Vô ngã và Từ bi của Đại thừa, là sự "Được Lòng"² của Trúc Lâm Trần Nhân Tông...

Tuy nhiên, sự giác ngộ đó cần được chuẩn bị. Bản ngã được nuôi dưỡng từ nhiều a tăng kỳ kiếp che khuất và lôi kéo chúng ta với sức mạnh mà chúng ta khó lòng thoát ra. Để có thể đối diện tinh tảo trước cuộc sống chờ đợi một cơ hội giác ngộ xảy đến, chúng ta cần có một nền tảng và duy trì nền tảng đó từ sự tịnh tu. Sự tịnh tu tạo cho chúng ta sự tỉnh thức và bén nhạy để có thể chụp bắt được những khai mở chớp nhoáng xảy ra trong cuộc sống. Sự tu tập toàn diện như vậy là sự phối hợp nhịp nhàng giữa tịnh tu và đời sống hàng ngày, bắt đầu bằng sự tịnh tu³.

Làm người là một điều phức tạp, và Phật giáo, từ khi khai sinh cho đến ngày nay, vẫn tiếp tục đặt mình trong

việc đưa ra một giải đáp cho vấn đề này. Phật giáo diễn tả rất chi tiết về những điều không vừa ý và lý do của sự không vừa ý đó, rồi đưa ra những phương pháp thực hành, triết lý, nghệ thuật để giúp chuyển hóa sự không vừa ý này thành giác ngộ – hay nói chính xác hơn, giúp con người thấy rằng sự giác ngộ vẫn luôn luôn hiện diện, là một phần không thể tách rời của cuộc sống mà chúng ta thấy là không vừa ý.

Có rất nhiều hình thức Phật giáo và nhiều phương pháp tu tập: tham thiền, lễ sám, nghiên cứu, phụng sự, nghệ thuật, sùng bái. Thực hành là chìa khóa, vì nó bắc cầu giữa tư tưởng và thể hiện; nó làm cho Đạo trở thành hiện thực.

Nói một cách tổng quát, trong những nền văn hóa Á châu nơi mà Phật giáo xuất hiện đầu tiên, có sự phân biệt giữa việc thực hành của giới tu sĩ và việc thực hành của giới cư sĩ. Có nhiều điểm chung, nhưng tu sĩ và cư sĩ thường có những hướng nhìn khác nhau, đưa đến những phương pháp thực hành khác nhau. Và người Phật tử Tây phương cũng thừa hưởng truyền thống này.

Một số người trong chúng ta tin rằng sự tu tập được thực hành ở tu viện hay trong thời gian tịnh tu là sự tu tập chân thật hơn để đưa đến giác ngộ, ngoài ra chỉ là thứ yếu. Một số người lại cho rằng chỉ sự tu tập trong đời sống thế tục và hòa mình vào thế gian mới có thể mở ra Con Đường. Phải chăng sự giác ngộ thật sự thuộc lĩnh vực của cách tu tập này hơn là cách tu tập khác? Hoặc có chăng một sự hợp nhất chúng để thành một cái toàn thể, một Con Đường không phân chia và uyển chuyển?

Năm rồi tôi dời nhà về một vùng sa mạc cao nguyên miền Bắc New Mexico. Nơi đây, sự đến và đi của nước rất gắn gũi với chúng tôi: những cơn mưa mùa hè, những trận tuyết mùa đông, nước được giữ suốt mùa trong những con sông, hay chỉ vài giờ trong những con lạch ngập tràn rồi lại khô, nước được giữ hàng nhiều thế kỷ trong những địa tầng, trào lên thành những con suối thiên nhiên. Từ những thời gian xa xôi không còn trong ký ức, chúng ta, những con người, đã nối liền cái vòng ướt-khô lớn với những cái giếng nước và những cống rãnh. Ngay cả ngày nay với những bể chứa và những cống rãnh hiện đại, cuộc sống vẫn được giữ gìn bằng những chiếc giếng sâu và một mạng lưới kênh rạch, ống dẫn.

Tôi nghĩ sự giác ngộ cũng giống như vậy. Nó ở khắp mọi nơi – bất ngờ và toàn vẹn như một tiếng nổ của sấm sét vào một buổi xế mùa hè, cũng hứa hẹn như một vết mờ xa xa của cây bạch dương chứng tỏ sự hiện diện của nước. Cũng có những lúc hạn hán, khi tư tưởng về giác ngộ có vẻ khô kiệt dưới một bầu trời tàn nhẫn.

Trong giây phút giác ngộ, chúng ta sẽ nhận thấy rõ ràng rằng điều mà tâm thức chúng ta thể nghiệm – điều chúng ta ý thức, nhìn thấy và cảm giác – hoàn toàn gắn liền với thế giới mà hàng ngày chúng ta vẫn nghĩ là ở bên ngoài chúng ta. Không còn nữa một kẻ ngấm nhìn và một đối tượng được ngấm nhìn, nhưng là một không gian duy

nhất, và không gian này tôi gọi là giác ngộ. Từ cái thấy này, giác ngộ giống như một sức mạnh nền tảng và toàn khắp, như hấp lực của địa cầu hay của điện từ, và chúng ta thấy nó ở bên trong chúng ta và chúng ta cũng ở bên trong nó.

Và chúng ta tìm cách thiết lập một sự liên hệ với nó, khai thác tài nguyên của nó, đưa sự giác ngộ vào việc tạo ra một góc riêng của chúng ta trong thế giới để thăng hoa. Chúng ta tu tập, và việc đó giống như chúng ta đào giếng và đào mương. Có những lúc chúng ta tập trung năng lượng của chúng ta, vào sâu trong những nguồn nước dưới lòng đất. Những lúc khác, chúng ta ở trên mặt đất và mở cống cho những con kênh rạch, để cho sự giác ngộ tuôn tràn khắp mặt đất giống như nước, làm cho sự sống có mặt nơi nào nó tràn đến. Mỗi cái đều thiết yếu; không có cái nào có sức mạnh mà không có cái kia. Một cái giếng không có mương rạch chỉ là một hồ nước; một cái mương không có nguồn nước chỉ là một cái rãnh khô. Sự tu tập của chúng ta là một sự cộng tác với sự giác ngộ để phát hiện sự biểu lộ của nó trong đời sống con người đặc thù của chúng ta. Để thực hiện điều đó, chúng ta phải tiếp xúc với những vực sâu của sự giác ngộ, những điều bị che giấu khỏi cái thấy thường ngày của chúng ta, và chúng ta phải làm việc gì đó với điều chúng ta khám phá.

Trong tinh thần này, một số người đã đem những sự tu tập được trình bày trong các kinh điển Phật giáo để chia sẻ với những người khác trong những mục tiêu đặc biệt, như làm giảm sự khổ đau và căng thẳng. Có những người đã dùng những điều học được từ việc tu tập để đưa vào các nhà tù, bệnh viện, trại tể bắn, công tác bảo vệ môi trường, xí nghiệp, công tác xã hội, hoạt động chính trị... Đời sống gia đình, tình bằng hữu, nghệ thuật, và văn hóa tất cả đều có thể có sự ảnh hưởng, có khi rõ ràng, có khi không có một ngôn ngữ nào liên quan đến Phật giáo. Làm cho những tư tưởng và phương pháp có thể có ích cho đời sống dễ dàng đến với mọi người, dù họ là những hành giả Phật giáo hay không, đó chính thực là Đạo – rộng lớn, sáng tạo và thiện xảo.

Nếu khởi đầu, luồng tư tưởng và phương pháp phát xuất từ việc tịnh tu chảy ra thâm nhập vào đời sống hàng ngày, bây giờ nó chuyển động theo cả hai chiều. Sự giác ngộ càng lớn và càng rõ ràng khi yên lặng và nói năng có sự trao đổi, dùng nghĩ và hoạt động học từ nhau trong một sự trao đổi mới mẻ bằng việc vượt qua biên giới từ thiền đường đến phố chợ và ngược lại. Người ẩn tu trong hang động, người nữ hộ sinh Phật tử, và tất cả những người mà tâm thức đã quay về với con đường Đạo – có một không gian đủ rộng cho tất cả chúng ta. Đó là sự giác ngộ được chia sẻ, mà tất cả chúng ta góp phần vào.

Một người đứng một mình trên đỉnh núi cao không có lối xuống, một người ở tại ngã tư đường cũng không có hướng đi, người nào trước, người nào sau? Không làm Duy-ma-cật, không làm Phó Đại Sĩ!

Lâm Tế⁴

Có một sự giả tạo trong sự phân biệt giữa việc tịnh tu và tu tập trong đời sống hàng ngày. Mỗi cái bao hàm những yếu tố của cái kia.

Cả chiếc giếng sâu của sự tịnh tu và những kênh rạch của đời sống thường ngày đều có những bí ẩn, đẹp đẽ và những khó khăn riêng. Dĩ nhiên, có một số sự việc sẵn sàng xảy ra trong cách này hơn là cách khác. Nhưng nếu chúng ta kỳ vọng một sự giác ngộ không còn sót lại một cái gì ở bên ngoài nó, điều đó có nghĩa là cần thiết có một sự tu tập bao gồm cả sự tịnh tu và sự tu tập trong đời sống hàng ngày. Cả hai cần thiết lẫn nhau.

Tuy vậy, việc tịnh tu và đời sống hàng ngày vẫn như còn có vẻ xung đột nhau. Việc này có thể có gốc rễ từ sự tách rời trong tâm thức giữa đời sống tịnh tu và đời sống hàng ngày mà nhiều người trong chúng ta mắc phải. Ở trong hoàn cảnh này, chúng ta lại nghĩ đến hoàn cảnh kia.

Khi chúng ta thức dậy vào sáng sớm để khai thuế, ánh sáng của sao, lối đi đầy mùi gỗ thông dẫn đến thiền đường có thể như trên cõi trời. Cũng có thể nó đi theo hướng khác. Có người thức dậy vào buổi sáng trong thành phố, buốt thấu với sự ước muốn sâu xa về sự yên tĩnh và đơn độc; người khác thì lại bị thôi thúc với sự mong muốn gặp mặt người con vào ngày cuối của khóa tịnh tu.

Hầu hết các tông phái Phật giáo được đưa vào Tây phương trong thế kỷ hai mươi có một sắc thái tu viện mạnh mẽ, ngay cả khi được người tại gia thực hành. Qua thời gian, nhiều trung tâm đã có nền tảng tích cực khuyến khích việc phát triển sự tu tập cho người tại gia, với phương pháp tu tập mới không mang hình thái tu viện. Nhưng vẫn còn một khuynh hướng khá mạnh, thường là một cách vô thức, hướng về đời sống tịnh tu, và sự tu tập của người tại gia được thấy như là một sự phỏng theo sự tu tập ở tu viện.

Tuy nhiên, nếu chúng ta càng không tách rời giữa đời sống tịnh tu và đời sống thường ngày thì môi trường phong phú càng mở ra, như nhiều người đã khám phá. Những cá nhân và cộng đồng tu tập có thể trả lời những câu hỏi này nhiều cách khác nhau và đưa đến những kết luận rất khác nhau. Điều quan trọng là tiếp tục giữ những câu hỏi, tiếp tục quan sát những sự đảm đương và những kết luận của chúng ta, bởi vì tất cả những thứ này vẫn đang còn trong tiến trình. Nó đang tồn tại, đang kích thích, và sự thám hiểm này cuối cùng phải trở thành một trong những đóng góp lớn lao vào dòng đang chảy.

Qua thời gian, có người trên con đường thực tập để giác ngộ không còn phải vật lộn với sự di chuyển từ sự tịnh tu qua đời sống thường ngày. Người đó nhận biết rằng thật sự chỉ có một sự tu tập đang xảy ra, nơi chốn và thời gian trở nên càng ngày càng ít thành vấn đề. Những tịnh độ ở hai bên đường ranh dần dần lùi xa, trong khi thị trấn ở biên giới lớn rộng thêm lên. Sự tu tập hợp nhất này lập tức có được sự đơn giản hơn và tỏa rộng hơn; giống như thở. Thở vào và thở ra. Ra đi và trở về. Giếng nước và kênh rạch.

Những thứ trước kia dường như là hai phạm vi hoạt động hay hai hướng nhắm đến riêng rẽ giờ đây trở thành những phương diện của cùng một con đường. Chúng ta không thể giữ mãi hơi thở của chúng ta, và chúng ta cũng không thể thở ra mãi. Chúng ta không gọi là thở-ra-thở-vào mà chúng ta gọi chung là thở. Cũng vậy, sự tu tập bắt đầu kinh nghiệm một sự thực hành toàn bộ, một con đường toàn bộ, ngay dưới chân chúng ta bất cứ nơi nào chúng ta đi đến.

Giác ngộ là một sự hợp nhất, như sự thở được tạo ra bằng hơi thở ra hơi thở vào. Nó là đường nối xuyên suốt và là nốt nhạc nền của cuộc sống chúng ta. Nếu khởi đầu, người học có một ý thức rằng sự liên tục thấy được trong đời sống là do cái ngã tạo ra, một sự thay đổi sâu xa sẽ xảy đến. Người đó thấy rằng cái ngã lên cao và xuống thấp; người đó bước vào cái ngã khi cảm thấy cần thiết, và những lúc chìm sâu trong thiền định, trong nghệ thuật hay trong sự cố gắng của thể xác, thì cái ngã hoàn toàn biến mất. Phía sau nó, sự giác ngộ mở ra với mỗi kinh nghiệm mới, và nó sẽ không hoàn tất trong cuộc đời này cho đến khi người đó thở hơi thở cuối cùng.

Sự giác ngộ không sâu đậm hơn hay dễ đạt hơn ở chỗ này so với chỗ khác. Sự giác ngộ xảy ra ở thiền đường, nó cũng xảy ra trên xa lộ, trên giường bệnh. Trong bất cứ phút giây nào của bất cứ ngày nào, sự giác ngộ vẫn sẵn sàng ở đó, và trong mỗi phút giây của mỗi ngày chúng ta đều có thể thể nghiệm nó. Tu tập không phải là cái gì chúng ta thực hành chỉ ở những thời gian nhất định và trong những cách thức đặc biệt nào đó, nhưng là thứ chúng ta thực hành trong mọi lúc suốt cuộc đời. Điều mà người học về giác ngộ sẽ thấy là người ấy không mang điều sở đắc từ sự tu tập chính thức vào phần còn lại của cuộc sống; người đó để cho sự tu tập làm thay đổi mình, để nó thấm đẫm hoàn toàn và nhuộm vào mình, để có thể là một người được nhuộm trong từng phút giây suốt cuộc đời. Giác ngộ cũng là ý muốn của người đó được thấm nhuộm từ những sự việc khác – để cảm nhận sự vượt ve, để đón nhận một quả đấm, để bị tàn phá bởi một mảnh tin tức từ phía bên kia của thế giới, để một cuộc gặp gỡ với cái đẹp làm thay đổi tâm thức về mọi thứ. Cho phép tất cả những thứ đó khai phá tâm thức của mình là một phần cốt tủy trong sự tu tập, bởi vì nếu không như vậy, sự giác ngộ không thể toàn diện.

Đôi khi, vòng cung dài của giác ngộ được ấn mạnh bởi một sự xuyên thấu lớn. Trong một khoảnh khắc, bản chất chân thật của sự vật trở nên sống động. Người học nhìn thấy tánh rỗng không của mọi sự vật, có nghĩa là thể nghiệm sự lớn lao và rực rỡ của mọi sự vật, và cách mọi sự vật kết nối với mọi sự vật. Người ta có được kinh nghiệm này trong thiền đường sau nhiều năm tu tập, và có được chúng một cách tự phát như những đứa trẻ con, hoặc trong những hoàn cảnh hầu như không nghĩ đến. Tuy nhiên, sự xuyên thấu đó sẽ bị rò rỉ trừ phi chúng ta đặt nền cho những kinh nghiệm. Nếu không có phương

pháp đào sâu và mở rộng sự giác ngộ để duy trì mối liên hệ sống động với nó, nó sẽ có khuynh hướng phai tàn để trở thành chỉ còn là một kỷ ức triu mến hay thất vọng.

Giác ngộ không chỉ xảy ra giống như một ánh chớp sáng; đôi khi đó là sự nhận biết của buổi rạng đông mà bầu trời dần dần sáng lên. Ở giữa cuộc sống hàng ngày, chúng ta nhận ra những phút giây thấy được tánh rỗng không của sự việc ở trong nhà, ở chung quanh. Những câu chuyện, những sự việc xảy ra hàng ngày cũng có thể cho chúng ta nhìn thấy lập tức sự rỗng không trong đó, một sự rỗng không cá biệt thay vì là một sự rỗng không chung của tất cả mọi sự. Nếu chúng ta để cho cái sàn nhà được kéo khỏi chân chúng ta làm cho chúng ta rơi xuống một cách tự do, giây phút rơi tự do đó là giây phút xuyên thủng. Với sự tu tập, chúng ta không cố gắng chộp lại chúng ta quá sớm, không cố gắng xây dựng lại cái ngã trong một phút chốc biến mất. Nếu những phút giây rơi xuống một cách tự do này được nhận ra và đánh giá đúng mức, chúng sẽ có khuynh hướng phá vỡ từ từ; chúng tích tập và tạo ra sự thay đổi lâu dài, và điều này rất nên được khuyến khích. Nếu sự xuyên thủng mở ra ngay cho chúng ta một khung trời rộng lớn nhất, sự rơi tự do này cho chúng ta nhìn thấy điều xảy ra trong mỗi phút giây của mỗi ngày.

Hứa hẹn nền tảng của Phật giáo là mỗi chúng ta đều có thể giác ngộ. Và với Phật giáo, giác ngộ không phải chỉ là vấn đề cá nhân. Tất cả chúng ta cùng ở trên một mặt đất, và tất cả chúng ta đang cùng nhau giác ngộ. Do đó một vấn đề rất quan trọng là làm thế nào để chúng ta khuyến khích sự tu tập không chỉ cho sự giác ngộ của cá nhân hoặc chỉ cho sự giác ngộ toàn thể, mà một sự tu tập trong đó cả hai đều là thiết yếu trong con đường không phân chia. Đó là sự phấn đấu tuyệt vời và đẹp đẽ biết bao.

Thị Giới lược dịch (theo Shambala Sun)

Chú thích:

(1) Những phản ứng từ thân, miệng và ý của chúng ta trong việc tiếp cận với những mối tương quan tạo nên những dấu ấn trong tâm, kết thành những hạt mầm gọi là chủng tử được chứa trong phần sâu thẳm nhất của tâm mà Phật giáo gọi là A-lại-da thức. Những chủng tử này phối hợp với những điều kiện mới, những mối tương quan mới, để nảy sinh thành những kết quả trong cuộc sống. Những kết quả này lại sẽ là nguyên nhân khi phối hợp với những mối tương quan mới khác, những tạo tác từ thân, miệng và ý, để tạo thành những hạt mầm mới cho những kết quả trong tương lai.

(2) Cư trần lạc đạo phú.

(3) Rất nhiều vị thiền sư giác ngộ trên đường hành cước do một tác động từ bên ngoài sau khi có được sự giải ngộ, một cái thấy căn bản từ việc tu tập ở tu viện, từ một vị thầy.

(4) Nhất nhân tại cô phong đỉnh thượng, vô xuất thân chi lộ, nhất nhân tại thập tự nhai đầu, diệc vô hướng bối, na cá tại tiến, na cá tại hậu? Bất tác Duy-ma-cật, bất tác Phó Đại Sĩ! (Lâm Tế ngữ lục).

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 81 cuốn/kỳ

Ô. Lâm Hoàng Lộc

Nhà sách Trí Tuệ : 60 cuốn/kỳ

Bà Lưu : 30 cuốn/kỳ

Ô. Vũ Châm

Vina Giấy : 26 cuốn/kỳ

Nhà hàng Tip

Hải Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ

Ô. Lương Trung Hiếu

4/33 Trần Khắc Chân, Q.1

: 10 cuốn/kỳ

Bà Phùng Kim Vy : 10 cuốn/kỳ

Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai

98 Nguyễn Thượng Hiền, BT

: 4 cuốn/kỳ

Cô Phan Thị Nguyên Thảo

Cty Unilever : 4 cuốn/kỳ

Chị Liên Hoàng, Q. BT : 2 cuốn/kỳ

Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ

Cô Lý Lạc Bích Ngọc, Q.12

: 1 cuốn/kỳ

Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này

: **266 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

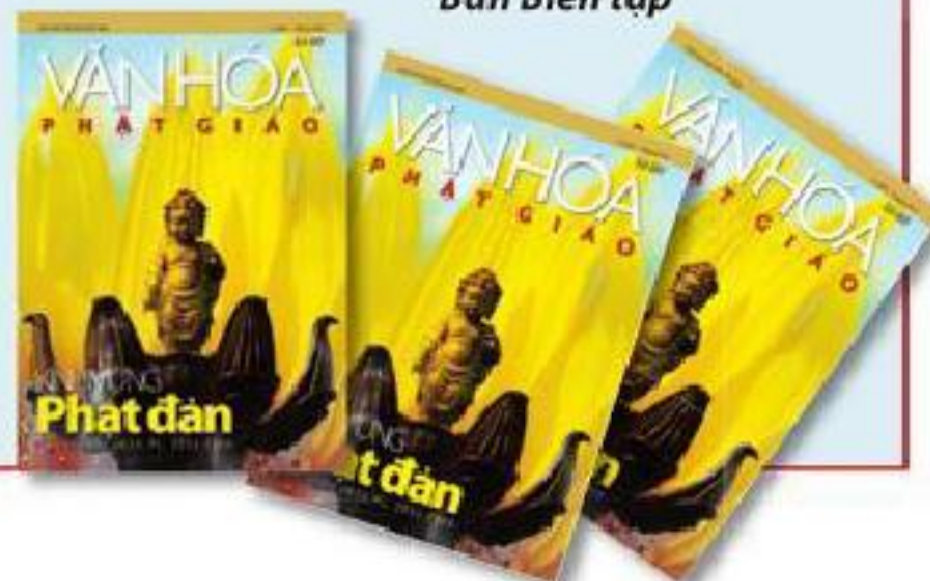
Tòa soạn : (08) 3 8484 335 hoặc

Phòng Phát hành VHPG :

(08) 3 8991 529

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Chùa Văn Quỳ

chốn nương tựa bình yên

Kính tặng các đạo hữu xa quê

NGUYỄN MỸ

Từ lâu tôi cứ phân vân, biết Văn Hóa Phật Giáo mở chuyên mục Ngôi chùa thân yêu mà cứ ngại ngần không biết viết sao đây. Thôi thì nghĩ rằng viết rứa, tập tễnh mà...

Quê tôi vẫn gọi chùa Văn Quỳ dung dị và mộc mạc như vậy, mặc dù chùa có tên Vạn An tự hần hoi. Chùa thuộc xã Hải Tân nằm tận cùng phía Nam tỉnh Quảng Trị, cách Thừa Thiên Huế một con sông.

Như ngài Hòa thượng Mãn Giác đã minh chứng:

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông.

Có lẽ trên đất nước mình chùa quê đều như vậy: chùa với đình làng tuy hai mà một. Nghe quý cụ kể lại rằng: ngày xưa chùa và đình làng tôi thờ chung trong một ngôi nhà rường năm gian tiền Phật hậu linh (trước thờ tôn tượng Bốn Sư Thích-ca, sau thờ linh vị Thành hoàng), hai gian tả hữu thờ bảy họ (Lê, Nguyễn, Đỗ, Trần, Ngô, Phạm và Nguyễn).

Năm 1975, dân làng được quy y dưới sự chứng minh và truyền giới của Hòa thượng Thích Thiện Trí (khai sơn chùa Hiếu Quang, Huế).

Mạng mạch Đạo pháp bén rễ ăn sâu, xum xuê hoa trái kể từ đây.

Thời thơ ấu, tôi thường theo mẹ đi chùa, mới đầu ngượng ngùng e thẹn, tay cứ níu lấy áo dài của mẹ, ngập ngừng dáo dác run run bước vào điện thờ, mẹ triu mến đỡ dành:

"Vào lễ với mẹ, Bụt thương con trẻ lắm, con không nhớ chuyện Bụt thương hiện trong chuyện cổ tích *Tấm Cám* mà mẹ (bà) hay kể à".

Mà thiệt, ông Bụt ngồi trên cao thế sao mà hiền, mắt nhìn xuống như nhìn tôi, miệng mỉm cười mãi không thôi. Vô tình tôi ngoái lại sau lưng trên cửa ra vào thấy một ông mắt trợn trắng bóc, mặt đỏ lôm bô tướng dữ tợn, tôi níu tay mẹ vừa chỉ vừa thụt lùi (sau này lớn lên mới biết đó là ngài Hộ pháp).

Từ đó bọn con nít chúng tôi càng ngày càng gần bó với chùa. Theo mẹ đi chùa, mẹ vô lễ Phật còn bọn tôi bày đủ trò phá phách, vô tâm nghịch ngợm chơi đùa, nhất là bắt chim. Té ra trông đáng ngài Hộ pháp dữ dằn rứa mà lại quá hiền, bọn tôi leo trèo đụng tay, đụng chân, có đưa cả gan sờ râu, vậy mà đêm về không ai nằm mơ và đau ốm chi cả. Ôn thi lần đầu trong đời học sinh là tiểu học và đệ thất cũng rủ nhau lên chùa học cho thanh tịnh, mau thuộc bài và lạy Phật cầu nguyện...

Thế rồi càng lớn càng xa quê để đi học. Bỏ làng, bỏ chùa, bước đi mà ngậm ngùi ngoái lại bằng khuâng, nhớ câu thơ của Nguyễn Bính mới thấm thía làm sao:

Mai này tôi bỏ quê tôi

Bỏ trắng bỏ gió, chao ôi! bỏ chùa.

Vào Huế đi học, nhìn những mái chùa nhỏ nhỏ như bóng dáng chùa quê: Cát Tường, Tịnh Bình... cũng thờ Phật, cũng kinh kệ hôm mai, sao mà nhớ chùa nhớ Phật làng mình đa diết khôn nguôi.

Rồi sa đà lang thang làm thân cùng tử khắp xứ người, nhìn Gia đình Phật tử "người đứng" sinh hoạt, vắng vắng bên tai bài hát *Về dưới Phật đài*: "ra đi lìa xa mái hiên chùa, còn đâu bóng lam hiên...".

Lòng xốn xang bồi hồi, quay quắt, nghèn nghẹn, nước mắt chỉ chực trào ra thôi.

Mỗi chiều hôm nghe chuông chùa ngân nga là lại mường tượng chuông chùa làng mình chầm chậm, rơi rơi, man mác u hoài, lãng đãng sương khói đôi bờ Ô Lâu.

Tuổi càng cao, mơ ước trở về quê càng thôi thúc:

Chày kinh nện bước sa đà

Giật mình kẻ chợ bên ba kịp về

Thôi ta già phố tìm quê

Thông tay buông bỏ nhiều kẻ lụy phiền...

Thôi! Cứ về sống đời lam lũ cùng ruộng đồng, được



núp bóng dưới mái chùa xưa. Mặc dù không có chư Tăng Ni trụ trì nhưng được chư tôn đức thường quang lâm sách tấn, lắng lòng nghe lời pháp nhũ của những bậc thiện tri thức, được thấm nhuần đạo vị giải thoát và ánh sáng trí tuệ soi đường, cùng tập tu với bà con đạo hữu trong làng đã chất chiu chăm chút ngôi già lam uy nghiêm cứu trợ an nhiên thường tại trên mảnh đất quê nhà.

Có một ngôi chùa như thế là nơi khơi mạch nguồn trí tuệ của huynh trưởng và đoàn sinh Gia đình Phật tử, cũng là nơi dừng chân của các đoàn cứu trợ bão lụt cùng khuôn hội họp bàn phân phối hàng quà trong tinh thần "Vô phân biệt" của Tâm kinh: Giàu nghèo, thân sơ, lương giáo. Vâng, quê tôi có hai tôn giáo là anh em huyết thống và con dân của bảy họ.

Cứ mỗi khi cảm thấy bất an, tôi chống gậy lên chùa ngồi một mình dưới tượng đài Bồ-tát Quán Thế Âm, thấy lòng thanh thản đến lạ lùng:

Hôm nay về dưới bóng Cha lành, lòng con thấy nhẹ nhàng, vì tâm con yên vui...

Toàn thân tôi rung động, hả dạ đến rưng rưng...

Chùa làng Văn Quỳ, nơi che chở tuổi thơ tôi rong chơi an lành, thì cũng là nơi tôi nương tựa tuổi già chất ngất bình yên giữa phong ba đời thường. ■

Ảnh: **Đặng Ninh Phương**
Hình chỉ mang tính minh họa

Phật giáo Quảng Bình: *chờ vụ gieo giống*

CAO HUY HÒA

Quảng Bình là miền đất không xa mà tôi chưa thăm, trừ một lần tham quan động Phong Nha, nhưng tôi biết Quảng Bình nhờ những người nơi đó vào làm việc, sinh sống, học tập tại Huế. Hơn thế, có cái gì đọng lại từ thời niên thiếu khi học lịch sử: đó là “*Hận sông Gianh*”, là nỗi đau chia cắt đất nước từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Ngoài ra, tôi có thể kể thêm một chút kỷ niệm ngọt ngào: cô nghệ nhân đàn tranh tài hoa Nguyễn Thị Diệp đã dạy đàn tranh cho con gái tôi ca khúc nổi tiếng “*Quảng Bình quê ta ơi*” của nhạc sĩ Hoàng Văn, mang đậm âm hưởng dân ca, khiến bây giờ tôi nhập tâm: “*Quảng Bình, bao miền thương, khoan khoan hò khoan!...*”.

May mắn cho tôi, lần này tôi được đi theo quý thầy ra làm Phật sự ở Quảng Bình, đi về trong một ngày. Con đường Quốc lộ 1 trải nhựa êm ái, cảnh vật đang vào xuân, không có một chút gì dấu tích do chiến tranh để lại, trừ những đài liệt sĩ; và dòng sông Bến Hải, ngày nào tũn hờn chia cắt hai miền, thì nay hiền hòa, trong xanh; cây cầu Hiền Lương cũ nép mình, an phận làm nhiệm vụ chứng tích lịch sử, nhường cho cây cầu hiện đại, xe cộ tấp nập đông vui.

Nơi chúng tôi muốn đến đầu tiên là chùa Phổ Minh. “*Ngôi chùa trước đây do Hòa thượng Phổ Minh kiến tạo từ năm 1920. Ngôi tổ đình với gần 100 tuổi này một thời từng là trung tâm Phật học nổi tiếng của tỉnh Quảng Bình, là nơi xuất thân của nhiều bậc cao tăng đạo hạnh có những đóng góp quan trọng cho sự hưng thịnh của Phật giáo nước nhà nói chung, Phật giáo Quảng Bình nói riêng trong những thập niên 50, 60 của thế kỷ 20. Đặc biệt tại ngôi chùa này hiện còn lưu giữ được 14 pho tượng Phật cổ của Tổ đình Sắc tứ Minh Đức xưa – một ngôi cổ tự do thập nhị tôn tộc (12 dòng họ) làng Đức Phổ dựng ra thành lập từ đầu thế kỷ 17, nhưng nay đã không còn*”.

Đoàn chúng tôi không có ai rành Quảng Bình. Khi đã ngồi trong xe, một vị bắt điện thoại đến một người vốn là cán bộ và am hiểu Quảng Bình, nhưng vị này đã đi xa. Vây thì tìm đường chỉ ở trên... miệng! Chúng tôi hỏi địa chỉ chùa Phổ Minh, từ người bán hàng đến anh thợ sửa xe, chị bán thuốc tây, em học sinh,... e cũng hỏi gần đến mười người, ai cũng lắc đầu, may mắn cuối cùng hỏi một ông cán bộ (nhìn tác phong và cách nói năng, tôi đoán thế), chúng tôi mới lần đến chùa.



Pháo Đài, ngôi chùa duy nhất của thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

Phật giáo Quảng Bình cần một tổ chức với nhân sự đàng hoàng; chùa và Phật tử cần Tăng Ni; những ngôi chùa đã bị phá hủy trong chiến tranh cần xây dựng lại. Hầu như tất cả trở lại từ đầu, giống như một vùng đất mới: Cần một vụ gieo giống, từ đó chánh pháp mới nảy nở...

Đây rồi, ngôi chùa duy nhất của thành phố Đồng Hới! Chùa khá bề thế như một ngôi chùa thường thấy ở Huế, cổng tam quan lớn, đặc biệt ngôi tháp tổ uy nghi; bên trong chánh điện thờ Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm, các tượng cổ; hai bên chánh điện có chuông, trống lớn. Ngoài ra, chùa còn thờ long vị Tổ của chùa và long vị của các chùa bị hủy hoại trong chiến tranh, đưa về thờ ở đây. Duy chỉ có khuôn viên không rộng, và chùa thiếu hài hòa với cây xanh. Dấu sao, ngôi chùa lớn hơn tôi mong đợi, vì tôi nghĩ rằng, hơn nửa thế kỷ qua, Phật giáo hầu như vắng mặt ở thành phố này, cho nên không trông mong cái gì mẫu nhiệm. Trùng tu ngôi chùa được như thế này là một Phật sự rất có ý nghĩa của Phật tử Quảng Bình. Nhưng khi tham quan chùa, và tiếp xúc với những vị có trách nhiệm, mới thấy nhiều chuyện khiến mình băng khoăn khó tả.

Chùa như thế mà không có Tăng, chỉ có một vị bán thế xuất gia, nói rõ hơn là vẫn đang có đời sống gia đình, người đã già, nhưng mạnh khỏe. Cảm giác có gì khó tả, hụt hẫng, nhưng nghĩ lại ..., thôi thì biết đâu mình hạnh ngộ một chứng nhân đàng hoàng, còn giữ phần nào hồn

thiền của đạo pháp sau một thời gian dài giập vùi, như một cây cổ thụ trải qua bao mùa mưa bão vẫn chưa trốc gốc, để hôm nay, vẫn có thể lên tiếng: Phật giáo Quảng Bình có mặt! Và chính vị này đã từng có mặt nên chùa vẫn có hơi thở trong cuộc sống muôn vàn khó khăn của dân Quảng Bình, để bây giờ mới có cái thế để trùng tu. Chùa đã tổ chức lễ khánh thành trọng thể ngày 26/01/2007. Kinh phí về xây dựng và tiền cúng dường được thể hiện trên mấy tờ giấy dính trên tường: 279.860.310 đồng. Danh sách dài ghi tên và địa chỉ tất cả người cúng dường với số tiền đóng góp; rõ ràng đây là những viên gạch xây dựng chùa, cũng là viên gạch xây nền móng trở lại của Phật giáo Quảng Bình.

Tôi không mấy khó khăn để biết tổng quát về sinh hoạt Phật sự của chùa. Trước hết, tôi tin vào việc hương khói của thầy quản lý, cũng như giữ thanh tịnh cho chùa; và chẳng, chùa này thì cũng như nhà của thầy, chùa gần bó cuộc đời thầy. Bốn đạo của chùa chắc chắn là khá đông, và thường đến chùa ngày rằm, mồng một, dâng hương, cầu nguyện chư Phật. Tôi đọc được nội quy viết tay, treo trên tường, xin chép nguyên văn:

Nội quy hướng dẫn.
Thắp hương lễ Phật tại chùa.

Khách thập Phương và Chư đệ tử đến Chùa Thập hương lễ Phật. Nếu có hương hoa quả Phẩm thì báo giao cho tăng đạo trực chùa, Đặt lễ cho. Sau đó mới thắp hương Lễ Phật. Lễ Phật xong có tiền mời khách Thập phương và đệ tử trực tiếp tự tay mình bỏ vào Thùng Phước Sương (Lập Phúc).

Để phòng Hòa Hoạn – mỗi người chỉ được thắp 3 cây hương, hoặc do tăng đạo Trú, Thập giao cho. Sau đó quý khách và chư đệ tử, dâng hương ngang Trán, cầu nguyện (quỳ hay đứng tùy ý) theo yêu cầu nguyện vọng của mình, Nhờ ơn trên Phật thánh phò trì gia hộ cho. Khấn nguyện xong cắm hương vào lư chánh điện và 2 bên, mỗi lư 1 cây không cắm nhiều hơn. Các nơi khác chỉ vãi lạy không được thắp hương nữa. Trừ những gia đình có ký tự vào chùa thì phải thắp hương sau bàn linh cho vong linh của mình.

Tăng đạo trực chùa phải thường xuyên nhắc nhở quý khách và chư đệ tử, thực hiện tốt nội quy này./.

Phổ minh, ngày 25 – 01 – 2009
TM. Ban quản Trị Chùa Phổ Minh
TT. Thích Siêu Minh.

Tôi xin chép lại nguyên văn bản nội quy này không có ý gì khác, ngoài việc để người đọc nhận ra thực trạng của Phật giáo tại đây, qua thể hiện tại chùa Phổ Minh. Ở đây không có đạo tràng, không có giảng pháp, không có thiền, chỉ có một niềm tin đạo Phật qua hình thức tín ngưỡng dân gian (Phật Thánh phò hộ). Chính niềm tin này bắt rễ trong dân, qua bao năm tháng, qua thăng trầm lịch sử, qua bao nỗi khó khăn nhọc nhằn, để ngày nay đón thời kỳ mới mà giá trị tâm linh được nảy nở. **May sao, niềm tin còn một chút này! Nhưng thật không may, nếu đạo Phật**

cứ thể hiện như thế, và chỉ như thế.

Rời chùa Phổ Minh, chúng tôi đến nghĩa trang thành phố Đống Hới. Nghĩa trang mênh mông, bằng phẳng, sáng lên trong nắng xuân, đất đai có phân lô hàng hoàng, tất cả đều được xây, rất nhiều ngôi mộ nhỏ, giống nhau, như được quy tập, nhưng cũng có nhiều ngôi mộ cầu kỳ. Nghĩa trang được bao bọc xung quanh là rừng cây xanh um. Cô gái dẫn đường cho chúng tôi cho biết sáng mồng

một Tết, toàn dân đi thăm mộ, đông vui không thể tả. Mộ của người Thiên Chúa giáo thì có cây thập tự giá rõ ràng, “họ làm lễ, cầu kinh hay, nghe mê luôn!”, cô gái bảo thế. Còn mộ nào đây của người Phật tử? Không thể biết vì không có gì phân biệt, chỉ thấy nhiều, nhiều lắm hoa văn trang trí theo kiểu dân gian Huế ảnh hưởng đạo Phật: bình phong, bìa, long lân quy phụng, búp sen; đặc biệt có lăng mộ, nhà bia rất hoành tráng, cầu kỳ, lại có tháp bảy tầng như tháp Linh Mục! Ảnh hưởng này có thể ngày càng phai nhạt ý thức Phật giáo của người dân, vì sau này, đạo nào cũng dùng bông sen trang trí.

Rời nghĩa trang, chúng tôi tìm một nơi nào đó thuận tiện để dùng bữa trưa. Đó là một quán chè bên đường, đúng hơn là ngôi nhà khá lớn, dành phòng mặt tiền để bán chè. Buổi trưa, quán ế khách, chúng tôi dễ dàng bày biện thức ăn đem theo, nghỉ ngơi thoải mái, tiện nghi. Chị chủ nhà và người phục vụ niềm nở tiếp đón khách. Khi ra về, chúng tôi cảm ơn và xin gửi lại một chút gọi là một giờ nghỉ ngơi, nhưng chị chủ nhà cương quyết không nhận, chỉ nhận tiền chè – ly to mà ba ngàn đồng, quá rẻ! – và vui vẻ thưa: “Mấy thầy và sư cô vào quán con thì con vui rồi, có chi mô!”. Thật đáng quý tấm lòng kính trọng người tu hành, một nét đạo đức từ xa xưa đọng lại trong lòng dân, mặc dầu mấy người này nói với tôi: không hiểu Phật, không biết Phật dân là gì, chùa Từ Đàm ở đâu.

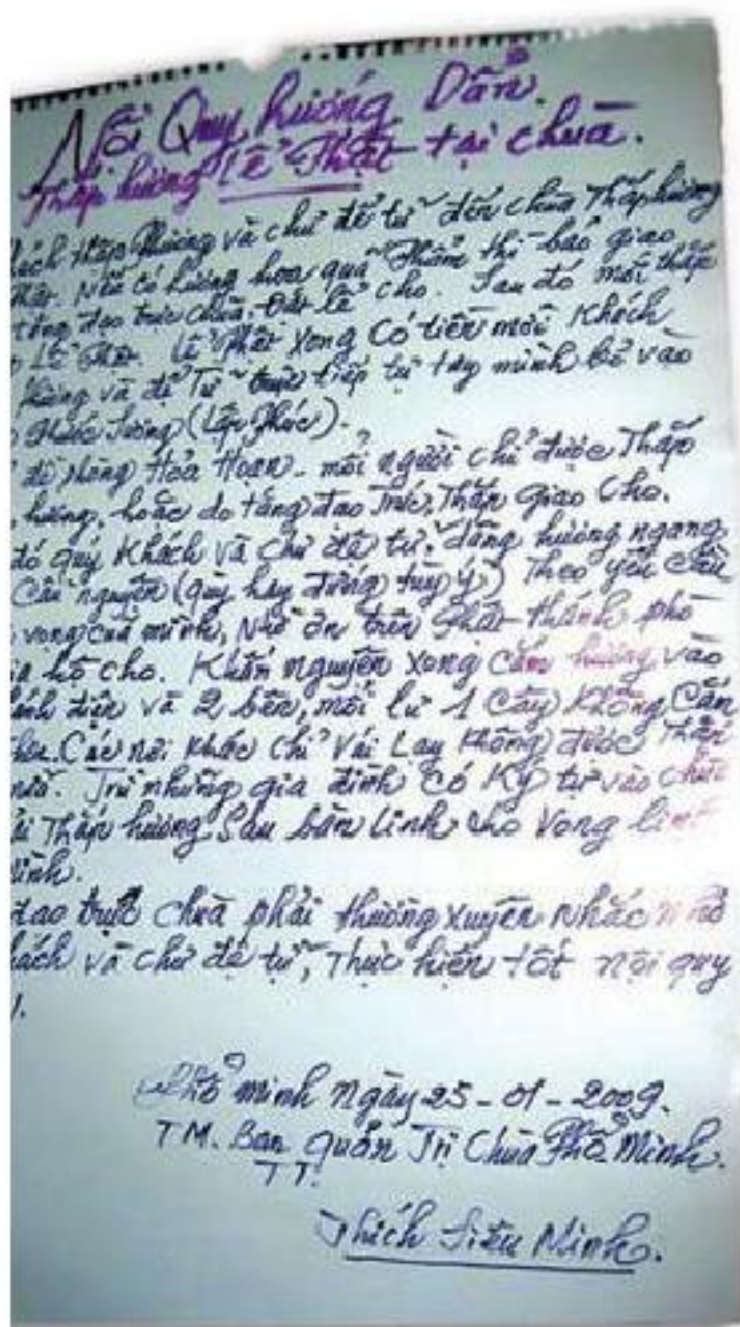
Niềm băng khuâng do những gì chứng kiến theo tôi trên đường về. Chúng tôi ghé vào thăm chùa Sắc tứ Tịnh Quang (tỉnh Quảng Trị), ngôi chùa mà trong đoàn có người chưa hề biết đến. Tôi đã có lần đến đây, nhưng lần nào cũng thấy lằng lằng trước cảnh bao la của cảnh quan ngôi chùa, của cây xanh bóng mát trên con đường dài từ ngoài quốc lộ rẽ vào chùa, và của ngôi chánh điện vô cùng uy nghi. Thật là vui mừng khôn tả, sau khi chúng tôi về Phật sự tại Quảng Bình, thấy chùa mà không thấy Tăng, thì vừa xuống xe vào chùa Sắc tứ, được quý thầy niềm nở đón tiếp. Hai tỉnh láng giềng mà sao tình cảnh Phật giáo lại khác biệt đến thế? Không lẽ con sông Bến Hải lại còn ngăn đôi Phật giáo hai miền, ít nhất là ngăn đôi Bình Trị Thiên? Phật giáo đồng hành với dân tộc, không lẽ đến Quảng Bình thì... nửa đường đứt gánh? Vai trò của Phật giáo Huế, một trung tâm Phật giáo của cả nước, là ở đâu đối với vùng khó này? Và tất nhiên, Giáo hội Trung ương?

Phật giáo Quảng Bình cần một tổ chức với nhân sự đàng hoàng; chùa và Phật tử cần Tăng Ni; những ngôi chùa đã bị phá hủy trong chiến tranh cần xây dựng lại. Hầu như tất cả trở lại từ đầu, giống như một vùng đất mới: Cần một vụ gieo giống, từ đó chánh pháp mới nảy nở.

Tháng 4/2009

Chú thích:

1. Nguyễn Ngọc Trai: Chùa Phổ Minh, một trung tâm Phật giáo nổi tiếng của tỉnh Quảng Bình vừa được trùng tu, Văn Hóa Phật Giáo số 41 (15/9/2007).



“Và nụ cười nổi trên môi...”

BS ĐỖ HỒNG NGỌC



Lúc đó tôi đang là Trưởng phòng Cấp cứu Bệnh viện Nhi đồng Sài Gòn (nay là Bệnh viện Nhi Đồng 1, TP.HCM). Ngày nào bệnh nhi cũng tràn ngập, toàn là bệnh nặng mà chỉ lơ đãng, chậm trễ một chút đã có thể gây tử vong. Cả nhóm bác sĩ, điều dưỡng gần như luôn túc trực bên giường bệnh, không để ý nhiều đến những biến động bên ngoài, thế nhưng trong lòng ai cũng canh cánh nhiều nỗi lo toan. “Đại bác đêm đêm” vẫn “đội về thành phố” và những chuyến bay vùn vụt trên không. Không khí như sánh lại. Nhiều tiếng thì thầm và bắt đầu vắng dần những khuôn mặt thân quen. Các hành lang trở nên hun hút.

Trong phòng cấp cứu này, các thầy thuốc vẫn miệt mài gần bó bên cạnh những bệnh nhi thoi thóp, hôn hển, hôn mê, trụy mạch... Rồi còn thêm những trẻ bị sập hầm, bị đạn lạc... Mọi người chỉ có một ước nguyện là mong sớm có hòa bình trên quê hương. Khi nghe ngưng tiếng súng và vang vang lời hát *"Rừng núi đang tay nối lại biển xa, ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà..."* trên radio, trong lòng tôi là một nỗi hân hoan khó tả. Một cảm giác lâng lâng, sáng khoái, nhẹ nhõm. Tôi không thấy có cách biệt, không thấy có ngăn chia. Ngày hôm qua, ngày hôm nay, hay ngày mai ở trong phòng cấp cứu này, cũng chỉ là những bệnh nhi mê man, co giật, trụy tim mạch, thở thoi thóp... Có quá nhiều việc để làm cho một người thầy thuốc! Tôi cùng các đồng nghiệp gần như ngày đêm túc trực, miệt mài. Cái ấn tượng sâu sắc còn đọng lại trong tôi mấy ngày sau đó là buổi gặp gỡ với vị chức sắc cao cấp phía cách mạng (chúng tôi gọi thế). Cả hội trường im phăng phắc nghe ông nói. Trong bộ quân phục giản dị, không cả quân hàm, dáng vẻ trí thức, uy nghiêm, ông nói về nhiệm vụ người thầy thuốc hôm nay. "Không có Việt cộng, Việt trừ gì cả! Chúng ta là người Việt Nam". Ông kết luận. Sau này tôi mới biết ông là bác sĩ 9 Hưng, Trần Ngọc Đăng. Bạn tôi, bác sĩ T. từng du học ở Mỹ, mấy ngày trước đã có điều kiện để ra đi nhưng quyết định ở lại. Anh nói đã có lý do khi chọn ở lại quê hương.

Thế rồi bao nỗi khó khăn ập đến. Bệnh nhi tràn ngập gấp ba, gấp bốn do các phòng mạch, nhà thuốc đều đã đóng cửa mà hệ thống y tế cơ sở chưa kịp thay thế. Bệnh ngày càng nhiều hơn, càng nặng hơn. Nhiều ca tử ngoại thành chuyển đến phòng cấp cứu đã tử vong từ lúc nào! Hết thuốc! Hết dịch truyền! Hết kim cánh bướm (một loại kim dùng trong nhi khoa)... Hết dây truyền nước biển... Dịch sốt xuất huyết cũng ập đến. Rồi dịch viêm màng não, nhiễm trùng huyết do não mô cầu ập đến - một thứ bệnh có thể gây tử vong trong 24 giờ đồng hồ với những vết tử ban lan tỏa toàn thân. Chúng tôi tổ chức các đoàn bác sĩ đến tận các trường học khám nghiệm cho hàng ngàn học sinh, cho uống thuốc dự phòng các thứ. Bệnh nhân cứ ngày càng đông hơn, từ thành phố cũng như từ các tỉnh đổ dồn về. Một bác sĩ phòng khám mỗi buổi sáng phải khám điều trị cho vài trăm trẻ. Đầu tắt mặt tối, tránh sao khỏi sơ suất. Thế là có thư góp ý, thư gởi, kiện cáo. Có những đơn thư nặng nề kết án "... có ý đồ hại con em cán bộ!". Dĩ nhiên ban lãnh đạo bệnh viện phản bác vì rất hiểu anh em, những con người đã mang trên mình chiếc áo blouse trắng, nhưng không thể không ngấm ngấm gây một nỗi đau lòng, ngăn cách. Bác sĩ M, bạn tôi, phụ trách khoa sản sóc đặc biệt, tập trung những bệnh nhi nặng, tử vong cao, có ý định ra đi từ đó. Đã có những kỳ thị, phân biệt đối xử. Đã có những lo âu cho tương lai con em. Tình trạng thiếu thuốc men ngày càng trầm trọng. Bệnh viện thành lập khoa điều chế dịch truyền. Nuôi thỏ để thử thuốc. Đã có rất nhiều cố gắng, nhưng sao tránh khỏi những trường hợp sốc nước biển, run tiêm truyền,

những tai biến đáng tiếc! Một số tỉnh bạn, có nơi còn phải sử dụng cả nước dừa để thay thế dịch truyền! Mọi thứ tự túc tự cấp. Tự sản tự tiêu. Gì cũng Te-ra (tetracycline)! Tại phòng khám, có những em bé quen mặt cứ được hết người này tới người kia bỗng vào khám bệnh trong một buổi sáng. Sau mới biết thì ra có kẻ chuyên "cho mượn" em bé để khám bệnh xin thuốc. Rồi phong trào sản xuất hàng loạt "xuyên tâm liên" để chữa bách bệnh! Cái khó "lớ" cái khôn. Cũng nhiều sáng kiến cải tiến. Cắt miếng plastic gắn vào kim tiêm làm kim cánh bướm. Mài kim cho khéo để không có ngành, chích rách da bệnh nhi! Hấp lược, tái sử dụng dây truyền dịch. Có bệnh viện đã được khen thưởng vì đã tái sử dụng dây truyền máu đến mấy chục lần! Mọi thứ đều phải tiết kiệm tối đa. Nhắc lại chuyện này chắc các đồng nghiệp trẻ khó tin. Sau này phương tiện dồi dào, đầy đủ, cái gì cũng theo nguyên tắc "xài một lần rồi bỏ" làm cho những thầy thuốc... già như chúng tôi thời đó vẫn còn nghe tiếc hùi hụi...!

Nhờ có kinh nghiệm về điều trị sốt xuất huyết, Bệnh viện Nhi Đồng (nay là Nhi Đồng 1) chúng tôi được mời đi trình bày ở nhiều nơi. Thế là một "gánh hát rong" ra đời. Chúng tôi đi hết tỉnh này đến tỉnh nọ, gọi là "công tác tuyến". Chúng tôi mang tài liệu, thuốc men, nhất là kiến thức, đi truyền bá ở khắp nơi, bù lại được tặng ít gạo và ít... cá khô, tôm khô mang về làm quà. Thời đó xe đi công tác về tỉnh phải chờ xăng theo và lúc về mang gạo ra khỏi tỉnh thì phải có giấy phép. Riêng tôi nhớ lần đi cùng BS. Lê Văn Phụng, Vụ trưởng Vụ Điều trị Bộ Y tế đến An Giang và Kiên Giang (1976). Trên đường, ông đột ngột ghé thăm một trạm y tế xã. Ông nổi tiếng là người kiểm tra rất nghiêm. Đến đâu ông cũng dùng một cục bông gòn, cắm cây kim chích vào, rút ra thử, nếu kim còn vướng bông gòn, chứng tỏ kim đã mài cầu thả. Lần đó, tôi thấy trong tủ thuốc của một trạm y tế có đến vài trăm ống Ouabaine mà ở Bệnh viện Nhi Đồng tìm đồ con mắt không ra, rất hiếm, chỉ dành cho bệnh nhi suy tim trái, có gallop, dọa phù phổi cấp (OAP), thế mà ở đây người ta chỉ coi là "thuốc khỏe", bà con đi ruộng về ghé chích một mũi cho khỏe! Tôi nêu ý kiến. Ông ngẫm nghĩ rồi trả lời. Phân phối theo cơ chế bao cấp, quan liêu quá, nơi cần thì không có, nơi có không cần, không biết xài... Lần đi ấn tượng khác cuối năm 1976, khi tôi cùng với bác sĩ Đỗ Quang Hà, Viện Pasteur, đi chống dịch viêm não ở vùng U Minh Thượng. Mới biết thế nào là muỗi, thế nào là đĩa ở vùng Đồng Tháp Mười! Vò lãi đưa chúng tôi vào tận những nơi đèo heo hút gió. Bà con ở đây còn rất nhiều mê tín dị đoan.

Sốt xuất huyết tạm lắng thì đến dịch viêm ruột hoại tử. Bệnh nhi bị xuất huyết tiêu hóa, ruột teo lại từng khúc, trụy tim mạch và chết rất nhanh. Chết nhiều. Truy tìm tài liệu mới biết đây là một loại bệnh ngày xưa thường gặp ở Phi châu, đặc biệt ở Papua New Guinea, do vi trùng hiếm khí *Welchia perfringens* gây ra. Những đêm trực kinh hoàng với nhiều ca vào cùng một lúc



Rồi những bạn bè năm xưa của tôi đã lần lượt trở về. Nhiều bạn nay đã là những chuyên gia y học tầm cỡ. Cùng góp sức góp lòng, chuyển giao công nghệ, dạy dỗ cho lứa đàn em. Và những nụ cười lại nổi trên môi khi chúng tôi cùng hát với nhau trong những buổi họp mặt đông vui: “Rừng núi dang tay nói lại biển xa... Ta đi vòng tay lớn mãi để nổi sơn hà...” (TCS). Những mái đầu xanh ngày nào nay đã bạc trắng, lũ chúng tôi đều đã trên dưới bảy mươi rồi. Mỏi thôi!

trong tình trạng sốc nặng, tím tái nổi bông toàn thân. Sau khi hồi sức, qua cơn cấp tính, ruột teo lại từng khúc, sờ được, chúng tôi gọi là “khúc lạp xương”, phải chuyển đi mổ tiếp mới cứu được. Nhớ có đêm gần hai giờ sáng, tôi dựng Trần Đông A, bác sĩ trực khoa ngoại duty, bảo có “cục lạp xương” cần mổ gấp này! Mổ ra khúc ruột tím bầm, xuất huyết từng mảng rải rác, nhiều khúc đã cứng ngắc, lổm đổm đỏ, nâu... y như lạp xương thiệt! Ca đó phải cắt gần hết ruột non, đến tận ileon, nối tận - tận rất khó khăn. Cuối cùng bệnh nhi được cứu sống dù trước đó mẹ em cương quyết không cho mổ. Sau này, khi bệnh được phát hiện sớm hơn thì can thiệp bằng cách bơm oxy vào ruột theo “trường phái” của bác sĩ Trần Thành Trai cũng đã giải quyết được nhiều trường hợp ngoạn mục. Chúng tôi say mê với các đề tài nghiên cứu khoa học lý thú và thực tiễn đó. Cả nhóm “nội ngoại” làm việc khăng khít bên nhau, chia sẻ biết bao niềm vui, nỗi buồn, đôi khi tranh cãi gay gắt, quyết liệt nhưng tất cả đều vì bệnh nhi. Rồi đến dịch “Ngộ độc phấn rôm” năm 1981! Trẻ sơ sinh chừng một tháng tuổi bỗng bị xuất huyết não-màng não chết hàng loạt, tử vong rất cao! Chỉ trong vòng ba tháng mà đã có hơn 300 trường hợp nhập viện vào Bệnh viện Nhi Đồng 1 và Nhi Đồng 2. Cuối cùng mới tìm ra được thủ phạm: đó là chất Warfarine, một thứ thuốc diệt chuột mà kẻ gian đã vì tham pha trộn với bột mì làm phấn rôm giả! Công đầu phải kể đến các bác sĩ Dương Quang Trung, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, giáo sư Martin Bruyer từ Paris sang và tập thể các đồng nghiệp ở Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Truyền máu-Huyết học và các bệnh viện Nhi Đồng thành phố!

Còn nhiều nữa, kể sao cho hết! Nhưng những khó khăn đó không đáng ngại đối với người thầy thuốc bằng thiếu thông tin y học để cập nhật kiến thức, thiếu trang thiết bị, thiếu thuốc men, phương tiện hành nghề... nên ai cũng thấy bức xúc. Chính vì thế mà năm 1978, Trung tâm Thông tin-Tuyên truyền Y học được thành lập (tiền thân của Trung tâm Truyền thông-Giáo dục sức khỏe hiện nay) đã giải quyết được một phần bức thiết của người thầy thuốc! Đời sống ngày càng khó khăn thêm. Những đợt “kiểm tra chéo” bệnh viện lại rất căng thẳng. Thầy thuốc lo đáp ứng kiểm tra hơn lo chăm sóc bệnh nhi. Những buổi “bình bầu” thì đưa trở nên giận hờn, trách móc, không nhìn mặt nhau. Nhiều chuyện không đầu, chẳng liên quan gì đến chuyên môn. Bệnh viện với dần. Khó khăn càng dồn dập. Còn nhớ vào năm 1979, bệnh viện thực sự căng thẳng vì không ngày nào không có người ra đi. Có người đi trót lọt, có người quay về. Lần đó, tôi nghỉ phép mấy hôm mà lúc trở vào làm việc mọi người đã... ngạc nhiên, sững sốt! Bài thơ “Tôi còn nợ” tôi viết từ những cảm xúc đó. Bài thơ sau đó được bác sĩ Trương Thìn phổ nhạc và hát trong những đêm sinh hoạt văn nghệ ở Hội Trí thức yêu nước với Phạm Trọng Cầu, Trịnh Công Sơn, Trần Long Ẩn, Hoàng Hiệp, Nguyễn Nam, Lê Thị Kim...

*“Tôi đi phép mấy ngày
Hôm trở lại mọi người reo lên mừng rỡ
A! Ông thầy về! Trường đi luôn rồi chứ!
Và em cũng nhìn tôi
Không nói
Qua ánh mắt tôi biết em định hỏi
Vì sao tôi không đi
Vì sao tôi ở lại?
.....”*

(ĐHN, 1979)

Thế rồi lãnh đạo thành phố, lãnh đạo ngành y tế cũng đã kịp thời có những giải pháp. Đầu tư tăng cường trang thiết bị, thuốc men, thông tin y học, hợp tác quốc tế... “Thí điểm” làm ngoài giờ (phòng mạch tu). Thí điểm thu một phần viện phí... Rồi kỹ thuật cao, rồi y tế chuyên sâu có cơ hội phát triển. Hệ thống y được tư nhân hình thành chia sẻ gánh nặng cùng y tế Nhà nước, cùng thúc đẩy nâng cao chất lượng điều trị, chăm sóc bệnh nhân tốt hơn. Cùng lúc, chúng tôi triển khai các chương trình *Sân sóc sức khỏe ban đầu* (Primary Health Care) cho trẻ em ở quận 6, quận 4, rồi Củ Chi, Hóc Môn... Một Chương trình Sân sóc sức khỏe ban đầu toàn diện ở xã Hiệp Phước, Nhà Bè do bác sĩ Dương Quang Trung chủ trì, cùng với một Ban thư ký gồm các bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, Lê Trường Giang, Nguyễn Thanh Nguyên, Dương Đình Công, Nguyễn Ngọc Chiêu (được bạn bè gọi là *ngũ hổ tướng*) đã trở thành một mô hình được nhân rộng cho toàn thành phố và một số các tỉnh bạn. Đây là một chương trình tổng hợp, với sự *tham gia cộng đồng, phối hợp liên ngành, và kỹ thuật học thích hợp*, lấy phòng bệnh làm chính, gắn liền sức khỏe với phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vừa ít tốn kém vừa hiệu quả cao. Những năm tháng đó, mạng lưới y tế cơ sở được tập trung xây dựng và củng cố, phòng bệnh tích cực, đã làm thay đổi tình trạng bệnh tật: không còn sốt bại liệt, không còn dịch tả, dịch hạch, thương hàn, giảm suy dinh dưỡng trẻ con, giảm tỷ lệ phát triển dân số... Ngành y tế thành phố đã có thể tự hào vượt qua những giai đoạn khó khăn gian khổ, đã năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, đóng góp nhiều mô hình cho cả nước.

Hiện nay thì tình hình y tế ở nước ta đã chuyển đổi, nặng về chuyên sâu, nặng về điều trị, về kỹ thuật cao với không ít những bộn bề mới phát sinh. Vấn đề công bằng. Vấn đề y đức. Vấn đề đào tạo. Mọi quan hệ thầy thuốc-bệnh nhân. Trong một xã hội đang chuyển biến...

Rồi những bạn bè năm xưa của tôi đã lần lượt trở về. Nhiều bạn nay đã là những chuyên gia y học tầm cỡ. Cùng góp sức góp lòng, chuyển giao công nghệ, dạy dỗ cho lứa đàn em. Và những nụ cười lại nổi trên môi khi chúng tôi cùng hát với nhau trong những buổi họp mặt đông vui: *“Rừng núi đang tay nối lại biển xa... Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà...”* (TCS). Những mái đầu xanh ngày nào nay đã bạc trắng, lũ chúng tôi đều đã trên dưới bảy mươi rồi. Mới thôi!

Saigon, tháng 4-2009■

Sự tình cờ của buổi sáng

TRẦN BỈ NGÂN

Nắng sớm mai trên những bức tường xí nghiệp may
êm nhạt

Nắng của bao giờ và của bây giờ

Không thắc mắc không hoang mang không hy vọng
không ký ức

Buổi sáng im lặng và bình an

Bên kia thời gian bên kia mọi bến bờ chờ đợi

Mọi sự đã hoàn tất ngay từ thuở ban đầu

Và vẫn hoàn thiện như vậy cho đến ngày chấm dứt

Sự tất định của từng viên đá từng chiếc lá tình cờ trên
mặt đường

Của bước chân cô công nhân áo xanh tránh vũng nước

Của buổi sáng tình cờ cho không vô cớ

Sự tất định là cái chết của thời gian, cái chết của
mong muốn

Cái không có thời gian đóng dấu ấn lên mọi sự thành
tất định

Thế nên tất định chính là tự do và tịch lặng thiêng liêng

Có vui nào bằng

Nhìn và thấy những viên đá nhỏ lơ lơ lộn xộn

Bao ni lông cũ rách còn kẹt lại

Trong vũng nước triều cường hồi hôm

Mọi thứ phải là và vốn là tất định như vậy

Ánh sáng là cái chết của mọi tìm kiếm, mọi mong
muốn khác đi

Ánh sáng làm cho tất cả hiện hữu trở thành tất định

Là địa bất động trong đó mọi sự xảy ra

Mặc cho mực nước biển dâng nhanh gấp đôi dự kiến

Mặc cho kinh tế thế giới suy thoái vì những sai lầm
căn bản

Mặc cho những tin tức xấu trong tờ báo trên đài

“Ôi những mùa những lâu đài

Có một linh hồn nào mà không lằm lổ?”⁽¹⁾

Nhưng ánh sáng khiến cho sự trình diễn của mọi trò chơi
Trở thành không đấy

Đây là bình minh sông Hằng bình minh Hy Lạp bình
minh sông Nile

Bình minh Ngũ Đài Sơn bình minh Yên Tử

Tuyệt không ngủ sáng trời đêm trái tim Tây Tạng

Ánh sáng của như bao giờ và chưa bao giờ

Xin đừng nói với tôi ánh sáng cong của thuyết tương đối

Hay tốc độ tuyệt đối bất biến của hạt photon

Đừng dọa tôi hạt Higgs sẽ giải quyết vấn đề năng
lượng tối

Ánh sáng là sự thiển định vô thủy vô chung

Xin đừng hỏi thêm đừng phản biện đừng tranh cãi

Đừng trách tôi ngây thơ ngu khờ cho thêm nhọc sức

Bởi vì tôi

Là một người vắng mặt

Như buổi sáng hôm nay

Là một tình cờ mở phôi không duyên cớ.

⁽¹⁾ Hai câu thơ của Rimbaud

Cho đi lại từ đầu...

NGUYỄN CẦN

Con đường xây dựng lại tòa tháp con người Việt Nam phải bắt đầu từ cái nền là văn hóa ứng xử, không chỉ trong cuộc sống, trong công việc mà đòi hỏi phải luôn trau dồi tinh tấn mỗi ngày. Con đường ấy chắc chắn nhiều gian nan, đòi hỏi công sức toàn xã hội. Hãy khoan bàn đến những ý niệm cao xa như “con người mới”, “con người hậu hiện đại”... mà chỉ xin bắt đầu từ những điều nhỏ nhất trong đời sống hàng ngày.

Văn hóa cổ vũ và cái đầu chó

Sự cố cổ động viên đội Hà Nội – ACB ném đầu chó xuống sân Hàng Dẫy trong trận HN - ACB gặp Thể Công làm dấy lên những dư luận phê phán gay gắt. Thậm chí ông Chủ tịch Liên đoàn còn tuyên bố: “Từ nay tôi rất ngại đi xem bóng đá Hà Nội...”. Nhưng nếu bình tâm hơn, ông sẽ nhìn ra đó chỉ là giọt nước làm tràn ly mà thôi. Đã bao lâu rồi, mỗi mùa bóng đá người ta lại chứng kiến mắchôm, nước tiểu, pháo sáng thi nhau ném và đốt không chỉ ở Hà Nội mà Hải Phòng, Nghệ An (nơi có một cổ động viên đã chết). Rồi báo chí lên tiếng, rồi hình phạt đưa ra: treo sân, phạt tiền nhưng không sao làm nguội những cái đầu nóng. Ông Nguyễn Văn Vinh, Giám đốc kỹ thuật CLB Hoàng Anh Gia Lai khi được hỏi về chuyện trên đã nói: “Đó là một hình ảnh thiếu văn hóa nhưng tôi xin hỏi: Một ông già đầu bạc như tôi đi ngoài đường, lỡ va chạm với một chàng trai trẻ bằng tuổi con cháu mình, lập tức anh ta mắng tôi là “thằng già” thế này thế nọ. Chuyện ấy có nhiều ngoài xã hội không? Có quá nhiều đi chứ. Vì vậy, với cách nhìn “bóng đá là tấm gương phản ánh xã hội”, nhiều người đã cảm thấy lo lắng khi nhìn sự xuống cấp của văn hóa trên khán đài. Và điều này đã được các nhà nghiên cứu văn hóa lên tiếng báo động từ nhiều năm nay”. (Báo Tuổi Trẻ, 11/4/2009). Mà nào có phải chỉ trên khán đài, dưới sân cỏ cũng diễn ra đầy bạo lực. Sự cố “Quả bóng vàng” Dương Hồng Sơn tham gia ầu đá đồng đội hay một loạt các tuyến thủ khác có những biểu hiện sa sút đạo đức trong sinh hoạt và quan hệ xã hội đã được các phương tiện truyền thông bình luận rất nhiều thời gian qua. Nhưng cũng đã rõ, mọi người trong đó có ông Vinh đều nhận thấy rằng không chỉ trong bóng đá, ở phạm vi rộng lớn hơn là ngoài xã hội, tình trạng xuống cấp văn hóa đang diễn ra trầm trọng.

Đèn đỏ cho văn hóa ứng xử

Có một nhà ngoại giao nước ngoài khi mãn nhiệm về nước đã nói đùa rằng: “Tôi ở Việt Nam từ khi Hà Nội chưa có đèn xanh đèn đỏ, đến bây giờ ngã ba ngã tư nào cũng có nhưng có nhiều người ở đây vẫn cứ ngỡ rằng chưa có”. Muốn biết nhận xét ấy đúng hay sai, chúng ta thử ra một ngã tư nào đấy không có công an thì chắc thế nào cũng gặp những người ‘chạy cho kịp giờ’, mù màu, không cần biết đèn xanh đèn đỏ. Rồi nếu chúng ta có dịp đến bến xe, cây xăng hay thậm chí phi trường, sẽ rất có thể gặp những người chen ngang, không muốn xếp hàng. Thậm chí Lễ hội Hoa Anh Đào vừa diễn ra còn phải huy động hàng

trăm nhân viên, cảnh sát bảo vệ, vì sợ xảy ra tệ nạn ngắt hoa bẻ cành như ở Hội Hoa Xuân năm ngoái. Buồn thay, không chỉ thiếu sót trong phong cách ứng xử, mà trong ngôn từ sử dụng hàng ngày hiện nay, chúng ta thấy dần dà thừa văng những câu nói “xin lỗi”, “cảm ơn”. Trong một bài viết trên báo Văn Hóa Thể Thao đã lâu, có nhà nghiên cứu khi viết về nếp sống người Hà Nội hôm nay đã nhận định: “Đã có thời người ta quan niệm việc xin lỗi hay cảm ơn là tàn dư của văn hóa phong kiến và cùng với làn sóng nhập cư dân ngoại tỉnh, người ta xem việc ăn nói bỗ bã, thậm chí ở trần văng tục là biểu hiện của “văn hóa dân gian”. Đến bất kỳ nơi nào trên đất nước, câu lạc bộ, nhà văn hóa, ngay cả trường học, hình ảnh tự nhiên đến vô tư của những người đi sinh hoạt khi gửi xe, vào phòng tập hay rạp hát, có va vấp giẫm lên chân nhau hay đi sau về trước, người ta cũng “tĩnh như ruồi” khi đi ngang mặt người khác, không hề biết “xin lỗi”. Còn phải kể đến tình trạng “văng tục” tràn lan, cả nam lẫn nữ. Theo bà Lê Thúy Tươi, trong bài *Ở giới văn hóa tục* đăng trên báo Pháp Luật TP.HCM thì: “Hình như bây giờ, nền văn hóa chửi tục đang xâm nhập vào các tầng lớp người, nhiều nhất là thanh thiếu niên, không riêng chỉ ở Hà thành mà tràn lan khắp nước. Và từ lúc nào, câu chào hỏi, xã giao đầu mỗi chót lười bằng tiếng ‘chửi thề’ trở thành một thói quen, đôi khi họ không còn biết ngượng mồm khi mình phát ngôn khiếm nhã”. Thế nên khi va quệt xe, thay vì xin lỗi, người ta lao vào nhau bầm bỗ, văng ra những lời thô tục và sẵn sàng ăn tươi nuốt sống người đối diện.

Đôi lời giải thích về hooligan

Trong bóng đá, người ta giải thích hiện tượng hooligan là do nhiều nguyên nhân, không riêng gì Việt Nam, trong đó ba nguyên nhân chính được nhận diện là:

a/ Bất công xã hội: “Khi xã hội rơi vào tình trạng bất bình đẳng trầm trọng giữa các nhóm người hoặc các địa phương thì bạo lực được xem như một phương tiện... biến thất bại trong thực tế thành chiến thắng mang tính biểu tượng trước các nhóm, địa phương có ưu thế hơn” (Lê Minh Tiến - *Hooligan là ai?* Báo Tuổi Trẻ 15/4/2009).

b/ Sự phi chuẩn của xã hội (anomie sociale): “Khi một xã hội rơi vào tình trạng ‘rối loạn chuẩn mực’ thì các cá nhân, các nhóm thường hành xử một cách bạo lực với nhau khi có những bất đồng bởi đó là một trong những cách hữu hiệu nhất để bảo vệ hoặc giành phần thắng cho mình” (LMT –bđd).

c/ Tâm lý đám đông: Theo Gustave Le Bon, trong đám đông, cá nhân con người rất dễ bị cuốn hút vào cảm xúc của đám đông, bởi đám đông có năng lực liên kết mọi thành viên lại với nhau. Vì vậy khi có một yếu tố châm ngòi thì bạo lực tập thể rất dễ diễn ra. Thế nên cái mà Le Bon gọi là linh hồn đám đông khiến cho tin đồn, dù không xuất phát từ cái có thật nhưng lại dẫn đến cái có thật.

Theo Le Bon, tâm lý cá nhân có đặc trưng là có tính lý trí, có tính phê phán, có tính mục đích, trong khi tâm lý đám đông lại đặc trưng bằng ký ức, ám thị và trong đám đông, trình độ trí tuệ bị hạ thấp đi, nhân cách ít khác biệt đi, nói cách khác, cá nhân mang nặng dấu ấn của cái ý thức trong khi đám đông mang nặng tính vô thức. Chính vì lẽ đó mà đám đông luôn luôn bị cuốn hút theo những thủ lĩnh, mà thủ lĩnh chẳng qua cũng chỉ là người nhiệt tình cuồng loạn hơn cả trong đám đông mà thôi. Cái đám đông vô thức đó không phải là hiện tượng tốt. "Những người cầm đầu hiện nay càng có khuynh hướng thay thế quyền lực công thì quyền lực công càng bị chất vấn và suy yếu đi. Sự bạo ngược của những ông chủ mới này làm đám đông ngoan ngoãn vâng lời họ hơn cả khi họ đã từng vâng lời chính quyền" (Tâm lý học đám đông, tr.177).

Đi tìm chuẩn mực văn hóa

Cách đây mấy năm, trong một hội nghị triển khai công tác văn hóa thông tin, người ta đã báo động về sự hạ cấp, tầm thường trong đời sống văn hóa, cũng như những rối ren lệch lạc trong các chuẩn mực văn hóa, cụ thể là những trang web, những phụ bản báo chí kích động sự thác loạn qua những hình ảnh bạo lực và khiêu dâm.

Nói như Henri Poincaré thì "Văn hóa là cái gì còn lại khi người ta quên đi tất cả". Nói một cách thuần lý, văn hóa là tổng hòa chứ không phải tổng số các thành tố tạo nên nó. Không chỉ dựa trên bằng cấp, chức vụ, địa vị, giai cấp xuất thân để khẳng định "chất văn hóa" của một cá nhân nào mà người ta chỉ nhìn thấy, tìm gặp con người ấy trong và thông qua các mối quan hệ xã hội, các hành vi ứng xử trong những tình huống diễn ra trong đời sống hàng ngày. Liệu chúng ta có thể xem những vị tiến sĩ, giáo sư, quan chức sống ích kỷ, nhỏ nhen với họ hàng, bè bạn, đồng nghiệp, nhân viên... là những người có "văn hóa cao".

Bắt đầu xây dựng từ đâu?

Có nhà giáo dục đã khẳng định rằng phải dạy trẻ con văn hóa ứng xử ngay khi chúng vào nhà trẻ vì như các cụ xưa từng bảo: "Dạy con từ thuở còn thơ". Đi vào bất cứ ngôi trường nào, ta đều nhận ra khẩu hiệu: "Tiên học lễ, hậu học văn". Đây là một chân lý vì trở lại câu chuyện bóng đá, theo một chuyên gia nhận định "Hãy bình tĩnh nhìn lại, đa số cầu thủ Việt Nam đều xuất thân từ gia đình nghèo, điều kiện giáo dục không tốt. Ngay từ nhỏ các em được đưa vào trung tâm đào tạo, ở đấy chẳng ai quan tâm giáo dục các em ngoài việc dạy kỹ năng đá bóng. Thế rồi cái cậu bé không được hưởng những điều kiện giáo dục ấy bỗng dưng trở thành "người hùng" của công chúng. Anh ta làm sao biết được mình phải đi đứng, ăn nói, cư xử, sinh hoạt, sao cho đúng là người của công chúng". Vì vậy cái gốc của "cầu thủ Việt Nam xấu xí" là do việc người lớn đã thiếu quan tâm đến vấn đề này. Bà Mea Mua, Giám đốc Công ty Strata, gắn bó nhiều năm với bóng đá Việt Nam nhận định: "Lâu nay khi nhắc đến giáo dục, chúng ta thường nghĩ ngay đến việc học văn hóa ở trường lớp. Điều đó chỉ đúng một phần bởi việc hình thành nhân cách còn do giáo dục ở môi trường gia đình... Theo tôi đó mới là cốt lõi vấn đề bởi không ít người có học vấn cao nhưng không thể xem là người có văn hóa". Vậy là đã rõ, bản thân gia đình và môi trường sống cũng phải chịu trách nhiệm trong việc hình thành nhân cách. Đối với các trẻ em khác thì sao? Thực tế giáo dục cho thấy các em đã phải dành hầu hết thời gian cho việc nhồi nhét những chương trình học nặng nề Toán, Lý, Hóa thậm chí cả môn Văn hay Công dân cũng chỉ toàn "tử" và "ngữ", giáo dục tinh thần hay đạo đức không được quan tâm đầu tư đúng mức, thiếu sức sống, khô cứng và xa thực tế. Kết quả là chúng ta đã xây dựng một nền giáo dục tràn ngập chữ nghĩa và sự căng thẳng (cho cả phụ huynh và thầy cô giáo), sản sinh một (hay nhiều?) thế hệ thụ động, tư duy "đồng phục", giáo điều, thiếu sáng tạo,



thô lậu trong ứng xử, cạn kiệt trong giao tiếp, nghèo nàn ngôn ngữ, chưa kể suy nhược thể chất(!). Một số trẻ em vì nghèo, vì gia đình tan vỡ, vì... phải bỏ học, gia nhập hàng ngũ bụi đời, nghiện ngập, phạm pháp. Có nhà nghiên cứu đã nhận xét:

"Giáo trình môn đạo đức học trong nhà trường rất thiếu những bài giảng sinh động mang tính thực tiễn để cập thẳng thắn tới những thói hư tật xấu hay gặp nhất của người Việt trong bối cảnh của hội nhập quốc tế. Chẳng có tiết giảng nào răn dạy các em không nên ngoáy mũi hay nói to nơi công cộng... Và đáng thất vọng hơn là xã hội chưa có chế tài xử phạt những hành vi thiếu văn hóa trên quy mô cả nước".

Thạc sĩ Nguyễn Thị Oanh thì cho rằng *"Cách ăn mặc hở hang dù trời nắng gắt hay lạnh giá, những ngôn ngữ lạ kỳ và lối sống đua đòi... Đó là sự ngoại lai, tây hóa không chọn lọc"*. Theo bà, nguyên nhân chính là từ nền giáo dục gia đình và nhà trường yếu kém hiện nay không trang bị cho các em đủ bản lĩnh để thích nghi và phát triển theo hướng tích cực trong xã hội đang thay đổi nhanh chóng hiện nay. Ngoài ra còn phải đề cập đến môi trường sống và cộng đồng những công dân trưởng thành từ anh chị em, cha mẹ cho đến thầy cô và cả những nhân viên công quyền. Thay đổi cả một nền văn hóa ứng xử và nhận thức về nó là một quá trình đòi hỏi nhiều nỗ lực và sự đồng thuận của toàn xã hội cũng như sự gương mẫu của "người lớn". Ví dụ như muốn người dân chấp hành luật lệ giao thông thì phải chấm dứt tệ nạn "lạm luật". Một khi hành vi đua và nhận hối lộ trở thành bình thường thì sẽ không bao giờ có chỗ cho sự tự giác trong mọi lĩnh vực. Mảnh đất màu mỡ cho những kẻ lợi dụng kẽ hở luật pháp vận dụng chính là ở lương tâm méo mó của những người thi hành công vụ. Thói hư, tật xấu trong xã hội sẽ bùng phát như nấm đại khi thiếu sự gương mẫu từ các quan chức. Chỉ lấy riêng một lĩnh vực giao thông thôi, chúng ta thấy bao nhiêu là bất cập từ đường hẹp, lộ cốt nhiều, nhưng nguyên nhân chính là "không ai nhường ai", ai cũng xô tới trước để rồi cùng... kẹt. Theo bà Nguyễn Thị Oanh thì đó là do tâm lý "cái lợi giành lấy cho mình, cái hại đẩy cho người khác" để rồi "Từ việc sợ trách nhiệm cá nhân đã đẩy lên thành một chủ nghĩa cá nhân cực đoan trong lòng người Việt. Sự bất lực của các tổ chức quản lý giao thông chứng tỏ sự bế tắc và thiếu tầm trước một xã hội đang hiện đại hóa và thay đổi từng ngày. Và cũng chính những bon chen, bực bội ấy ngoài đời mà người Việt đem về nhà để trút giận lên người thân, gây tổn thương cho nhau, bạo lực gia đình gia tăng...".

GS. Nguyễn Tài Thư nhận định: *"Trong điều kiện hiện nay, khi những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội đang là một vấn đề nhức nhối trên bình diện đạo đức, thì hiệu quả giáo dục của việc nêu gương thật là có ý nghĩa"*. Nhất là những tấm gương biết giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích cá nhân và xã hội trên tinh thần ưu tiên lợi ích xã hội. Hãy thử nghĩ xem nếu người lớn không vứt rác ra đường, không ném bao ny-lông bữa bãi thì trẻ em cũng sẽ noi theo gương ấy. Một vài nhà nghiên cứu khác như GS. Trần

Ngọc Thêm cho rằng mô hình văn hóa Việt Nam đang có cuộc chuyển đổi, tuy nhiên kết quả cuộc chuyển đổi ấy xấu hay tốt còn tùy thuộc vào ngành giáo dục, văn hóa và cả bộ máy hành chính cũng như từng gia đình. Hay như có người đề nghị đài truyền hình, truyền thanh thực hiện chương trình ý thức công dân và phát sóng hàng ngày từ 5 đến 10 phút. Theo ý chúng tôi như đã đề cập ở trên, vấn đề là giáo dục.

Chữ Tâm kia mới...

Trên kia chúng ta đã bàn đến sự cấp thiết phải đưa nội dung "dạy người" trước khi dạy chữ, dạy nghề. Suy cho cùng, chúng ta phải trở lại với cái rốt ráo sau cùng phải thay đổi: chữ Tâm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có lần đã viết: *"Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất đi, đó là thái độ của người cách mạng"*. (Tuyển tập, trang 491). Đức Đạt-lai Lạt-ma thì thuyết giảng: *"... đâu là lần ranh phân chia giữa tánh thiện và tánh ác? Không có sự ngăn cách tuyệt đối mà chỉ có tương đối. Các đức tính như lòng từ bi, tình thương và trí tuệ tạo nên sự hạnh phúc lâu dài cho con người là thiện tánh. Lý do vì chúng ta nhận thức rằng hạnh phúc là điều an lạc mà mọi người đều ước mong thành đạt. Thực hành các tánh lành ấy sẽ giúp cải đổi chúng ta trở thành con người có hạnh phúc và an lạc hơn. Do đó mà chúng ta gọi chúng là những thiện tánh"*. Thế nên theo giáo lý nhà Phật, con người ta làm việc ác là do vô minh. Nếu chúng ta biết quán chiếu, tu tập, chúng ta sẽ loại trừ dần được vô minh. Khi một vị Bà-la-môn hỏi Đức Phật "Cái gì mình giết, thì mình được an vui?", Phật đã trả lời: "Giết cái giận thì mình được an lạc, Giết cái giận thì mình hết sầu đau".

Từ đó chúng ta có thể tác ý tới những đối tượng có thể đem lại an lành sáng suốt và thương yêu cho chúng ta. Nhà Phật gọi là *nhu lý tác ý*. Nếu chúng ta quán chiếu mọi người xung quanh như người thân của mình, nếu cố phải nhường nhịn nhau, ta vẫn cảm thấy vui vì không cần phải tranh giành tị nạnh. Tâm ta sẽ luôn an lành và thanh thoi. Ta hiểu rằng hạnh phúc hay đau khổ xuất phát từ tâm mình, tùy thuộc hành động thiện ác, tốt xấu của chính mình. Và tâm con người bản chất là thanh tịnh nhưng đòi hỏi rèn luyện, tu tập để có đủ bi và trí, hay hiểu biết và thương yêu.

Con đường xây dựng lại tòa tháp con người Việt Nam phải bắt đầu từ cái nền là văn hóa ứng xử, không chỉ trong cuộc sống, trong công việc mà đòi hỏi phải luôn trau dồi tinh tấn mỗi ngày. Con đường ấy chắc chắn nhiều gian nan, đòi hỏi công sức toàn xã hội. Hãy khoan bàn đến những ý niệm cao xa như "con người mới", "con người hậu hiện đại"... mà chỉ xin như hát một lời trong một bài hát của nhạc sĩ Phạm Duy:

Cho đi lại từ đầu

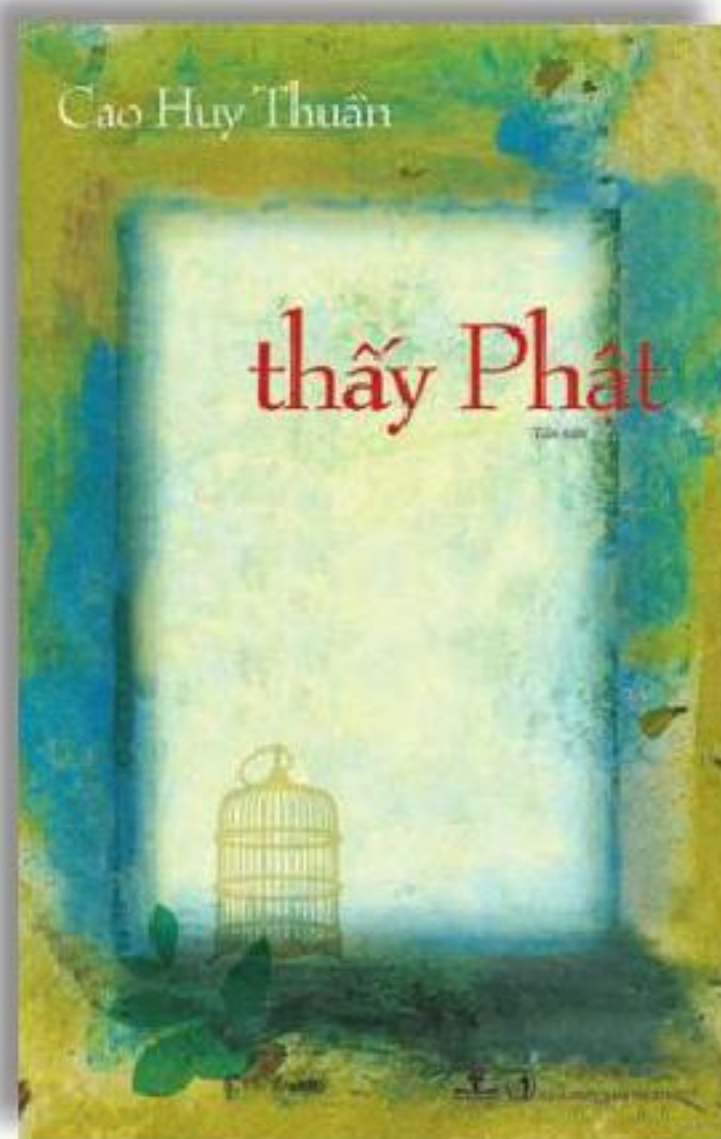
Chưa đi vội về sau

Hãy bắt đầu trước khi quá muộn! ■

Giới thiệu sách mới: *"Thấy Phật"* của Cao Huy Thuần*

Nhật Diện Phật, Nguyệt Diện Phật

BUI VĂN NAM SƠN



(*) **Thấy Phật**
Nxb Tri Thức, 2009

Phật mặt trời; Phật mặt trăng / Ngày ngày gặp Phật; Tháng tháng gặp Phật! “Thông điệp tâm linh” ấy về sự hòa hợp giữa *trần cảnh* và *đạo tâm* đến từ cùng một tác giả của “*Thế giới quanh ta*” mới đây (Nxb Đà Nẵng, 2006), một tập sách gồm những bài viết về “thế sự” của một vị giáo sư chính trị học lão luyện và sắc sảo từ Paris. Dưới ngòi bút tài hoa đặc sắc của tác giả, “khoa học chính trị” vốn cực kỳ phức tạp đã trở nên mềm mại và đầy tính nhân bản của một tác phẩm văn chương chính trị là nhờ tầm nhìn và tấm lòng của một người trí thức mà định nghĩa về nó đã trở nên nổi tiếng: “trí thức là người làm những việc chẳng ăn nhập gì đến họ” (*s’occupe de ce qui ne le regarde pas*, J.P. Sartre). “Tại sao họ xớ rớ vào những chuyện không liên quan gì đến họ như vậy? Ấy là tại vì họ xớ rớ vào chính chuyện của họ. Chuyện không phải của họ mà họ thấy là của họ. Cái thấy đó làm họ trở thành trí thức”.

Nhà văn Nguyễn Ngọc, trong Lời giới thiệu cho tập sách, đã gọi người trí thức – theo định nghĩa ấy và như chính tác giả của nó – là “*người xớ rớ uyên thâm*”. Vâng, uyên thâm và còn sáng suốt, đáng yêu nữa! Tôi chợt nhớ đến Kant – cũng là một nhà trí thức bàn về chính trị – khi ông nói: chính trị học, đạo đức học rút cục không nhằm tạo ra những nhà đạo đức đi làm chính trị (xã hội sẽ ghét thờ trong khuôn thước và thiện chí chủ quan của họ!) mà lo vun bồi những nhà chính trị có đạo đức. Vì họ biết chỗ cần dừng lại (“trí kỳ sở chỉ” nói như cụ Khổng) và vì họ biết nhìn và biết thấu cảm những gì rộng hơn, bền hơn những lợi ích trước mắt.

Lần này, quả là có “túc duyên văn tự” khi tôi được may mắn có mặt khi quyển sách chuẩn bị ra mắt. Vào một buổi sáng Sài Gòn mát mẻ, chung quanh cốc cà phê, Anh trao

đối với một số thân hữu về ý định tập hợp thêm một số bài viết rải rác trong nhiều thời điểm liên quan đến nhiều cảm thức của Anh về đạo Phật và đời sống tâm linh của người Phật tử thành một tập sách để bổ sung thêm vào danh mục một số quyển cùng loại đã in: “*Thượng Đế, Thiên Nhiên, Người, Tôi và Ta*” (*Triết lý luật và tư tưởng Phật giáo*), Nxb TP.HCM, 2000; “*Tôn giáo và xã hội hiện đại*” (Nxb Thuận Hóa/Phương Nam, 2006); “*Nắng và Hoa*” (tái bản, Nxb Văn Hóa Sài Gòn 2006). Xin mở ngoặc để cho phép tôi được gọi tác giả Cao Huy Thuần bằng “Anh” với tất cả tình thân thiết, không chỉ vì tuổi tác (Anh từng là bạn học của anh ruột tôi tại trường Khải Định, Huế) mà nhất là về độ chín, độ sâu trong suy tư và trải nghiệm. Ngược lại, Anh không xem tôi như một đứa em nhỏ mà như một người bạn vong niên. Một vinh hạnh, nhưng lại buộc mình phải cố đi tới, phải cố ngược lên!

Trước hết về nhan đề tập sách. Anh đã dự tính cho nó một cái tên: “*Nhìn Trăng*”. Nhan đề hay, thơ mộng, gợi tưởng, nhưng các nhà làm sách e... khó bán, vì người đọc thường thích “mua” một cái gì “cụ thể”! Thì chọn “*Thấy Phật*” vậy, vì đó cũng là nhan đề của một bài trong tập. Anh hoan hỷ chấp nhận đề nghị, dù ai nấy đều thừa biết anh trân trọng chữ nghĩa đến mức nào: “*học một chữ trong sách thì thấu rõ một chữ, nhìn chữ ấy trong sự vật trước mắt để thấu rõ thêm, và áp dụng chữ ấy vào đời, sống với nó*”. (*Tặng người quét chùa trên núi Túy Vân*).

Chữ còn để ta “sống với” chứ đâu phải chỉ để “đọc”! Như thế, “*Nhìn Trăng*” hay “*Thấy Phật*” đâu có gì khác nhau? Một hình ảnh quen thuộc nhưng tuyệt đẹp trong kinh chợt hiện trong đầu tôi lúc ấy: “*Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh*”. Thật lạ lùng, hoa nở, hoa tàn là vô thường, sao lại “ngộ” được trong ấy lẽ vô sinh và còn tận mắt thấy được Phật nữa?

Sau khi yên tâm trao đứa con tinh thần vào tay một người có thừa lòng yêu sách và quý chữ là nhà văn Phan Thị Vàng Anh, Anh quay lại tôi, bảo: “Nhờ Sơn viết mấy lời giới thiệu cho tập sách!”. Trời ơi, sao tôi dám nhận? Sao tôi có thể viết? Tôi biết gì về Phật học đâu? Anh cười: “Thì không phải là Phật tử mới nhờ viết!”. Anh dành cho tôi sự ưu ái vì lòng Anh quảng đại, nhưng vô tình (hay hữu ý!) đang bày ra cho tôi một “công án”: chú em đắm chìm trong triết học Tây phương đã lâu, thử một lần “đảo nhàn” xem sao?

Hai tuần trôi qua, tôi mang “công án” trong đầu. Nặng nề, bế tắc. Nhận được bản thảo từ Huế gửi vào, tôi vội vàng cầm cúi đọc. Con người đọc giả quán tính trong tôi trỗi dậy: thử xem lần này tác giả định “xó rớ” vào chuyện gì? Đặt ra những những vấn đề nào? Và v.v. Tới khi đọc mấy câu Anh viết về niềm vui hồn nhiên của hai mẹ con “nô nức” thấy hội chùa Hương, bày nhau niệm “Quan Thế âm Bồ-tát” để “tha hồ đi mau” trong thơ Nguyễn Nhược Pháp mới thấy là mình dại: “Tôi, tạm gọi là trí thức, quen làm việc với cái đầu, tôi phải dùng cái đầu để nghĩ đến Ngài, tôi không gọi Ngài trực chỉ từ tâm mà kinh qua cái đầu, nếu Ngài đến với tôi chậm, chính là tại tôi.

Có thể tôi giảng vanh vách về Ngài, vì tôi là trí thức. Có thể tôi có cái giật mình triết lý khi đọc hai chữ “Quán Âm”. Quán là nhìn; âm là tiếng: có ai **nhìn** cái **tiếng** bao giờ đâu?” (Chùa Hương).

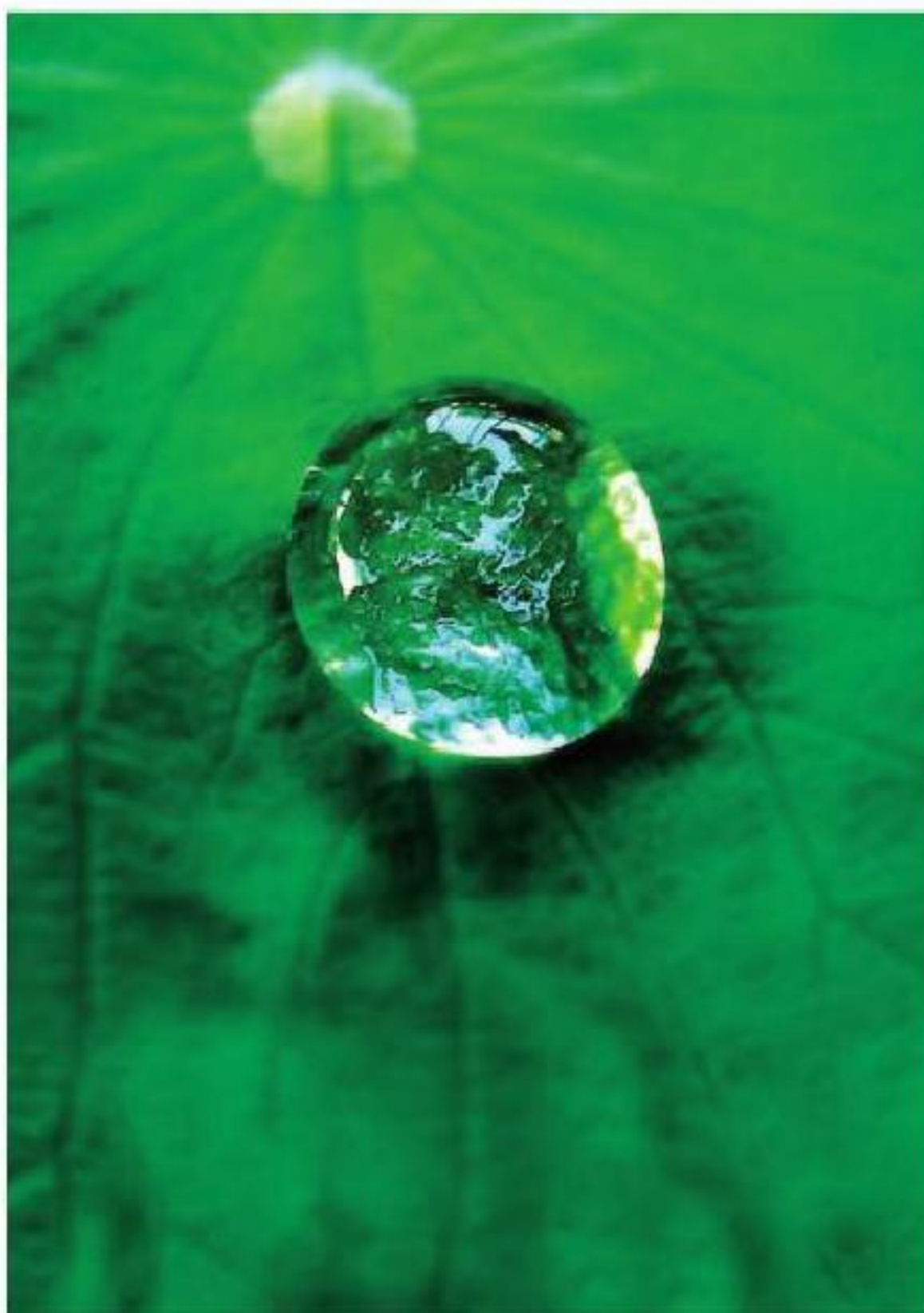
Tôi thờ phào nhẹ nhõm! Té ra một người uyên thâm về Phật pháp như Anh cũng chia sẻ đồng đẳng với mình về “thân phận” trí thức phải “dùng cái đầu để suy nghĩ”, dù đôi lúc cũng trải qua những “cái giật mình triết lý”, nhưng rồi “cái đầu cứ loay hoay bận bịu nghĩ về thiêng liêng, thiêng liêng với tôi là hai, làm sao gặp nhau được?”. Đọc sách Phật học, gặp những chỗ khó hiểu, ta thường được cảnh báo và căn dặn: “Học cho lắm, đọc sách đắm say, có khi thành ra tối. Phật sờ sờ trước mắt cũng không thấy. Tâm bình dị, dạ chân chất, nhìn đâu cũng thấy Phật” (*Tặng người quét chùa trên núi Túy Vân*). Anh kể chuyện ông vua rơi mất viên ngọc quý xuống đáy hồ; người có biệt danh “Thần nhãn” không tìm được; nhưng người “Thất nhãn” lại tìm được ngay. Ấy là bài thứ 9 của *Tứ thập nhị chương kinh*. “Thất nhãn” lại hơn “Thần nhãn”, đó là điều không dễ hiểu. Ý kinh muốn nói gì? Anh giảng cho ta: “Tôi không có ý nhắc người quét chùa trên đỉnh Túy Vân đừng đọc sách... Chúng ta hàng ngày xin nguyện thấu rõ kinh tạng. Kinh nằm ngay trong sách chữ đâu, nhưng kinh cũng nằm trong lòng và trong cuộc đời, ngay trước mắt”. “Kinh nằm trong sách” vì, như Anh khẳng định, “không có ngôn ngữ thì không có tư tưởng” (*Trên ghế nhà trường*); muốn hiểu nó, phải tập trung cao độ, có khi đến vỡ đầu, phải bền bỉ, nếu không sẽ “loạn xạ ngẫu, tư tưởng không tìm ra được manh mối, tối om như nhà không đèn”; việc ấy được gọi là *Định*. Nhưng, *Định* không có nghĩa là cố thủ trong tư tưởng, nhất là trong ý định, như Matisse vẽ cây: “đẩy áp tình, đẩy áp cảnh, đầu ông còn đẩy áp cái ý định vẽ. Chưa vẽ mà đầu đã bị đóng khung trong ý định, làm sao bức tranh

vọt ra? Phải mở cửa cho nó! Phải làm trống cái đầu. Cho nên Matisse chỉ vẽ được cây khi không có ý định gì trước”. (Vẽ cây, vẽ chim). Nghĩa là, đến một phút giây nào đó, phải biết “để cái thân ngoài cửa, như các người Hồi giáo cất bỏ giày dép khi vào giáo đường”. Để “trở về lại với cái đầu trống trơn, cái đầu của đứa bé, cái **sơ tâm**, cái đầu chưa hề bị ảnh hưởng về bất cứ cái gì khác. Viết một câu văn cũng vậy, một câu thôi, không người cầm bút nào nảy ra được một ý hay, một từ mới, nếu không vứt bỏ đi hết những gì đã đọc, đã học” (nt).

Thật thế, “hãy nhìn quả táo trong bức tranh của Cézanne: một chút ánh sáng trên vỏ trái cây cũng mang cả một linh hồn. Ngắm những quả táo trong tranh, tưởng chừng như mình mới thấy quả táo lần đầu!... Cảnh đó vừa thực, vừa “thực hơn cả thực”. Thực, như quả táo hàng ngày. Nhưng thực hơn cả thực, vì quả táo bỗng có linh hồn”. “Bởi vậy, thơ hay thường đặt “*tuệ*” vào câu cuối, dồn tất cả sức sống vào câu cuối, tưởng như người đọc được bài thơ dẫn tường tượng và cảm giác phiêu du tận cùng non nước, và khi đi đến chỗ không đi được nữa thì cánh cửa bật ra, cả một rừng hoa mai hiện ra trước mắt”. “Tận cùng của “*định*” là “*tuệ*”. Giống như hoa mai nở bùng. Giống như câu cuối của một bài thơ hay”. (*Trên ghế nhà trường*). Câu văn tuyệt diệu, nhưng có lẽ ta không nên để mình cuốn theo nhịp điệu mê hồn của... vô vàn những câu như thế trong quyển sách, mà không lưu ý đầy đủ đến một dòng trong câu trích dẫn trên kia: “trở về lại với cái đầu trống trơn, cái đầu của đứa bé, cái **sơ tâm**”... “Trở về lại” chứ đâu phải bắt đầu và kết thúc bằng “cái đầu trống trơn”? Tôi không thể ngăn mình nhớ đến một câu hầu như tương tự trong *Kinh Thánh* với lời bình của cụ Hegel, một “cái đầu” thuộc loại thượng thặng trong lịch sử triết học: “Sự hồn nhiên vô tội trẻ thơ đúng là cái gì hấp dẫn và xúc động, nhưng chỉ trong chừng mực nó gợi lại cho ta nhớ đến những gì đã phải được tạo ra bởi Tinh thần. Sự hợp nhất ấy, mà ta có thể nhìn thấy trong trẻ thơ như là sự hợp nhất tự nhiên, phải là kết quả của lao động và của sự đào luyện của Tinh thần. Đức Kitô bảo: ... “trừ khi các ngươi hãy trở thành như trẻ nhỏ” ... v.v... [*Kinh Thánh*, Mathiơ 18:3]; chứ Ngài không hề bảo rằng ta hãy cứ phải mãi mãi là trẻ nhỏ” (Bách khoa thư I, Nxb Tri Thức, 2008, tr. 123).

Vâng, “vấn đề” là ở chỗ đó! Tôi thường nghe câu chuyện Thiền giữa một thiền sư và một triết gia. Thiền sư rót trà mời triết gia, cứ rót mãi khiến trà tràn cả ra ngoài. Khi triết gia giật mình thì thiền sư bảo: ông cũng giống như tách trà ấy, đầy quá không rót vào được nữa! Lời giáo huấn thật thâm thúy, và, nếu tôi là vị triết gia kia, ắt sẽ đứng dậy đánh lễ và thú nhận: quả là tôi “bị kết án” phải mang theo mình toàn bộ gánh nặng của “lao động khái niệm và sự đào luyện Tinh thần”. “Vứt bỏ hết những gì đã đọc, đã học” là một cách nói, bởi “tuyệt thánh khí trí” là điều bất khả thi, có chăng, chỉ xin được chỉ giáo để *chuyển hóa* chúng! Trong vô vàn tình ý lắng đọng trong quyển sách, tôi chỉ xin phép nhặt ra một ý, vừa sức và vừa ý với riêng mình: *sự chuyển hóa*. Chuyển hóa để gánh nặng của bao gao

Xin bạn đừng mắc sai lầm của tôi khi đến với Thấy Phật bằng tư thế chuẩn bị đương đầu với một cái gì hóc búa. Tôi đọc được đâu đó rằng nếu ta nhìn con đường suy tưởng (hay con đường tu hành) như một bãi chiến trường thì chúng ta quả thực quá yếu đuối, bạc nhược, thấp hèn, bởi sự tiến bộ (hay tinh tấn) phải lệ thuộc vào mức độ đất đai chinh phục của mình và của người khác, đâu còn gì là sự giải phóng, sự tự do (hay sự giải thoát, Niết-bàn). Cũng xin đề nghị bạn đừng “dại” như tôi khi đọc quyển sách một cách vội vàng, ham hố như nuốt trọn một món ăn ngon, “ngưu ẩm” một cốc cam lồ. Uống lắm! Hãy xem nó như một chuỗi hạt, bắt đầu từ đâu cũng được, với tất cả sự an tĩnh và ung dung. Thêm cả sự vui vẻ nữa, vì tác giả cũng là một bậc thầy của sự hài hước, một U mặc đại nhân theo nghĩa thâm thúy của Ngài Chogyam Trungpa: “cảm thức về hài hước là sự nhìn thấy hai đối cực của một hoàn cảnh đúng y như thế, từ một cái nhìn bay lượn ở trên cao”. Nhìn từ đôi cánh chim ưng, nhưng không phải để vỗ chụp, ắt sẽ thấy mọi việc nơi trần gian này đều đáng cười, đáng thương và đáng yêu biết mấy.



trên vai trở thành máu thịt êm đềm nuôi dưỡng xác thân. Chuyển hóa để “sống trong xã hội, nhưng không dính tục lụy của xã hội. Từ bỏ hệ lụy, nhưng không từ bỏ xã hội. Như hoa sen sống trong bùn, nhờ bùn, nhưng không vướng bùn, chỉ thơm” (A la hán). Chuyển hóa không hẳn là thăng hoa, “vì thăng hoa cũng vẫn còn là mình, vẫn là mình đó thôi”. Khó hơn là quên mình. “Nhưng bước đầu của việc quên mình không khó, ai mới yêu nhau đều biết, đều làm: vui với, buồn với, khổ với. Biết sống với chữ với, tức là đi bước đầu trong việc quên mình. Thói thường, vui với không khó, vì tiếng cười vốn dễ chia sẻ; khổ với mới khó, vì mấy ai chung được với nhau một giọt nước mắt, nhất là một giọt nước mắt thấm... Ai biết khổ với người khác, thì biết yêu nhau là thế nào, khỏi cần chữ nghĩa, triết lý” (Đám cưới).

“Sống với”, “khổ với”... cũng là niềm thao thức khôn nguôi của... bao thế hệ triết gia hiện sinh bên trời Tây xa lắc! Và cả trên bình diện nhận thức nữa với đầy rẫy những “chữ nghĩa, triết lý”, chẳng hạn nơi Heidegger, Gadamer với tư duy thông diễn học hiện đại. Các tôn giáo đều khuyên ta dẹp bỏ và ngăn ngừa “tà kiến”. Hơn ở đâu hết, thế kỷ Ánh sáng (còn gọi là phong trào Khai minh) Tây phương

phê phán “định kiến”, vì nó là trở lực cho tư duy khoa học khách quan, lên án “quyền uy” vì nó là kẻ thù của lý tính tự do. Nhưng, Gadamer kêu gọi ta hãy thận trọng, vì không khéo, bản thân quan niệm ấy cũng trở thành một “định kiến không kém quyền uy”! Ông đề nghị cần phân biệt giữa “định kiến đúng nhờ đó chúng ta hiểu, với định kiến sai, khiến ta hiểu nhầm, ngộ kiến, ngộ giải. Việc phân biệt ấy vẫn phải dựa vào “nhận thức lý tính”, cho dù “nhiệm vụ này không bao giờ có thể hoàn thành trọn vẹn”. Nhưng lý tính nói ở đây không phải là một “quan tòa” đứng bóng bệh đâu đấy bên trên “thế giới cuộc sống” mà là một lý tính có chân đứng vững chắc trong những bối cảnh lịch sử và xã hội nhất định. Và một lý tính như thế bao giờ cũng là một lý tính hữu hạn. Phong trào Khai minh có lý khi chống lại “định kiến và quyền uy”, vì “bao lâu quyền uy thế chỗ cho phán đoán của chính ta, nó là nguồn gốc của những định kiến”. Nhưng, không nên vội đưa cả nắm, vì quyền uy vẫn có thể là một “nguồn suối của sự thật”. Bởi, theo ông, “một quyền uy đúng nghĩa không có gì chung với việc đòi phải vâng lời mù quáng; nó không sống bằng sự vâng lời mà bằng nhận thức. (Chân lý và Phương pháp, tr. 284). Một quyền uy dựa trên sự nhận thức thay vì sự



vàng lời là quyền uy *hướng đến những căn cứ bằng những căn cứ* ("mit Gründen an Gründen"), nên ở đây không có bạo lực trấn trụi, mà chỉ có "sự cưỡng chế mềm của luận cứ tốt hơn". Việc thừa nhận một quyền uy như thế là "biểu hiện của một *sự thức nhận*". Nếu quả vậy thì cần phải từ bỏ sự đối lập cứng nhắc giữa "gánh nặng truyền thống" và sự tự quyết của lý tính tự do. Vàng, bản thân các truyền thống cũng cần được hiểu như là một mômen của Tự do và lịch sử. Chúng không tự tồn mà do con người tiếp thu, chuyển hóa và đổi mới. Vì thế, Gadamer cho rằng ta vốn bao giờ cũng đứng bên trong một truyền thống, và "việc đứng ở trong đó không phải là một lối hành xử đối tượng hóa khiến cho những gì truyền thống nhấn bảo với ta cứ bị hiểu như là một cái gì xa lạ". Ông đề nghị: thay vì lập trường "duy phương pháp luận nhận thức" kiểu Cận đại, ta hãy chọn cách "thay đổi viễn tượng", để nơi đó có sự "*hòa trộn giữa các chân trời*". Khái niệm "chân trời" - được yêu thích từ Nietzsche, Husserl cho đến Gadamer - là ẩn dụ về tính hữu hạn, về sự ràng buộc của tư duy trong một thể đứng nhất định, nhưng đồng thời chân trời cũng không cột chặt suy tư của ta như một định mệnh. Có một chân trời cũng có nghĩa là có thể *mở rộng* chân trời ấy. Hình ảnh đẹp về một "chân trời di động" nói lên tính cởi mở của đối thoại, lòng hân hoan đón nhận những cách nhìn khác, những không gian ý nghĩa mới, để hôn phối quá khứ với hiện tại, ta với người khác, hữu hạn với vô cùng.

Khá quen với những cuộc tranh biện ác liệt trong triết học, tôi bỗng thấy thèm được trở về tầm gọi trong dòng nước trong trẻo, thanh tân, có thể giúp mình mở rộng được chân trời suy tưởng. Xin bạn đừng mắc sai lầm của tôi khi đến với *Thấy Phật* bằng tư thế chuẩn bị đương đầu với một cái gì hóc búa ("Hard Fact" nói theo kiểu Mỹ!). Tôi đọc được đâu đó rằng nếu ta nhìn con đường suy tưởng (hay con đường tu hành) như một bãi chiến trường thì chúng ta quả thực quá yếu đuối, bạc nhược, thấp hèn, bởi sự tiến bộ (hay

tinh tấn) phải lệ thuộc vào mức độ đất đai chinh phục của mình và của người khác, đâu còn gì là sự giải phóng, sự tự do (hay sự giải thoát, Niết-bàn). Cũng xin đề nghị bạn đừng "dại" như tôi khi đọc quyển sách một cách vội vàng, ham hố như nuốt trọn một món ăn ngon, "ngư ằm" một cốc cam lồ. Uống lắm! Hãy xem nó như một chuỗi hạt, bắt đầu từ đầu cũng được, với tất cả sự an tĩnh và ung dung. Thêm cả sự vui vẻ nữa, vì tác giả cũng là một bậc thầy của sự hài hước, một *U mặc đại nhân* theo nghĩa thâm thúy của Ngài Chogyam Trungpa: "cảm thức về hài hước là sự nhìn thấy hai đối cực của một hoàn cảnh đúng y như thế, từ một cái nhìn bay lượn ở trên cao" (Sense of humour means seeing both poles of a situation as they are, from an aerial point of view). Nhìn từ đôi cánh chim ưng, nhưng không phải để vỗ chộp, ắt sẽ thấy mọi việc nơi trần gian này đều đáng cười, đáng thương và đáng yêu biết mấy.

Sau cùng, một hình ảnh chắc chắn sẽ còn đọng lại lâu dài trong tâm cảnh của tôi khi đọc xong quyển sách này là hình ảnh của nước Bhutan: nhỏ, nghèo, nhưng dám đề nghị cả thế giới hãy lấy hạnh phúc làm thước đo phát triển. Thay vì đo bằng GDP (Gross Domestic Product / Tổng sản lượng quốc nội), hãy đo bằng GNH (Gross National Happiness / Tổng sản lượng hạnh phúc quốc gia), dựa trên bốn tiêu chuẩn: phát triển đồng đều trong xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống, xây dựng một chính thể có trách nhiệm. Hãy nghe anh Thuần bình luận: "Nếu muốn, Bhutan có thể trở thành như bất cứ nước nào trên thế giới, nhưng nếu muốn, không nước nào có thể trở thành Bhutan... Không vội vã, nên họ tự do. Và tự do là hạnh phúc. Hạnh phúc chỉ đến từ bên trong. Cảm ơn Bhutan đã dám sống độc đáo với sự thật ấy" (*Thênh thang trên xứ non cao*). Cảm ơn Anh Thuần đã cho ta biết về Bhutan, và trên hết, về ước mơ hạnh phúc, mục đích của mọi mục đích.

Phật đàn, 2009 ■



Khái quát mỹ thuật Phật giáo Ấn Độ thời phôi thai

RADHA BANERJEE

Mỹ thuật Ấn Độ là sự biểu hiện về đời sống và tư tưởng của người Ấn có sự hòa hợp với bối cảnh thiên nhiên rộng lớn và những truyền thống xã hội-tôn giáo của xứ sở này. Trong mỹ thuật Ấn Độ, không hề có sự độc quyền hay tính cách bè nhóm. Phong cách,

kỹ thuật hoặc chiều hướng tổng quát của mỹ thuật Ấn Độ không dành riêng cho một quan điểm tôn giáo đặc biệt nào. Nền mỹ thuật này được nuôi dưỡng và cổ vũ dựa trên một kho tàng rộng lớn những truyền thống, biểu tượng và đường lối trình bày của dân tộc Ấn. Việc gọi tên mỹ thuật Ấn giáo, mỹ thuật Kỳ Na giáo hay mỹ thuật Phật giáo



Đại Bảo tháp Sanchi

chỉ là cách để phân biệt một nhóm công trình, bao gồm những bức họa, những ngôi đền khoét trong hang động, và những đường nét kiến trúc... từ một quan điểm ưu thắng của một chủ đề tôn giáo này hay một chủ đề tôn giáo khác. Như vậy, nói đến mỹ thuật Phật giáo có nghĩa là nói đến những công trình và những họa phẩm có mục đích chính là soi sáng giáo lý hay phổ biến Phật giáo. Một điều may mắn là tại Ấn Độ cũng như bên ngoài đất nước này ở những nơi Phật giáo đã từng hiện diện hay đang tồn tại, có vô số những công trình đại diện cho những giai đoạn khác nhau của Phật giáo và điều đó giúp cho chúng ta hình dung được khuynh hướng mỹ thuật Phật giáo qua các thời đại.

Trong các truyền thuyết và nền huyền học Phật giáo, Đức Phật đã được biểu thị như một vị nhân cách tối thượng không những so với các đối tượng được thờ phượng nhân cách như Dạ-xoa hay Long vương mà còn so với cả những vị thần như Indra, Brahma và những bậc Thánh nguyên thủy trong ngôi đền Ấn giáo thời trước đó nữa. Tất cả những gì liên quan đến Đức Phật đều được mô tả như một sự siêu việt. Điều đó được thể hiện tràn ngập trong nền mỹ thuật Phật giáo.

Những biểu tượng ban đầu và sự tiến hóa

Mỹ thuật Phật giáo Ấn Độ phản ánh hết sức trung thực mọi khía cạnh quan trọng của đời sống và sinh hoạt Phật giáo. Trong Phật giáo thời kỳ đầu, Đức Thích-ca-mâu-ni đã được nhận biết như một con người lý tưởng và hoàn

toàn tự nhiên khi chúng ta thấy rằng nền mỹ thuật Phật giáo thời kỳ đầu ở Bharhut, ở Sanchi, ở Bodh-Gaya và ở Amaravati cũng như nhiều nơi khác nữa không hề thể hiện bậc Đạo sư dưới hình ảnh con người. Sự hiện diện của Ngài được biểu thị bởi phương tiện của một cái gai bỏ trống, một cây bồ-đề, một cặp dấu chân, hoặc một bánh xe pháp, tượng trưng cho sự kiện này hay biến cố khác trong cuộc đời Đức Phật. Khi thời gian trôi qua, đạo Phật có được sự phổ biến rộng rãi, thu hút được nhiều tín đồ từ mọi nhóm người. Giới luật và sự khổ hạnh của đạo Phật thời kỳ đầu vượt qua sự linh hội của những tín đồ bình thường của một tôn giáo. Một tôn giáo mà không có một vị thần mang hiện thân con người để tín đồ đặt niềm tin của mình vào đây thường không hấp dẫn tín đồ. Điều đòi hỏi ấy của tâm thức quần chúng đã được đáp ứng bởi các nhà xiển dương Phật giáo Đại thừa khi giáo pháp Đại thừa thánh hóa Đức Phật đồng thời đưa vào khái niệm về các vị Bồ-tát hiện thánh cùng nhiều bậc thánh hết sức phong phú. Trong số những vị bồ-tát nam giới, Bồ-tát Quán-thế-âm đã trở nên được biết đến nhiều nhất nhờ lòng từ vô lượng của Ngài đối với mọi chúng sinh. Hình ảnh của ngài lưu xuất từ ý niệm về Đức Phật A-di-đà và thần lực sáng tạo mang tính cách nữ giới của Đức Phật này (Kinh A-di-đà được dịch ra tiếng Trung Hoa vào khoảng từ năm 148 đến năm 170 sau Tây lịch, dường như lần đầu tiên nhắc đến danh tính của Đức Phật quá khứ này). Bồ-tát Quán-thế-âm là sự nhân cách hóa của lòng

từ bi vô lượng. Như được mô tả trong kinh *Đại thừa Trang nghiêm Bảo vương*, ngài Quán-thế-âm từ chối vào Niết-bàn để cứu độ loài người còn đau khổ. Người ta tin rằng ngài Quán-thế-âm truyền tuệ giác cho chúng sinh hữu tình để toàn thể chúng sinh, theo một quá trình tiệm tiến, đều có thể tiến trên con đường giải thoát. Những hình thái khác nhau của ngài Quán-thế-âm được nói tới trong các sách dạy về phương pháp thực hành thiền định.

Bảo tháp Bharhut

Kỷ nguyên Sunga-Andhra (thế kỷ thứ hai đến thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch) là một trong những thời kỳ sáng tạo độc đáo nhất của nền mỹ thuật Phật giáo. Mặc dù các vị vua thuộc vương triều Sunga là những tín đồ Bà-la-môn nhiệt thành và đạo Phật đã bị tước bỏ sự bảo trợ của nhà nước mà tôn giáo này được hưởng dưới thời vương triều Maurya, trong đó, vua A-dục và những người kế nghiệp là những bậc hộ pháp tinh cần nhất, đã không hề có sự thoái trào trong việc truyền bá và phổ biến niềm tin vào Phật giáo. Nhiều cơ sở Phật giáo tiếp tục nảy nở ở Bồ-đề đạo tràng, ở Bharhut, và ở Sanchi trong vùng Bắc và Trung Ấn; ở Amaravati và Jaggayapeta trong vùng Nam Ấn; ở Bhaja, Nasik, Karle, Janta cùng nhiều nơi khác trong vùng Tây Ấn. Nền nghệ thuật của thời kỳ này cốt yếu là việc đào những ngôi đền khoét sâu trong đá, xây dựng những tinh xá (một số được trang trí bởi các bức bích họa), dựng những hàng cột làm bệ đỡ và thiết lập những con đường có cổng dẫn đến các bảo tháp chứa xá lợi Phật ở những địa điểm khác nhau. Trong những năm 1872-1874, tướng Cunningham đã phát hiện di tích những hàng cột làm bệ đỡ và những con đường có cổng dẫn vào bảo tháp ở Bharhut thuộc bang Madhya Pradesh; ngay năm sau, ông đưa những hiện vật thu thập được về lưu trữ tại Bảo tàng Ấn Độ. Những hiện vật này thuộc một tòa bảo tháp đã được xây dựng trong khoảng thế kỷ thứ hai trước Tây lịch. Vì tòa bảo tháp không còn nữa, việc xác định hình dáng và quy mô của tòa bảo tháp thật khó khăn. Nhưng có lẽ tòa bảo tháp ấy cũng giống như các tòa bảo tháp cùng loại và những tòa bảo tháp được xây dựng cùng thời kỳ ở Sanchi. Tất cả những tòa bảo tháp này đều có một mái vòm hình bán cầu với một cái bệ ở trên cùng có những hàng cột rào để đỡ những cái lọng.

Một trong những chủ đề điêu khắc chính ở Bharhut thể hiện những sự kiện chung quanh ngày đản sinh của Đức Phật. Một chủ đề quan trọng khác là những câu chuyện về cuộc đời của Đức Phật; những câu chuyện này có hai loại: một loại liên quan đến những cuộc đời mà khi đó Đức Phật còn là một vị Bồ tát, và một loại khác kể lại những sự kiện trong lần thị hiện cuối cùng của Người trong hình ảnh thái tử Cổ Đàm Thích-ca Mâu-ni. Những mẫu chuyện tiền thân được thể hiện trên các ô tường của đền đài ở Bharhut có kể đến *chuyện con khỉ chúa, chuyện con chim gõ kiến và con rùa, chuyện cuộc đời vương tử Mahajanaka, chuyện vua loài kim xí điểu, chuyện con voi chúa...*

Những hoạt cảnh trên các phù điêu ở Bharhut liên

quan đến cuộc đời của thái tử Tất-đạt-đa có thể hiện cả giấc mơ của hoàng hậu Ma-gia miêu tả việc nhập thai của một vị Bồ tát dưới hình tượng con voi trắng, sự kiện Ma vương bị khuất phục trước tuệ giác của đấng Giác ngộ, sự kiện ngài Cổ Đàm đạt đạo dưới gốc cây bồ-đề, việc đánh lễ trước cây bồ-đề, việc các vị trời đánh lễ lộn tóc ngài Cổ Đàm, các cuộc tham bái của các vị vua A-xà-thế xứ Ma-kiệt-đà và vua Ba-tư-nặc xứ Kiều-tát-la.

Việc đánh lễ trước cây bồ-đề có vẻ như đã được phổ biến rộng rãi vì có nhiều hình ảnh thể hiện việc này trên những bức phù điêu ở các ô tường của đền đài thuộc Bharhut, Sanchi, và Amaravati. Lại nữa, theo Divyavandana (một tác phẩm nghiên cứu về nghệ thuật Phật giáo của Hermann Odelberg, người Đức) thì cây bồ-đề được coi là một đối tượng thờ phụng ưa thích của vua A-dục. Tấm ngạch cổng thấp nhất ở cổng chào phía đông của ngôi bảo tháp số 1 tại Sanchi (kiến trúc thời thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch) là một bức phù điêu mô tả cuộc chiêm bái long trọng của vua A-dục và hoàng hậu Tishyarakshita trước thánh tích bồ-đề. Ngay trung tâm của bức phù điêu ấy là cây bồ-đề và ngôi đền được dựng tại Bồ-đề đạo tràng. Ở bên trái là một toán nhạc công và những người chiêm bái đội những bình nước. Ở bên phải là vị vua và hoàng hậu vừa xuống voi nghiêng mình đánh lễ trước cây bồ-đề.

Bảo tháp Sanchi

Bên cạnh Bharhut, những trung tâm nghệ thuật Phật giáo quan trọng khác ở Bắc Ấn trong thời kỳ này là Sanchi thuộc bang Madhya Pradesh và Bồ-đề đạo tràng thuộc bang Bihar. Trọng tâm nghệ thuật ở các trung tâm thuộc Sanchi là Đại Bảo Tháp. Ban đầu được xây bằng gạch, dưới thời vua A-dục trị vì (thế kỷ thứ ba trước Tây lịch), ngôi đại bảo tháp này được xây chèn thêm bằng đá và một thế kỷ sau đã được mở rộng đến quy mô mà ngày nay du khách còn được thấy. Những kiến trúc bổ sung khác, chẳng hạn như việc xây dựng các cổng và những hàng bao lơn, lại còn được thực hiện trễ hơn, có thể là vào khoảng năm 50 trước Tây lịch. Trong tất cả bốn cổng chính dẫn vào tháp, cổng phía Nam là cổ xưa nhất. Trên một trong những tấm ngạch cổng của các cổng chính này có một đoạn bi ký ghi nhận đây là công trình của các nghệ nhân thời vua Sri Satakarni (thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch), người kế thừa vị vua sáng lập dòng Satavahana tại cao nguyên Deccan. Trong số tất cả những cổng và đường dẫn vào Đại bảo tháp Sanchi, được bảo tồn cẩn thận nhất là cổng chính phía Bắc, cho phép du khách có được một ý niệm trọn vẹn về diện mạo của các cổng. Mỗi cổng đều có hai cột vuông với những hình chạm khắc trên thân cột. Những hình chạm khắc này thường có hình người lùn đứng hay hình con voi có tác dụng nâng đỡ các cấu trúc phía trên của tấm ngạch cổng. Sau cùng, ở vị trí cao nhất của cổng là một biểu tượng bánh xe pháp đặt ở chính giữa. Các cột đứng và những kiến trúc phía trên được trang trí một cách tỉ mỉ bằng việc mô tả những câu chuyện tiền thân Đức Phật. Cũng có những hình ảnh mô tả các cây

thiên, những ngôi tháp và các chủ đề khác nhằm biểu thị sự hiện hữu của Đức Phật Cổ Đàm theo một cách biểu tượng. Cũng như trong nền mỹ thuật ở Bharhut, ở đây cũng vậy, để phù hợp với truyền thống nghệ thuật Ấn Độ thời kỳ đầu, người ta không thấy sự mô tả Đức Phật theo nhân dạng.

Cách Đại bảo tháp Sanchi khoảng 50km về hướng Đông bắc là một công trình khác có cùng kiểu thức nhưng nhỏ hơn về quy mô. Bên trong bảo tháp này, tướng Cunningham đã phát hiện xá lợi của hai vị Đại đệ tử của Phật, ngài Xá-lợi-phất và ngài Mục-kiền-liên.



Tượng Dạ-xoa
ở Bharhut

Bảo tháp Jaggayapeta

Một kiến trúc, về mặt phong cách, tương đương với những ô tường đền đài ở Sanchi trong nghệ thuật chạm khắc, đã được phát hiện tại một ngôi bảo tháp ở Jaggayapeta gần Amaravati trên bờ sông Krishna. Điều đó cho thấy có rất ít khác biệt giữa những vùng đất khác nhau trong lĩnh vực nghệ thuật. Một công trình được quy cho thuộc thời kỳ đầu của triều đại Sunga là một tu viện ở Bhaja tọa lạc giữa những ngọn đồi của cửa ải phía Tây dẫn tới miền Nam thành phố Bombay (nay là Mumbai). Đó là một tòa kiến trúc có nhiều phòng. Những hình ảnh trang trí trong tu viện Bahja bao gồm những hình ảnh Dạ xoa, một vị thần mặt trời ngự trên một chiếc xe bốn ngựa kéo và thần Indra cưỡi trên chiếc xe phun lửa. Nền mỹ thuật Bharhut và những vùng nghệ thuật đồng thời khác có tính cách mộc mạc với xu hướng nguyên thủy. Xu hướng nguyên thủy ấy được thừa nhận là bởi chủ nghĩa tự nhiên được làm cho sinh động bởi tính hài hước, vũ điệu và âm nhạc. Về phương diện kỹ thuật, các họa tiết được đắp nổi với độ cao thật ít, đôi khi được đàn phẳng ra với những chi trên chi dưới cứng đờ.

Mặc dù có vô số hình ảnh nhắc tới chuyện tiền thân Đức Phật và các chi tiết văn học Phật giáo khác đối với những họa tiết trang trí được nói đến, những hình mẫu còn tồn tại của nền hội họa Phật giáo được phát hiện tại giảng đường tu viện cổ nhất ở Ajanta trong vùng cao nguyên Deccan, được xây dựng từ thế kỷ thứ hai trước Tây lịch. Bức bích họa chủ yếu trong một căn hầm thuộc giảng đường tu viện này được dành để mô tả chuyện con voi chúa trong số những mẩu chuyện tiền thân của Đức Phật.

Bảo tháp Amaravati

Nền mỹ thuật Phật giáo ở Nam Ấn trong thời kỳ này được minh họa một cách cụ thể nhất bởi những di tích của Đại Tu viện ở Amaravati. Vì những tác phẩm điêu khắc được phát hiện tại đây có phong cách nguyên thủy giống hết những tác phẩm điêu khắc vùng Bharhut, người ta có thể kết luận rằng tòa Đại Tự viện này được xây dựng trong khoảng từ thế kỷ thứ hai trước Tây lịch đến năm 250 sau Tây lịch. Những tác phẩm mỹ thuật ở đây thể hiện những sự tương đồng với nền mỹ thuật Bharhut. Những hình ảnh của Đức Phật được du nhập đến nơi đây trong khoảng thế kỷ thứ nhất và thế kỷ thứ hai sau Tây lịch. Nền mỹ thuật Amaravati trong thời kỳ này đã thật thanh nhã và gợi cảm.

Với sự hưng thịnh của Phật giáo Đại thừa, nền mỹ thuật Phật giáo bước vào một giai đoạn mới, bắt đầu từ thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch và kéo dài đến thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch, được coi là thời kỳ phát triển của nền mỹ thuật Phật giáo Ấn Độ với những đỉnh cao về phong cách và kỹ thuật của nền nghệ thuật Gandhara và nền nghệ thuật Gupta.

Nguyễn Văn Nhật dịch

Nguồn: <http://ignaca.nic.in/budh0002html>



Gần 4.000 người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Quy y Tam bảo

Ngày 19/4 là một ngày đáng nhớ của bà con người dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum: gần 4.000 người ở nhiều buôn làng LleiWeh, LeiBua, PeiLay, PleiSah, Lâm Tùng, Rắc, O, Trang... đã hân hoan tham dự một sự kiện đặc biệt trong đời sống tinh thần – tâm linh: đó là lễ quy y tập thể, dưới sự chủ trì của Ban Trị sự Tỉnh Giáo hội Phật giáo Kon Tum và Tiểu ban Phật tử Dân tộc ít người thuộc Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương tổ chức tại chùa Bác Ái, thị xã Kon Tum.

Đây là một tin vui ở vùng đất Tây Nguyên góp chung niềm vui lớn của Phật tử cả nước đón mừng ngày Đản sinh của Đức Phật lần thứ 2.633 – PL. 2553 (2009).

PV. Ảnh: Tâm Thành



Cung đón chư tôn đức Tăng Ni



Cống chiêng vui mừng

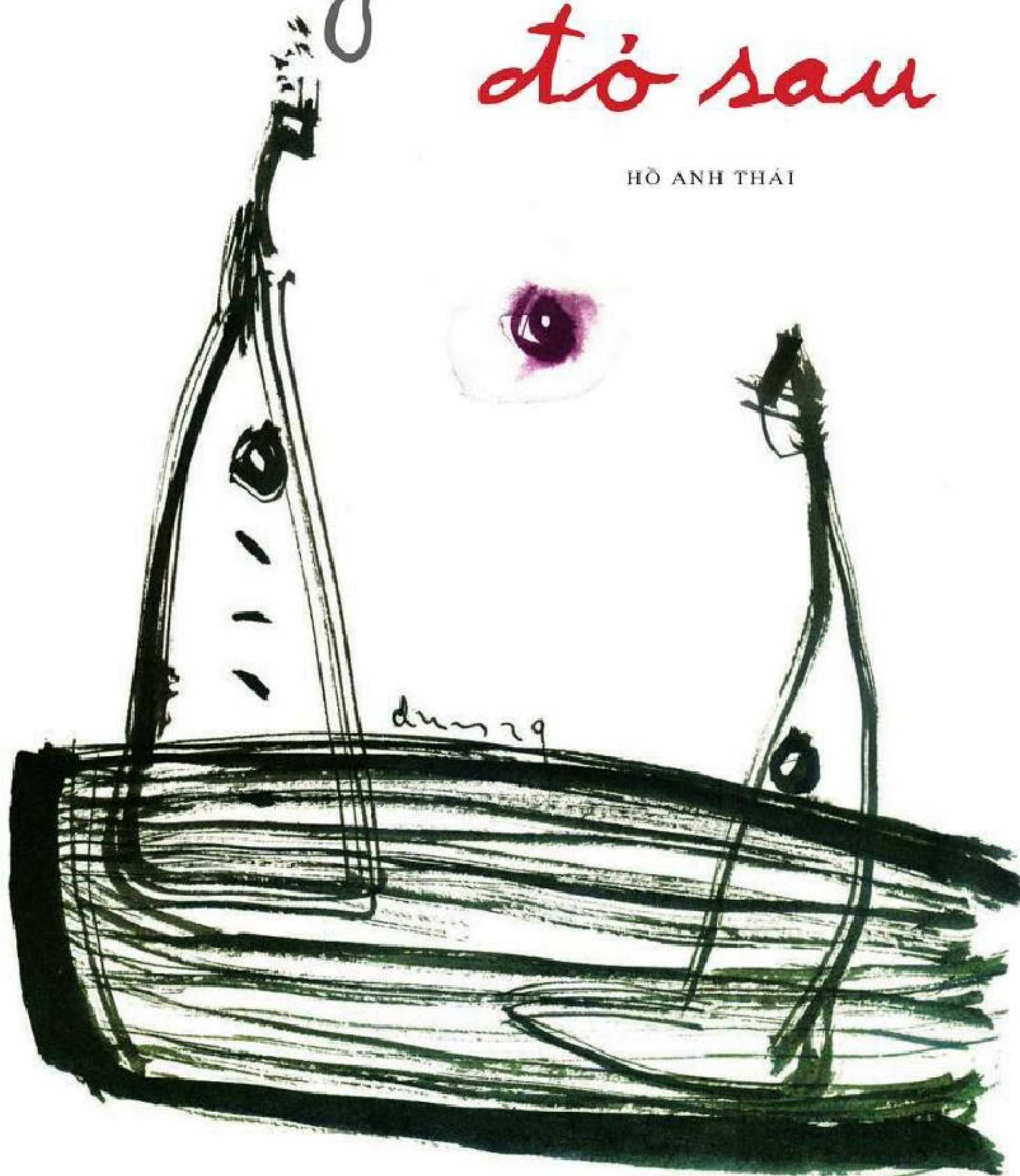


Sen búp trong ngày về với Phật

Lễ Quy y chính thức.

trắng trước đỏ sau

HỒ ANH THÁI



Hình dung màu sắc của cô mấy ngày ấy chỉ có trắng và đỏ. Trắng. Đỏ. Theo đúng thứ tự, trắng và đỏ. Trắng trước. Đỏ sau.

Cô đi lễ. Vào đền thờ, ngồi chấp tay cầu nguyện trước Thần Bảo Vệ Vishnu. Pho tượng Vishnu trong hiện thân Krishna, trang phục sắc sỡ, nhưng nhiều nhất vẫn là màu đỏ. Đĩa lễ vật dâng cúng có mấy loại hoa quả, một tràng hoa nhài, một tràng cúc vạn thọ. Hoa thiêng. Hoa nhài trắng. Hoa cúc vạn thọ vàng. Cúc vạn thọ vàng thắm ngả sang màu đỏ, thì cứ coi là màu đỏ. Cô muốn quy nó về màu đỏ. Hoa trắng và hoa đỏ.

Rồi cô hướng sang tượng Sarasvati, nữ thần Trí Tuệ. Trang phục trắng, ngồi trên một bông sen trắng. Cô cầu nguyện.

Trắng. *Xứ này coi màu trắng là tổng hòa của bảy màu khác nhau. Màu trắng vì vậy tiếp nhận tính thiêng liêng của cả bảy màu. Các vị thần nổi bật đều có màu trắng trên trang phục. Người đàn bà theo đạo Hindu thì mặc đồ trắng trong đám tang chôn.*

Cô mang đĩa lộc cúng tế, đi bộ về nhà. Ở ngã tư, đèn vàng bật sáng mấy giây rồi chuyển đèn đỏ. Xe dừng hết cả lại, nhường đường cho xe cộ theo hướng đi ngang trước mặt. Cô cũng đứng lại, nghĩ, vàng trước đỏ sau. Đèn giao thông không ai sử dụng màu trắng. Bây giờ thì cô thầm quy ước vàng là trắng. Trắng trước, đỏ sau.

Cô treo tràng hoa nhài và cúc vạn thọ lên hai cái đinh phía sau cánh cửa, rồi mang đĩa hoa quả sang cho con bé ở phòng bên cạnh. Đến thuê nhà mấy tháng trời, mỗi lần đi lễ về, cô đều mang lộc cho con gái bà chủ nhà. Con bé đang ngồi giữa cả đồng bi đổ tung tóe ra nền nhà. Hàng trăm viên bi thủy tinh đủ màu sắc. Một nữ thần tí hon nổi bóng bẽnh trên mặt biển, giữa những trái bóng muôn màu.

Con bé rù cô ngồi xếp xuống nền nhà cùng chơi.

- Cho chị chọn trước. Chị lấy màu nào?

Cô im lặng nhặt những hòn bi, để riêng ra một bên.

- Em cũng thích màu đỏ và màu trắng. Nhưng em còn thích màu xanh dương nữa.

Con bé reo lên. Nó lau chau nhặt thêm những viên màu xanh nước biển bỏ vào bên cạnh.

- Không, chị chỉ chọn hai màu thôi, trắng và đỏ.

Cô dứt khoát gạt những hòn bi của con bé ra.

Hai người chơi trò nhặt thóc, như trong một cổ tích. Đàn chim xuống giúp người nhặt thóc ra thóc, gạo ra gạo. Đây thì nhặt riêng ra những viên bi màu đỏ và màu trắng. Những màu khác thì dồn hết lại, bỏ vào một cái hộp đồ chơi to tướng.

Trên tivi đang phát bản tin của đài truyền hình toàn Ấn Độ về ngày bầu cử đầu tiên. Hôm nay. Còn ngày mai, Chủ tịch Đảng Quốc đại Rajiv Gandhi sẽ về Madras diễn thuyết trước quần chúng, chuẩn bị cho cuộc bầu cử ở đây.

- Chị nhận trước đi, chị bên đỏ hay bên trắng?

Con bé nhắc. Cô đang mãi nhìn cái màn hình tivi. Hơi giật mình, dân chúng không mấy quan tâm những

chuyện như vậy, xem làm gì.

- Chị nhận bên đỏ.

Hai người bắt đầu chọn màu cho bên mình. Đỏ ra đỏ. Trắng ra trắng. Con bé vun những viên màu trắng về phía nó, chăm chú nhìn đồng bi theo kiểu một vị tướng nhìn những chiến binh mũ trắng trước khi xung trận.

- Em đi trước đi.

Cô bảo.

- Sao chị lại nhường em? Sao chị không đi trước? Anh trai em thì bao giờ cũng tranh phần đi trước.

- Vì chị là chị, chị không phải là anh của em.

- Chị có anh trai không? Anh ấy có tranh phần của chị không?

Cô hơi thừ người ra. Có không nhỉ? Có chứ, những hai người anh trai. Họ có bao giờ bắt nạt hoặc tranh chấp với cô hay không? Ngay lập tức thì không thể nhớ ra. Mọi thứ đều mờ nhòa, kể cả gương mặt họ.

Truyền hình đang nói về xung đột ở vùng Đông bắc xứ Sri Lanka. Du kích người Tamil bên ấy đòi thành lập một nhà nước riêng rẽ, đòi ly khai và gây xung đột với quân chính phủ. Lực lượng gìn giữ hòa bình Ấn Độ được gửi sang bảo vệ quyền lợi cộng đồng người Tamil, nhưng lại bị chính du kích người Tamil quay lại tấn công. Hận thù lại chia mũi nhọn vào Ấn Độ. Những người Tamil chủ trương ly khai bên ấy thế sẽ trả thù "nước mẹ" Ấn Độ. Mấy năm qua, trai tráng Tamil bị cuốn vào cuộc chiến, có nhà cả mấy anh em đi chiến đấu, cả mấy anh em đều chết. Tang tóc khắp nơi...

- Chị đừng xem tivi nữa.

Con bé xoay người, bấm nút điều khiển từ xa, tắt cái tivi.

- Chị gái em cũng hay tranh phần của em. Ngày mai trường cho nghỉ, đi chào mừng ông Rajiv Gandhi đến diễn thuyết, chị ấy cũng tranh phần đi, bắt em ở nhà.

- Em đừng có đến đấy.

Cô nhăn mặt ghê sợ. Trẻ con, chúng nó biết gì. Chỉ là đi xem mặt ông cựu thủ tướng trẻ và đẹp trai. Nếu không thì cũng là một ngày được nghỉ học, được đi chơi, được phát nước ngọt và bánh mì.

- Nhớ nhé, trẻ con đừng có đi mít-tinh.

Cô nhắc lại.

Cô vẫn nhớ một giai thoại về chính ông thủ tướng này. Khi Rajiv Gandhi lên chín tuổi, bị ngã gãy tay, người mẹ là Indira Gandhi đã bảo con: đời con, rồi sẽ còn nhiều lần vấp ngã, nhiều lần đau đớn hơn là gãy tay nữa. Người dạy con câu ấy sau này hai lần làm thủ tướng, rồi bị ám sát. Người con ngày ấy bây giờ rất có thể sắp làm thủ tướng lần thứ hai.

Cô bảo con bé:

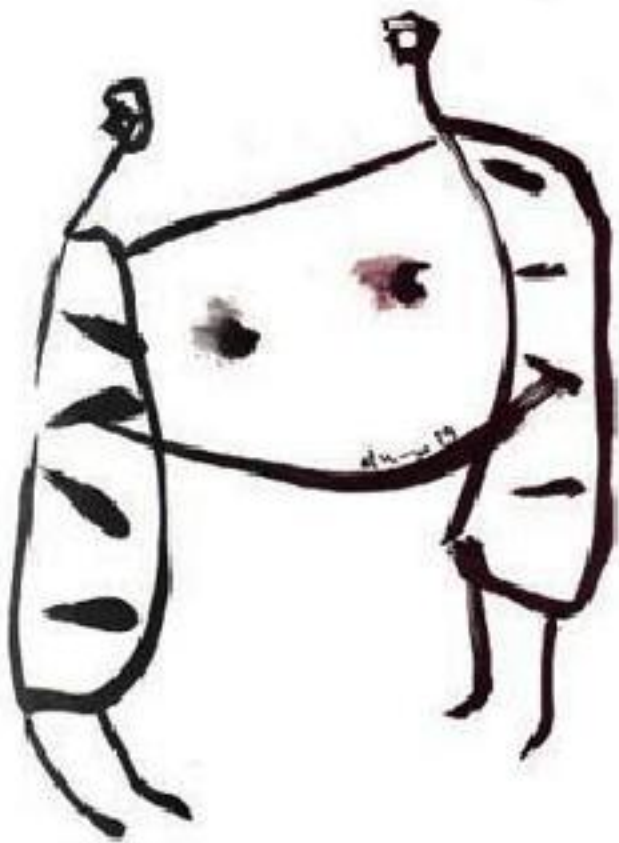
- Bây giờ thì em đi trước đi.

- Không, em nhường chị đi trước - Con bé vẫn tỏ vẻ rộng rãi.

- Không được. Màu trắng phải đi trước.

Con bé không nhận. Nó vẫn muốn nhường.

Cô phải nói dối:



Năm 1989, học viện của chúng tôi có một ngày hội trường. Rajiv Gandhi được mời đến. Vị thủ tướng tuổi ngoài bốn mươi mặc cái áo dài kurta pyjama màu trắng, quần trắng, bước trên những bậc thang, thoăn thoắt đi lên lễ đài, đúng kiểu đang muốn sai một bước hai bậc. Thế giới này luôn cần những vị nguyên thủ quốc gia trẻ như thế, năng động như thế. Rajiv Gandhi trong mắt những người trẻ chúng tôi khi ấy là biểu tượng của một sức sống đang lên, đem lại hy vọng cho con voi Ấn Độ bắt đầu chuyển mình...

Đúng một cái, cuối tháng 5-1991, ai cũng bàng hoàng khi nghe tin ông bị ám sát. Một tờ báo còn in tấm ảnh ông nằm sấp mặt trong vũng máu, phía sau hộp sọ hở hoặc một mảng. Thủ phạm là lực lượng Tamil từ phía Sri Lanka sang, người thì gọi họ là lực lượng kháng chiến, người lại gọi là khủng bố.

Từ ngày ấy, tôi đã nghĩ rồi có lúc sẽ viết một cái gì đó về Rajiv Gandhi. Bây giờ thì tôi bắt đầu chạm đến, từ việc hình dung ra một gương mặt khác của số phận...

- Các thần đã quy ước như vậy. Trắng trước, đỏ sau.
Rồi phải nói thêm:
- Nếu em muốn đi sau thì phải đổi bên. Em phải chuyển sang màu đỏ.

Con bé chấp nhận đổi bên. Hôm nay nó trở nên hào phóng đột xuất, và muốn bày tỏ thiện cảm đặc biệt với cô. Nó chỉ thích nhường cô. Nó nhắc tấm sari đứng đây, đúng kiểu nữ hoàng maharani của một vị tiểu vương thời trước. Nó khoan thai bước, ba bước chân là cả một một chặng tam cấp của nữ hoàng bước lên ngai. Nó đi sang phía cô, trong khi cô phải nhóm dậy, chuyển sang ngồi bên phía nó.

Bây giờ thì cô trắng, nó đỏ. Trắng được đi trước, theo đúng quy ước của cô.

Một cuộc bắn phá từ trắng sang đỏ. Một cuộc phản công từ đỏ ngược trở về trắng. Trắng bắn đỏ. Đỏ bắn trắng. Chiến trường toàn màu trắng tang tóc. Chiến trường toàn màu đỏ của máu. Đây là cô nghĩ. Con bé kia chỉ thấy trắng đỏ hòa hợp, những màu đẹp và thiêng. Thiêng vì trên y phục các thần bao giờ cũng có hai màu này, rồi mới đến các màu khác phối hợp.

Rốt cuộc thì màu đỏ đã thắng. Cô bị hao hụt khá nhiều đám quân lính mũ trắng của mình. Trong khi kiểm quân, số lượng mũ đỏ của con bé áp đảo. Nó hể hả vui mừng. Nó đã hào phóng xử sự cho ra mặt một nữ hoàng, nhưng đối phương vẫn thua cuộc.

- Ngày mai có thể chị sẽ gỡ lại được. Mai chị lại sang chơi nữa nhé.

Con bé tỏ vẻ cảm thông.

- Mai chị không thể sang được.

Cô lắc đầu, rồi lại lấy làm tiếc là mình đã nói ra như vậy.

Ngày hôm sau, chính là ngày 21-5-1991. Chủ tịch Đảng Quốc đại Rajiv Gandhi đến bang Tamil Nadu vào ngày bầu cử thứ hai trên toàn quốc. Ông có cuộc gặp gỡ quần chúng ở huyện Sriperumbudur, cách thủ phủ Madras khoảng 40 cây số. Vị cựu thủ tướng 47 tuổi tin tưởng rằng lần này mình sẽ trở lại ghế thủ tướng, một lần nữa. Khi ông đến gần lễ đài thì một đám đông quần chúng hân hoan vây lấy ông, bày tỏ tình cảm. Một cô gái còn cúi xuống chạm tay vào bàn

chân của ông, tỏ lòng kính trọng theo kiểu Hindu. Một tiếng nổ dữ dội. Rajiv Gandhi gục xuống không toàn thân.

Con bé ngồi trước màn hình, nước mắt lăn chầy xuống gò má từ bao giờ. Nó khóc vì sự ghê rợn. Nó khóc vì thương ông cựu thủ tướng mà nó thấy là rất đẹp trai. Nó chạy sang gõ cửa phòng cô gái thuê nhà, có thể cô chưa biết tin.

Người ta sớm xác định được danh tính của kẻ đánh bom liều chết. Đó là một cô gái người Tamil ở Sri Lanka, vượt biển xâm nhập vào Ấn Độ để đánh bom trả thù. Cô ta có hai người anh trai bị chết trong lúc giao tranh với lực lượng gìn giữ hòa bình Ấn Độ. Thuốc nổ được quấn quanh người, bên ngoài phủ tấm sari màu đỏ rực che khuất tất cả. Kẻ đánh bom liều chết hai tay nâng một tràng hoa đến dâng cho Rajiv Gandhi, choàng lên cổ ông. Khi ấy, một tay cô ta lần bên sườn, bấm nút khởi động pin, nút màu trắng. Cô ta cúi xuống kính cẩn chạm tay vào bàn chân ông, đồng thời bấm nút thứ hai, màu đỏ. Nút trắng trước. Nút đỏ sau.

Con bé đẩy cửa bước vào phòng của cô gái. Không có cô trong phòng. Phía trong cánh cửa, nó thấy hai tràng hoa hóm qua cô đi lễ mang về. Móc trên hai chiếc đinh. Từ trái sang phải, tràng hoa nhài rồi đến tràng hoa cúc vạn thọ. Hoa nhài trắng. Hoa cúc vạn thọ thắm đỏ. Trắng trước. Đỏ sau.

Đỏ. Màu đỏ là màu thiêng nhất, hay được dùng nhất trong những dịp cầu phúc lành như hội hè, cưới xin, ngày sinh... Trong lễ cúng, người ta tung bột màu đỏ lên những pho tượng thần. Phụ nữ thường quét lên đường ngôi mái tóc một vệt son đỏ, dấu hiệu đã có chồng. Có hai lần người đàn bà vận y phục đỏ: một lần trong đám cưới, và lần cuối, khi đã chết và được đưa ra bãi hỏa táng.

Con bé nhớ hôm qua, lúc cô ra về, nó hẹn:

- Ngày mai chị lại sang chơi nữa nhé.

Cô lắc đầu:

- Mai chị không thể sang được.

Ngừng rất ngắn, nó lại cố hẹn:

- Rồi chị em mình sẽ gặp nhau nữa chứ?

Cô bảo:

- Chắc chắn. Rồi tất cả chúng ta sẽ gặp lại nhau. ■



HỘI THẢO

Phật giáo

với doanh nghiệp và đời sống

HOÀNG HÀNG

Buổi tối ngày 24 tháng 4 năm 2009, độc giả Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã có một buổi tiếp xúc thú vị với Tiến sĩ Michael Roach, người viết "The Diamond Cutter", một tác phẩm đã được Trần Tuấn Mẫn dịch ra tiếng Việt dưới tựa đề "Năng Đoạn Kim Cương," và ThaiHabooks tái bản năm 2009; quyển sách có nội dung giới thiệu những điều minh triết của Phật giáo với doanh nhân.

Do Hội Doanh Nghiệp Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với ThaiHabooks tổ chức tại phòng Ballroom của khách sạn ParkRoyal, cuộc tiếp xúc được thể hiện dưới hình thức hội thảo với chủ đề "Ứng dụng triết lý của Đức Phật trong quản trị doanh nghiệp và cuộc sống", thu hút chừng ba trăm người tham dự, phần lớn là các nhà doanh nghiệp đang hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh. Chính Tiến sĩ Michael Roach cùng một vị cộng sự là giáo sư Christie McNally đã dẫn dắt cuộc hội thảo qua sự thông dịch trực tiếp của người lãnh đạo nhà sách Thái Hà.

Được biết, Tiến sĩ Michael Roach là một Tăng sĩ được chính bốn sư của mình đề nghị bước vào kinh doanh để khẳng định sự ưu việt của triết lý kinh Kim Cương - triết lý tánh Không - ngay cả trong lĩnh vực xa lạ với đời sống phạm hạnh, và ông đã thành công. Ông viết quyển The Diamond Cutter để trình bày kinh nghiệm của mình. Giáo sư Christie McNally đã ứng dụng những nguyên lý trong

Năng Đoạn Kim Cương để giúp điều hành trường Đại Học Núi Kim Cương (The Diamond Mountain University). Với những thành công ấy, hai vị diễn giả muốn chia sẻ kinh nghiệm của họ với các doanh nhân thành phố Hồ Chí Minh. Trong buổi nói chuyện, hai diễn giả đã nêu bật ý nghĩa quan trọng của tánh Không trong đời sống. Hai diễn giả cho biết, chính việc ứng dụng tánh Không vào việc quản trị đã giúp các vị thành công. Những ví dụ dí dỏm của hai diễn giả đã làm hội trường thật sinh động.

Với nhà ý giúp các hội thảo viên chuẩn bị tâm thế để nhận được nhiều lợi ích từ những điều mà Roach và McNally cùng chia sẻ, trước buổi nói chuyện, ban tổ chức hội thảo đã khéo léo vận động cử tọa thực hiện một số động tác yoga ngay tại phòng họp qua sự hướng dẫn của một đoàn hướng dẫn viên gồm bốn người đến từ Hoa Kỳ, cùng đi với Tiến sĩ Michael Roach và giáo sư Michael McNally.

Trước cuộc hội thảo tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4, một cuộc hội thảo tương tự cũng đã được ThaiHabooks kết hợp với Hội Doanh Nghiệp Trẻ Hà Nội thực hiện, được biết thu hút tới sáu trăm nhà doanh nghiệp Bắc Hà. Sự ủng hộ của các doanh nhân đối với các cuộc hội thảo loại này cho thấy các nhà doanh nghiệp Việt Nam đang quan tâm đến vấn đề đạo đức trong kinh doanh, một điều mà Văn Hóa Phật Giáo đã đặt ra trong nhiều số báo trước. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Cách đây vài năm, có thời gian tôi làm việc cho một trạm cung cấp nhiên liệu tư nhân. Nhiệm vụ của tôi là bơm xăng. Thực tình chưa bao giờ chủ trạm xăng yêu cầu tôi phải dùng thủ thuật nào để rút bớt lượng xăng bơm cho khách. Nhưng, đôi khi tôi vẫn cố tình vi phạm các quy định chỉ vì làm biếng.

Như mọi hoạt động dịch vụ khác, khách vào trạm xăng rất bình thường. Có lúc chờ dài cổ chẳng thấy ai. Có lúc mới mở vòi bơm lên đã phải miệt mài bơm xăng cho hàng chục chiếc xe đứng chờ, ai cũng sốt ruột muốn được bơm xăng sớm để còn tiếp tục lên đường. Những lúc đông khách thay vì phải chốt giá rồi mới bơm xăng cho khách thì tôi lại không làm điều ấy. Những sai sót thường là không thể tránh và thỉnh thoảng lại xảy ra tranh cãi.

Có một người khách thường đổ xăng ở nơi tôi làm việc đã gây cho tôi nhiều ấn tượng. Hầu như mỗi chiều thứ Bảy ông ta lại đến mua xăng ở trạm xăng nơi tôi làm việc. Tình cờ, tôi thường là người bơm xăng cho ông.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi đã gắt với ông ta; vì khi đẩy được chiếc xe đến trước vòi bơm của tôi, ông ta nói, “Cho tôi 29.500 đồng xăng”. Đang mệt vì phải bơm xăng liên tục, tôi gắt, “Đào đâu ra tờ năm trăm đồng lẻ thối cho ông? Ông đổ luôn ba chục ngàn cho tôi nhờ”. Ông ta mỉm cười bảo, “Tôi vẫn trả cho em đủ ba chục ngàn, nhưng em hãy canh đồng hồ tính tiền, cứ trên hai mươi chín ngàn đồng thì ngừng bơm”. Tôi lấy làm ngạc nhiên, vì thông thường, khách hàng thấy đồng hồ tính tiền chưa thể hiện đúng số tiền họ ấn định thì họ còn đòi hỏi người bơm xăng bơm thêm. Nếu người bơm xăng không chốt số tiền khách hàng ấn định trước thì thường phải bơm quá một chút. Tôi nghĩ rằng ông khách hàng này lập dị.

Một lần ông ta đến đổ xăng vào lúc trạm xăng vắng khách, tôi hỏi ông: “Tại sao chủ lại chấp nhận thiệt thòi khi đổ xăng vậy? Chủ không nghe nói bọn bơm xăng tui con chuyên ăn gian, rút bớt xăng của khách hàng à?”. Ông trả lời, “Chính vì tôi có nghe dư luận ấy mà tôi mới yêu cầu em chỉ bơm ít hơn một chút so với số tiền tôi phải trả. Có lẽ em cũng chỉ là người làm công. Tôi không nghĩ các em cố tình gian lận với khách. Năm trăm đồng bạc xăng chưa tới ba xăng-ti-lít xăng, tôi có chạy được bao nhiêu đường đất đâu; nhưng nếu em không chốt giá, em sẽ phải bơm hơn ba chục ngàn một chút, có khi quá tay, lên tới cả ngàn bạc. Chắc chắn tôi không chịu trả thêm tiền cho em, chỉ vì tôi đã dự trù khoản tiền đổ xăng rồi. Mà khi đó thì tôi lại nợ em. Đó là điều mà tôi không muốn. Nhà Phật dạy tôi, hễ có vay là phải có trả. Tốt hơn, tôi không vay của em, dù có thiệt một chút cũng không sao”.

Câu trả lời của ông khách hàng lập dị này đã làm tôi phải suy nghĩ. Và dần dần tôi đã cố gắng khắc phục tính làm biếng, luôn luôn chốt giá bơm xăng cho khách hàng để lúc nào cũng bơm đúng số lượng xăng khách hàng yêu cầu.

Khi không còn làm việc ở trạm bơm xăng nữa, tôi đã tìm được công việc tốt hơn trong lĩnh vực thương mại. Nhờ chăm chỉ và trung thực trong công việc, tôi tạo được uy tín với cấp trên, giành được sự thương mến của những người đồng sự và lòng tôn trọng của khách hàng. Thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ tới người khách hàng mua xăng lập dị năm xưa. Chính những câu nói và thái độ của ông đã tác động đến hành xử của tôi, đã đem lại cho tôi vị trí ngày nay. Và tôi nghĩ, mình phải tỏ lòng cảm ơn người khách hàng lập dị ấy.

Nguyễn Trung Nhân
73/1 Dương Đình Hội,
phường Phước Long B, TP.Hồ Chí Minh



Chè Lục tào xá

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Lục tào xá, còn gọi là lục đậu thang, là món chè đậu xanh nấu như với các thành phần đều là thuốc như hạt sen, trần bì, đường phèn, táo khô... Món chè này có công dụng thanh nhiệt, giải độc, bổ tì vị... mà lại rất ngon. Nên dùng ấm nóng để cảm nhận thêm hương vị thơm ngát của những hạt tinh dầu nơi vỏ quít phơi khô...

Vật liệu:

Đậu xanh cà: 300gr
Hạt sen: 100gr
Trần bì (vỏ quít phơi khô): 10gr
Táo đen: 100gr
Bột báng: 150gr
Đường phèn: 400gr

Cách làm:

Hạt sen: làm sạch, đem hấp chín
Táo đen: rửa sạch, xẻ bỏ hạt
Đậu xanh: ngâm nước cho nở,

đãi sạch vỏ.

Bột báng: rửa sạch, ngâm nước cho nở

Trần bì: rửa sạch, cạo bớt lớp vỏ trắng bên trong, cắt nhỏ.

Đổ vào nồi khoảng 2 lít nước, cho đậu xanh, trần bì, bột báng vào nấu chung. Khi đậu xanh nở như, bột báng nở lớn và trong, bỏ đường phèn vào nấu cho tan đường thì thả táo và hạt sen vào, chè sôi lại là được. Món chè này dùng nóng.



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&WA.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372

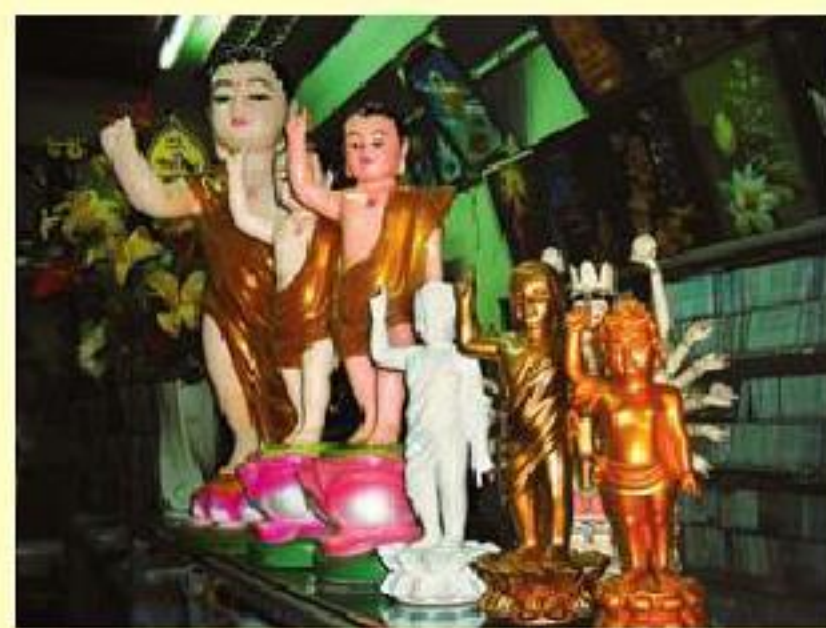


Phòng phát hành

Kinh Sách Tâm Minh

ĐC: 65 Lý Chính Thắng P.8 Q.3 Tp.HCM. ĐT: 083.8483075 - 0908 500 672

Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản



Phật lịch 2553

Chuyên phát hành sớ & lễ:

- Kinh sách Phật giáo
- Sách nghiên cứu
- Tranh Phật, tượng Phật
- Văn hóa phẩm Phật giáo
- Máy niệm Phật & chuỗi hạt các loại



Đặc biệt nhân lễ Phật Đản:

- Đèn lồng, đèn trụ, đèn lục lăng, đèn chùa 1 cột, đèn QTG, đèn Hoa Sen, đèn Phật Ngọc
- Cờ phướn các loại

Đặc biệt có tượng Đản Sanh poly cao 8 tấc và 1m3.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Văn phòng: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38469721 – Email: vinhphuoc12@gmail.com

Kính mừng Đại lễ Phật Đản Phật Lịch 2553

Kính chúc

Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni
Quý cơ quan, ban ngành đoàn thể các cấp
Quý Phòng phát hành (đại lý), Phật tử, độc giả,
thân hữu trong và ngoài nước

*Thân tâm an lạc – Phúc thọ tăng long
Thành tựu mọi sở nguyện*



Chuyên thực hiện:

- ▣ In ấn, phát hành các loại kinh sách Phật giáo
- ▣ Nhận thực hiện các thủ tục xin phép xuất bản kinh, sách, văn hóa phẩm Phật giáo
- ▣ Nhận ký gởi các loại kinh, sách, văn học, triết học, văn hóa phẩm Phật giáo
- ▣ Nhận chuyển giao kinh sách đến tận nơi chư Tăng Ni, quý Phật tử trong và ngoài nước...

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NI VIỆN VAN HANH**Kính mừng Đại lễ Phật Đản****Phật lịch 2553****Kính nguyện chư tôn thiện đức**Pháp thế khinh an
Hòa duyên vô ngại
Phật sự viên thành**Thân chúc Phật tử gần xa**

Nhuân Chiêm chánh pháp

Sở nguyện tưng tâm

Vạn duyên sung mãn

Tỳ kheo ni **THÍCH NỮ GIÁC TRUNG**

508 Tỉnh lộ 43 - KP.5, P. Tam Phú, Q. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 08. 38961857



SAI GON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Kính mừng Đại lễ Phật Đản - Phật lịch 2553

* Chuyên Sĩ & Lê, Đặc Biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mặt hàng :
Túi Xách, Balô, cặp Laptop, Vali...* Specialized in whole sale and retail, manufacturing follow order :
Handbags, Backpacks, Briefcases For Laptop, Suitcases...

ĐC: Shop 41B Tầng Trệt (First Floor)

HP: 0908662107 (Mr. HỒNG)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Street, District 1

0909098618 (Mrs. THẢO)

ĐT: 35108720

Email: hongthao268@yahoo.com

Giá ưu đãi dành cho quý Tăng Ni và Phật tử

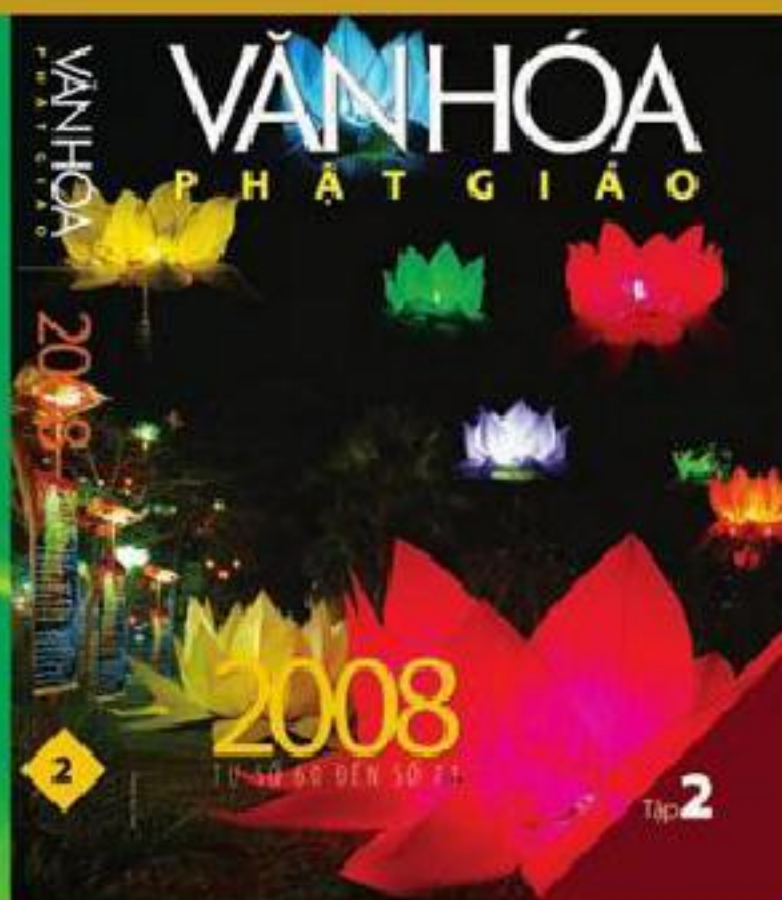
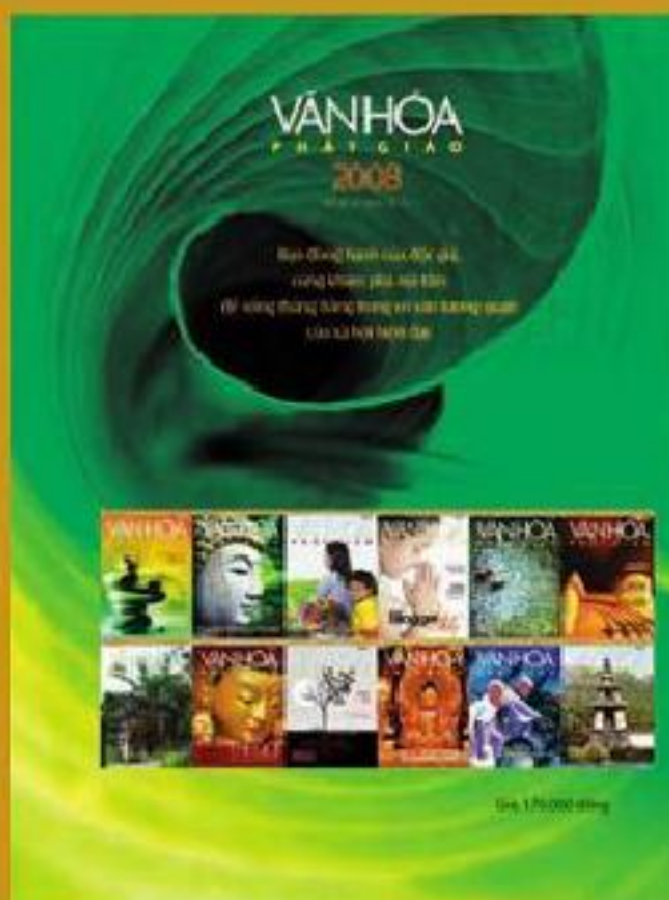
**NGỌC HIỀN**

QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ

ĐỒ THỜ CÚNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM

ĐT: 38.355590 - DĐ: 098 3675 570

**Sắp phát hành
Văn Hóa Phật Giáo****đồng bộ, bìa cứng****12 số cuối năm 2008****(từ số 60 đến số 71)****Giá: 170.000/ bộ**Quý độc giả có nhu cầu
xin liên lạc với tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 38484335 - 38484576**Sách mới:**☐ **Thử hòa điệu sống**

Tác giả: Võ Đình Cường

Dày 99 trang - Giá bìa: 19.000đ

☐ **Khái thuật Phật giáo Ấn Độ**

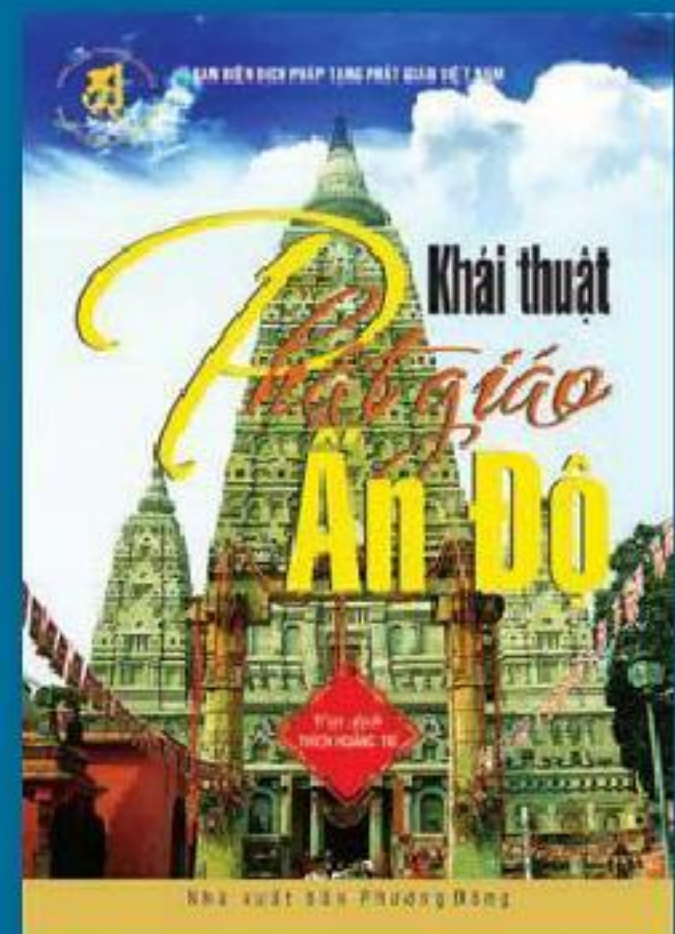
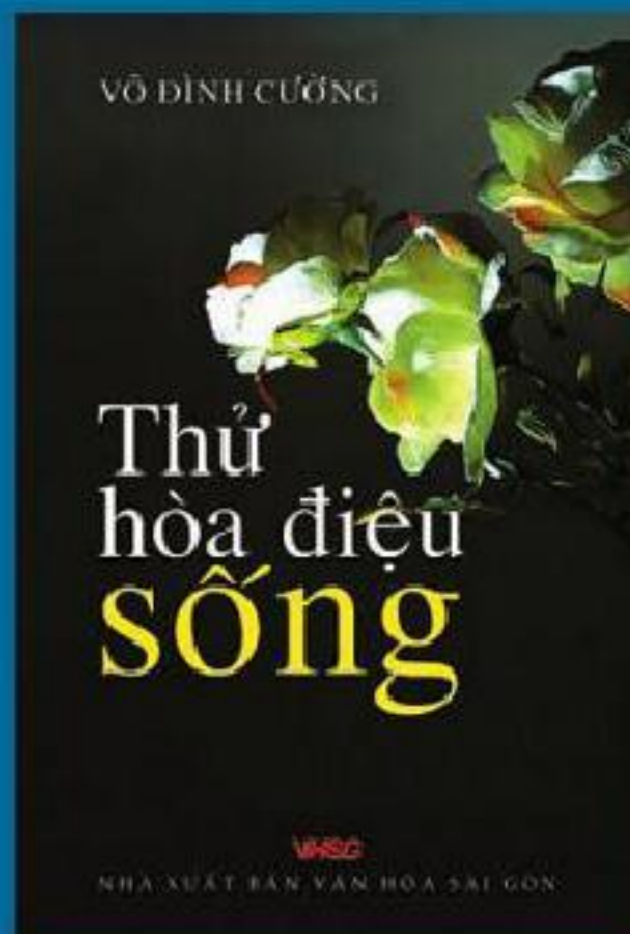
Dịch giả: thầy Thích Hoàng Trí

Dày 619 trang - Giá bìa: 69.000đ

Sách hiện đang bày bán tại
phòng phát hành tạp chí VHPG

113 Bạch Đằng, P.15, Quận Bình Thạnh.

Điện thoại: 3899 1529





VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2008
(1 trong 2 giải loại hình chung cư)

"Chuẩn từng cm"



DAT LANH Nang Gió Thái An
Chung cư Xanh

www.datlanhthai-an.com.vn - nanggiiothai-an@yahoo.com.vn

Quý vị có nhu cầu quảng cáo trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Xin liên hệ: **Ms. Sương**
Mobile: 0918032040 hoặc Email: vietartsupply@gmail.com



CƠM CHAY Cát Tường

Giờ mở cửa : 9h -> 21h hàng ngày
Nghỉ mừng 2, 16 âm lịch hàng tháng

Chuyên : • Phục vụ các món chay thuần túy Việt Nam
• Nhận đặt tiệc, cơm chay tháng
• Buffet mừng 1, rằm hàng tháng

Đặc biệt: Giảm 10% Quý Tặng Ni

Khung cảnh yên tĩnh, lịch sự, thoáng mát

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

ĐC: 15 Bis Trần Khánh Dư
P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM

Tel: 38467086
Mobile :0918 264 925 (Cô Mỹ Linh)



**Nha Hang Chay
Thiên Tâm**

☛ THIÊN TÂM - Q.10

443 Sư Vạn Hạnh nối dài - ĐT: 38630798

☛ THIÊN TÂM - Q. PHÚ NHUẬN

121 Phan Đình Phùng - ĐT: 39953638

*Hơn 80 món chay Việt Nam và Quốc tế
Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, trang nhã và thư giãn
Nhận đặt tiệc chay*

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
Thủ Công Mỹ Nghệ Cao Cấp



82/112 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
ĐT: (84.8) 22.128.757
E-mail: hoanghiem09@yahoo.com.vn

Chuyên cung cấp các sản phẩm nghệ thuật văn hóa Phật giáo si & lễ:

- Tượng điêu khắc nghệ thuật cao cấp bằng gỗ, đá, đồng theo các truyền thống PG.
- Tượng mạ vàng, tranh vẽ (Thangka) theo truyền thống Tây Tạng, Trung Quốc.
- Nhận chế tạo tượng Phật lớn cho các công trình, chùa, viện.
- Chuông mõ, tháp xá lợi, lư hương, trầm hương, đèn hoa sen.
- Pháp phục tu sĩ & cư sĩ, hàng lưu niệm, chuỗi hạt san hô, hổ phách, v.v....
- Các loại trà & trà cụ.
- Kinh sách Phật học nghiên cứu.

**Giảm giá
10%**



Yoga Secret Club

14 lớp Yoga mỗi ngày

Kết hợp cho tất cả mọi trình độ từ cơ bản đến nâng cao.

Thời gian hoạt động :

- Buổi sáng: 5:00 - 10:30

- Buổi chiều: 15:00 - 20:30

Đội ngũ giáo viên nước ngoài và Việt Nam
với bằng cấp quốc tế, chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm.
Nhận mở lớp theo yêu cầu đặc biệt cho công ty hoặc cá nhân.

Your health inspires our spirit

70 Trương Quốc Dung, P.10, Q.PN
Tel: 8.453.271 - Fax: 8.453.679

Email: info@yogasecretclub.com
Website: www.yogasecretclub.com

